

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

VŨ HẢI ANH

**CÁC TỘI XÂM PHẠM NHÂN PHẨM, DANH DỰ CỦA CON NGƯỜI
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã số: 62.38.01.04

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. TRẦN VĂN ĐỘ

HÀ NỘI - năm 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các thông tin, số liệu nêu trong Luận án là trung thực. Các luận điểm kế thừa được trích dẫn rõ ràng. Kết quả nghiên cứu của Luận án chưa từng được công bố trong công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Vũ Hải Anh

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

	BLH	Bộ luật hình sự
S:		
	CTT	Cấu thành tội phạm
P:		
	CSH	Chính sách hình sự
S:		
	HĐX	Hội đồng xét xử
X:		
	PLH	Pháp luật hình sự
S:		
	PTC	Phạm tội chưa đạt
Đ:		
	TAN	Tòa án nhân dân
D:		Tòa án nhân dân tối cao
	TAN	
DTC:		
	QĐH	Quyết định hình phạt
P:		
	QHX	Quan hệ xã hội
H:		Quy phạm pháp luật
	QPP	
L:		
	TNH	Trách nhiệm hình sự

S:

XHC Xã hội chủ nghĩa

N:

VKS Viện kiểm sát nhân dân

ND: Viện kiểm sát nhân dân tối cao

VKS

NDTC:

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	9
1.1. Tình hình nghiên cứu ở trong nước.....	9
1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài	22
1.3. Đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.....	27
CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM NHÂN PHẨM, DANH DỰ CỦA CON NGƯỜI	32
2.1. Khái niệm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người	32
2.2. Các dấu hiệu pháp lý hình sự của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người	39
2.3. Khái quát lịch sử lập pháp về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.....	46
2.4. Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người theo quy định của luật hình sự một số nước trên thế giới.....	56
CHƯƠNG 3: QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM NHÂN PHẨM, DANH DỰ CỦA CON NGƯỜI	77
3.1. Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người theo Bộ luật hình sự năm 1999	77
3.2. Thực tiễn áp dụng các quy định về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người	91
CHƯƠNG 4: CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM NHÂN PHẨM, DANH DỰ CỦA CON NGƯỜI	117
4.1. Yêu cầu, phương hướng hoàn thiện pháp luật hình sự và các biện pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người	117
4.2. Các biện pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người	120
KẾT LUẬN	145
TÀI LIỆU THAM KHẢO	147
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	172
PHỤ LỤC 1. DANH MỤC CÁC BẢNG	173
PHỤ LỤC 2. DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ	183

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm hại đến sự phát triển bình thường, lành mạnh của con người mà còn làm tổn thương tinh thần người bị hại cũng như gia đình của họ. Những hành vi này còn có tác động xấu đến xã hội, nhiều vụ án gây phẫn nộ, gây bức xúc, nhức nhối trong dư luận. Hành vi xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người không chỉ diễn ra trong cộng đồng hay tại nơi làm việc mà còn có thể diễn ra ngay chính tại gia đình người bị hại. Người phạm các loại tội này thuộc nhiều thành phần, lứa tuổi khác nhau, không chỉ là người lạ mà những hành vi xâm phạm nhân phẩm, danh dự này còn có thể được thực hiện bởi chính những người quen của người bị hại, thậm chí là người thân trong gia đình. Trong thời gian qua, tính chất và mức độ của các hành vi xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người ngày càng nghiêm trọng, báo động về sự xuống cấp đạo đức của một bộ phận dân cư, ảnh hưởng không nhỏ đến trật tự văn hóa - xã hội trong cộng đồng. Con người vì những cuộc tranh giành tiền bạc, hưởng thụ mà đôi khi sẵn sàng mưu tính mọi thủ đoạn, thậm chí hạ thấp nhân phẩm, danh dự của người khác để đạt được mục đích của mình như: bôi nhọ thanh danh, nói xấu, vu khống đối tác; lợi dụng và lừa gạt chính những người thân trong gia đình mình để bán ra nước ngoài nhằm trục lợi... Con người vì những ghen ghét, bất đồng phát sinh trong đời sống hằng ngày mà sẵn sàng bịa đặt và lan truyền những thông tin xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác trên facebook, các mạng xã hội để hạ thấp uy tín của người khác; sẵn sàng làm nhục người khác giữa những nơi đông người như đánh đập, xé quần áo rồi kéo lê người khác trên đường... để thỏa mãn sự ghen tuông, lòng đố kỵ đang trở dậy trong con người mình. Những nét đẹp

tâm hồn, những giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc ở đâu đó trong xã hội đang dần bị quên lãng, dần bị mai một. Có thể thấy tình hình các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người đang diễn biến ngày càng phức tạp. Đây là những hành vi không những gây thiệt hại cho nhân phẩm, danh dự của con người mà còn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe của nạn nhân, làm băng hoại đạo đức, gây mất ổn định trật tự xã hội và đang là một trong những vấn đề được xã hội đặc biệt quan tâm.

Ở phương diện pháp lý, Nhà nước ta luôn luôn nhất quán tôn trọng và bảo vệ nhân phẩm, danh dự của mọi công dân. Điều đó đã được pháp luật đề cập đến trong nhiều văn bản. Điều 20 Hiến pháp năm 2013 đã nêu rõ: *“Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm...”* hay Điều 37 Bộ luật dân sự cũng quy định: *“Danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ”*. Trong những năm qua, các quy định của BLHS về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người đã góp phần quan trọng vào công tác điều tra và phòng, chống loại tội phạm này. Trong BLHS năm 1999 có quy định 10 tội danh thuộc nhóm tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trong Chương XII. Đó là các tội quy định từ Điều 111 đến Điều 116, từ Điều 119 đến Điều 122. Những quy định này là cơ sở pháp lý giúp giải quyết những vụ án xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trong thực tế. Tuy nhiên, việc đấu tranh phòng, chống của các cấp, các ngành tư pháp đối với loại tội phạm này dù ngày càng được nâng cao song vẫn không tránh khỏi những khó khăn khi thực tiễn áp dụng pháp luật còn gặp nhiều vướng mắc. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc đó chủ yếu xuất phát từ những hạn chế, thiếu sót trong quy định của pháp luật hình sự về nhóm tội này. Những quy định

của các điều luật về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người khi áp dụng vẫn gặp phải những quan điểm, đường lối xử lý thiếu thống nhất, còn tùy nghi do cách hiểu, cách tiếp cận những quy định luật hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng. Trong một số trường hợp, các cơ quan bảo vệ pháp luật vẫn còn lúng túng, chưa có quan điểm thống nhất hoặc mắc phải thiếu sót trong việc giải quyết các vụ án về nhóm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người. Vì vậy, để khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người, góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động áp dụng pháp luật nói chung và áp dụng các quy định của pháp luật về nhóm tội này nói riêng, điều cần thiết hiện nay là tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về nhóm tội này.

Nhiệm vụ cải cách tư pháp theo tinh thần của Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về “Một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tư pháp trong thời gian tới” và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” đòi hỏi phải hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp. Theo đó, những quy định của luật hình sự về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người cần được tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu đề cao hiệu quả phòng ngừa, tăng cường tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội, đồng thời tội phạm hóa những hành vi nguy hiểm cho xã hội mới xuất hiện trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Mặt khác, với sự thay đổi của điều kiện kinh tế - xã hội, nhiều hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật nghiêm trọng gây thiệt hại đáng kể cho xã hội liên quan đến nhân phẩm, danh dự của con người mới phát sinh nhưng chưa đủ cơ sở pháp lý để giải quyết như: hành vi xâm hại tình dục giữa những người đồng tính, chuyển đổi giới tính; hành vi mua bán bộ phận cơ thể, nội

tạng hay thai nhi v.v... Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người đã và đang gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng cho xã hội trên tất cả các mặt kinh tế, xã hội, sức khỏe, đạo đức, tâm lý... của con người. Vì vậy việc nghiên cứu một cách khoa học, toàn diện, có hệ thống các vấn đề lý luận và thực tiễn về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người như làm rõ các dấu hiệu pháp lý của các tội này, làm rõ những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn xét xử cũng như những nguyên nhân dẫn đến những vướng mắc đó để đưa ra một số biện pháp góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật, bảo đảm áp dụng có hiệu quả các quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là một đòi hỏi bức thiết của nước ta hiện nay. Do đó, tác giả đã chọn đề tài “*Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người theo pháp luật hình sự Việt Nam*” làm đề tài nghiên cứu sinh của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và pháp luật về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người, thực tiễn áp dụng các quy định về nhóm tội này trong thời gian từ năm 2005 đến năm 2015; luận án đề xuất các biện pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy định về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu nêu trên, luận án tập trung giải quyết những nhiệm vụ sau:

- Phân tích những vấn đề lý luận về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người;
- Phân tích quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.
- Đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Nhằm đạt được mục đích nghiên cứu nêu trên, luận án lấy các quan điểm khoa học về dấu hiệu pháp lý hình sự của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người; các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người; thực tiễn áp dụng pháp luật về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trên địa bàn cả nước trong thời gian từ năm 2005 đến năm 2015 để nghiên cứu những vấn đề thuộc nội dung nghiên cứu của đề tài.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về chuyên ngành nghiên cứu: Đề tài luận án được nghiên cứu dưới góc độ chuyên ngành luật hình sự và tố tụng hình sự.
- Về thời gian nghiên cứu: Từ năm 2005 đến năm 2015.
- Về địa bàn nghiên cứu: trên phạm vi cả nước.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận án lấy chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm của Đảng và của Nhà nước ta về tội phạm và hình phạt, về đấu tranh phòng, chống tội phạm làm phương pháp luận nghiên cứu các vấn đề thuộc nội dung nghiên cứu.

Luận án còn sử dụng trong một tổng thể các phương pháp nghiên cứu cụ thể khác như phân tích, tổng hợp, thống kê, bảng biểu hóa, so sánh ... để thực hiện đề tài luận án, cụ thể là:

Chương 1: Chương tổng quan tình hình nghiên cứu chủ yếu dùng các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp so sánh để khái quát các vấn đề liên quan đến đề tài đã được nghiên cứu trong các công trình khoa học đã công bố để đưa ra những nội dung kế thừa cũng như khái quát các vấn đề mà luận án cần nghiên cứu.

Chương 2: Sử dụng phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp hệ thống hóa để làm rõ các khái niệm liên quan đến các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

Sử dụng phương pháp lịch sử cụ thể, phương pháp tổng hợp, phương pháp phân tích, phương pháp hệ thống hóa, phương pháp so sánh để làm rõ lịch sử lập pháp về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

Chương 3: Sử dụng phương pháp thống kê, phương pháp so sánh, phương pháp tổng hợp, phương pháp phân tích, phương pháp logic, phương pháp tiếp cận đa ngành - liên ngành để làm rõ các quy định của BLHS hiện hành về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người cũng như thực tiễn áp dụng các quy định này.

Chương 4: Sử dụng phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp logic, phương pháp tiếp cận đa ngành - liên ngành để đưa ra một số giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

Việc thực hiện luận án cũng được tác giả sử dụng một số phương pháp đặc thù của lĩnh vực luật học như: phương pháp tiếp cận quy phạm được sử dụng để hệ thống hóa và giải thích các quy định của pháp luật, các văn bản hướng dẫn về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người; phương pháp nghiên cứu lịch sử pháp luật được sử dụng để thể hiện sự gắn kết và tiếp nối về mặt thời gian của những quy định pháp luật; phương pháp nghiên cứu luật pháp trong mối quan hệ với chính trị hoặc trong mối quan hệ với xã hội học...

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Về quan điểm tiếp cận: Dựa vào phép biện chứng của triết học Mác-xít, luận án nghiên cứu các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người dưới nhiều hướng tiếp cận khác nhau nhưng trọng tâm là hướng tiếp cận liên ngành (tác giả đặc biệt chú trọng tiếp cận dưới góc độ xã hội học pháp luật) và hướng tiếp cận trên cơ sở bảo vệ quyền.

Về phương pháp: Các phương pháp được sử dụng trong luận án này như đã nêu tại mục 4 phần mở đầu luận án này vừa có tính bổ trợ cho nhau, vừa có tính độc lập cho phép nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận và pháp luật về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người. Những phương pháp này cũng được sử dụng để đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người để từ đó luận án đề xuất những biện pháp đảm bảo áp dụng đúng các quy định này trong thời gian tới.

Về tổng quát: Luận án là công trình nghiên cứu có tính chuyên sâu của hình sự về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trên địa bàn cả nước. Luận án đã thiết lập được hệ thống lý luận và pháp luật về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người. Và để hệ thống lý luận và pháp luật đó phát huy tác dụng là vũ khí sắc bén đấu tranh với các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trong thời gian tới, luận án đã xây dựng các biện pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy định về nhóm tội phạm này một cách đầy đủ, có cơ sở khoa học và mang tính khả thi cao.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

- Luận án đã làm sáng rõ những vấn đề lý luận cũng như phân tích rõ những quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người. Nhìn nhận các quy định của pháp luật về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người dưới nhiều cách tiếp cận khác nhau (tiếp cận đa ngành và liên ngành) để thấy được vai trò, mục đích của pháp luật trong phát triển con người và bảo vệ con người. Do đó, luận án có thể được sử dụng làm tài liệu phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực luật hình sự và những lĩnh vực có liên quan.

- Luận án có thể làm tài liệu tham khảo khi các cơ quan lập pháp, các tổ chức xã hội và công dân tham gia vào việc đóng góp ý kiến nhằm tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy định trong BLHS và Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam.

- Luận án cung cấp những cơ sở lý luận và thực tiễn trong áp dụng pháp luật về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người để từ đó đưa ra một số biện pháp góp phần bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật về nhóm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người. Vì vậy, kết quả nghiên cứu của luận án có thể được sử dụng để thống nhất về nhận thức các quy định của pháp luật về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người, góp phần khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật, qua đó giúp nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm nói chung, các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người nói riêng.

Đây là công trình khoa học đầu tiên ở cấp độ tiến sỹ tiếp cận một cách toàn diện và có hệ thống về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu và kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận án được kết cấu gồm 4 chương, như sau:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2. Những vấn đề lý luận và lịch sử về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người;

Chương 3. Quy định của Bộ luật hình sự 1999 và thực tiễn áp dụng các quy định về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người;

Chương 4. Các biện pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

Để nghiên cứu một cách sâu sắc và toàn diện các vấn đề thuộc nội dung nghiên cứu của đề tài, điều quan trọng trước tiên là cần xác định các vấn đề đó đã được nghiên cứu chưa? Nếu đã được nghiên cứu thì trạng thái nghiên cứu như thế nào? Có thể nói các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là một trong những nhóm tội xảy ra khá phổ biến trên thực tế. Vì vậy, cho đến nay đã có không ít các công trình nghiên cứu khoa học có liên quan đến các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người. Mỗi công trình nghiên cứu đều đề cập dưới một góc độ nhất định và đều có ý nghĩa đóng góp vào quá trình nghiên cứu và hoàn thiện các quy định của pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng, đồng thời góp phần tích cực trong công cuộc đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm cũng như các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

1.1. Tình hình nghiên cứu ở trong nước

Ở Việt Nam đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về các nội dung thuộc nhóm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người. Tuy nhiên, trong phạm vi đề tài nghiên cứu, tác giả luận án có thể chỉ ra một số công trình liên quan (theo từng nhóm) mà tác giả luận án này sẽ tiếp thu để làm rõ những nội dung trong luận án của mình, cụ thể:

1.1.1. Những công trình nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

Việc nghiên cứu đề tài “*Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người theo pháp luật hình sự Việt Nam*” sẽ không đạt kết quả tốt nếu không tham khảo những công trình nghiên cứu đã được công bố trong nước về những vấn đề lý luận chung của luật hình sự cũng như những vấn đề có liên quan đến nhóm tội phạm này.

Về phương diện lý luận luật hình sự, *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (phần chung)* của tập thể tác giả dưới sự chủ biên của GS.TS.Võ Khánh Vinh do nhà xuất bản Khoa học xã hội xuất bản năm 2014 đã mang lại cho tác giả luận án này những giá trị và lợi ích thiết thực trong thực hiện đề tài. Những vấn đề lý luận về tội phạm, về hình phạt cũng như về các vấn đề khác liên quan đến tội phạm và hình phạt được các tác giả trình bày trong giáo trình này là cơ sở giúp tác giả luận án này nhận thức sâu sắc về tội phạm nói chung và các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người nói riêng. Đặc biệt những tri thức về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người được phân tích tại chương “Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người” trong *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (phần các tội phạm)* của tập thể tác giả cũng do GS.TS.Võ Khánh Vinh làm chủ biên, nhà xuất bản Khoa học xã hội xuất bản năm 2014 đã giúp tác giả luận án này nhận thức đúng và sâu sắc các dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người cũng như những hình phạt được quy định với các tội phạm đó.

Trong số những giáo trình luật hình sự đã được công bố mà tác giả luận án này tham khảo để thực hiện đề tài luận án, có *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm* của tập thể tác giả do GS.TS.Võ Khánh Vinh làm chủ biên, nhà xuất bản Công an nhân dân phát hành năm 2001; *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần chung* của tập thể tác giả cũng do GS.TS.Võ Khánh Vinh làm chủ biên, nhà xuất bản Công an nhân dân phát hành năm 2002; *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần chung* của tập thể tác giả do TS.Cao Thị Oanh làm chủ biên, nhà xuất bản Giáo dục phát hành năm 2012; *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm* của tập thể tác giả cũng dưới sự chủ biên của TS.Cao Thị Oanh do nhà xuất bản Giáo dục phát hành năm 2012; *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Tập 1* của Trường Đại học Luật Hà Nội do nhà xuất bản Công an nhân dân phát hành năm 2012; *Giáo trình*

luật hình sự Việt Nam (phần chung) của Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội do nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội xuất bản năm 2001. Trong các giáo trình này, các tác giả phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận của luật hình sự như những vấn đề về tội phạm, hình phạt và những vấn đề có liên quan đến tội phạm và hình phạt. Đây là cơ sở để tác giả luận án nhận thức sâu sắc các quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

Những tri thức cơ bản và nhận thức về nhân phẩm, danh dự của con người được tác giả luận án này lĩnh hội từ giáo trình giảng dạy sau đại học “*Quyền con người*” của tập thể tác giả dưới sự chủ biên của GS.TS.Võ Khánh Vinh do nhà xuất bản Khoa học xã hội xuất bản năm 2011. Trong cuốn giáo trình này, ngoài việc giới thiệu và phân tích những vấn đề về lịch sử cũng như những vấn đề lý luận và chính trị của quyền con người, các tác giả còn chỉ rõ các cơ chế pháp lý bảo vệ quyền con người trên thế giới cũng như trong phạm vi quốc gia, đồng thời phân tích rõ sự nỗ lực của Nhà nước ta trong việc bảo vệ quyền con người. Cuốn giáo trình này đã giúp cho tác giả luận án mở rộng nhận thức về quyền con người nói chung và quyền bảo vệ về nhân phẩm, danh dự của con người nói riêng.

Bên cạnh những nhận thức cơ bản về quyền con người, tác giả luận án có cái nhìn sâu sắc hơn về quyền con người khi tham khảo hai tập sách “*Quyền con người tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học*” của tập thể tác giả cũng do GS.TS.Võ Khánh Vinh chủ biên, nhà xuất bản Khoa học xã hội xuất bản năm 2010. Các tác giả đã đưa ra cách tiếp cận mới khi nghiên cứu về quyền con người khi nghiên cứu không phải ở một khía cạnh hay đơn thuần ở một ngành khoa học xã hội nào đó mà tiếp cận theo hướng đa ngành và liên ngành luật học về quyền con người tạo nên hệ thống tri thức tổng hợp về quyền con người, giúp nhận thức một cách sâu sắc và toàn

diện giá trị của quyền con người, trong đó quyền nhân thân được xác định là một trong những nội dung cơ bản của quyền con người và không tách rời khỏi quyền con người.

Trong số những công trình nghiên cứu ở cấp độ sách chuyên khảo mà tác giả luận án này tham khảo để có nhận thức sâu sắc và đầy đủ hơn về quyền con người nói chung và quyền nhân thân nói riêng, có cuốn “*Cơ chế bảo đảm và bảo vệ quyền con người*” của tập thể tác giả do GS.TS.Võ Khánh Vinh chủ biên được nhà xuất bản Khoa học xã hội phát hành năm 2011; cuốn “*Những vấn đề lý luận và thực tiễn của nhóm quyền mới xuất hiện trong quá trình phát triển*” của GS.TS.Võ Khánh Vinh do nhà xuất bản Khoa học xã hội phát hành năm 2012; cuốn “*Quyền con người trong Hiến pháp năm 2013 - Quan điểm mới cách tiếp cận mới và các quy định mới*” của tập thể tác giả do TS.Nguyễn Văn Hiến chủ biên, nhà xuất bản Chính trị quốc gia phát hành năm 2014. Trong các cuốn sách này, các tác giả đã phân tích những đặc điểm của quyền con người trong điều kiện mới cũng như những cơ chế pháp lý bảo vệ quyền con người.

Sẽ là không đầy đủ khi nói đến các công trình nghiên cứu ở tầm sách chuyên khảo mà tác giả luận án tham khảo để thực hiện đề tài này mà không đề cập đến cuốn “*Xã hội học pháp luật - Những vấn đề cơ bản*” của tập thể tác giả do GS.TS.Võ Khánh Vinh chủ biên được nhà xuất bản Khoa học xã hội xuất bản năm 2011. Tác giả luận án này nghiên cứu các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người không đơn thuần dưới góc độ phân tích các quy định của pháp luật mà nghiên cứu đề tài này dưới nhiều cách tiếp cận, trong đó đặc biệt coi trọng cách tiếp cận xã hội học pháp luật. Cuốn sách “*Xã hội học pháp luật - Những vấn đề cơ bản*” này giúp tác giả luận án có những kiến thức cơ bản về hướng tiếp cận nghiên cứu mới này, đặt các quy định của pháp luật trong sự phát triển của điều kiện xã hội.

Bên cạnh những công trình nghiên cứu những vấn đề lý luận về luật hình sự cũng như quyền con người, tác giả luận án còn tham khảo những công trình khoa học nghiên cứu về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người. Ở cấp độ luận văn thạc sỹ: Luận văn “*Các tội xâm hại tình dục theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam*” được học viên cao học Hoàng Thị Thanh Hà bảo vệ thành công năm 2015 tại Học viện khoa học xã hội; luận văn “*Tội hiếp dâm và hiếp dâm trẻ em theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Nam Định*” được học viên cao học Bùi Thị Hằng Nga bảo vệ thành công năm 2016 tại Học viện khoa học xã hội; Luận văn “*Tội mua bán người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Lạng Sơn*” được học viên cao học Dương Thu Hải bảo vệ thành công năm 2016 tại Học viện khoa học xã hội. Ba luận văn này nghiên cứu những tội cụ thể trong nhóm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người. Các tác giả đã phân tích những vấn đề chung về những tội phạm cụ thể mà đề tài luận văn nghiên cứu. Ngoài ra còn có luận văn “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về tội mua bán người trong Luật hình sự Việt Nam*” được học viên cao học Đoàn Ngọc Huyền bảo vệ thành công năm 2014 tại Khoa Luật - Đại học quốc gia; luận văn “*Các tội xâm hại tình dục trẻ em trong Luật hình sự Việt Nam*” được học viên cao học Nguyễn Minh Hương bảo vệ thành công năm 2014 tại Khoa Luật - Đại học quốc gia; luận văn “*Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người theo luật hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk)*” được học viên cao học Nguyễn Đình Cương bảo vệ thành công năm 2015 tại Khoa Luật - Đại học quốc gia; luận văn “*Các tội hiếp dâm theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam*” được học viên cao học Cao Hữu Sáng bảo vệ thành công năm 2015 tại Khoa Luật - Đại học quốc gia, luận văn “*Tội hiếp dâm - So sánh giữa Bộ luật hình sự Việt Nam và Bộ luật hình sự một số nước*” được học viên cao học Bùi Thị Quyên bảo vệ thành công năm

2013 tại Đại học Luật Hà Nội. Những luận văn này cũng đã phân tích một số nội dung cơ bản về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người nói chung và tội hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em nói riêng như khái niệm, lịch sử lập pháp cũng như các quy định của BLHS năm 1999 về nhóm tội phạm này.

Một loạt các bài viết đã được công bố trên các tạp chí chuyên ngành luật học cũng được tác giả luận án này tham khảo. Đáng lưu ý là *“Một số điểm mới trong chương các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người trong Bộ luật hình sự năm 1999”* của tác giả Lê Đăng Doanh đăng trên Tạp chí luật học số 4 năm 2000; bài *“Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người - So sánh giữa Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật hình sự năm 1985”* của tác giả Nguyễn Ngọc Hòa đăng trên Tạp chí luật học số 1 năm 2001; bài *“Những điểm mới cơ bản về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người trong Bộ luật hình sự năm 1999”* của tác giả Trần Văn Luyện đăng trên Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 3 năm 2001; bài *“Nguyên tắc tính mức bồi thường do danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân bị xâm phạm”* của tác giả Tưởng Duy Lượng đăng trên Tạp chí tòa án nhân dân số 3 năm 2003; bài *“Trao đổi về tội hiếp dâm theo Điều 111 Bộ luật hình sự”* của tác giả Đặng Xuân Nam đăng trên Tạp chí kiểm sát số 07 (tháng 4/2009); bài *“Phân biệt tội chống người thi hành công vụ với các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân”* của tác giả Mai Bộ đăng trên Tạp chí tòa án nhân dân số 12 năm 2012; bài *“Bàn về một số dấu hiệu pháp lý của tội hiếp dâm”* của tác giả Bùi Thị Quyên đăng trên Tạp chí tòa án nhân dân số 23/2012; bài *“Về bài viết Nam giới có thể là người bị hại trong tội hiếp dâm hay không”* đăng trên Tạp chí tòa án nhân dân kỳ II tháng 2/2014 (số 4) của nhiều tác giả; bài *“Về quy định đối với các tội hiếp dâm - hiếp dâm trẻ em”* của tác giả Trần Hà Bảo Khuyên đăng trên Tạp chí tòa án

nhân dân kỳ I tháng 6/2015 (số 11); bài “*Tội hiếp dâm trong luật hình sự Pháp và khái niệm “hiếp dâm” trong pháp luật Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Văn Quân đăng trên Tạp chí kiểm sát số 18 (tháng 9/2015); bài “*Bàn về tội hiếp dâm trẻ em theo Điều 112 Bộ luật hình sự*” của tác giả Lê Quang Tiến đăng trên Tạp chí kiểm sát số 18 (tháng 9/2015); bài “*Bình luận các tội phạm về tình dục trong chương các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự con người trong dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi)*” của tác giả Dương Tuyết Miên đăng trong số chuyên đề sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự của Tạp chí dân chủ và pháp luật năm 2015.

Phân tích nội dung của tất cả các bài viết nêu trên, có thể thấy các tác giả tập trung phân tích những vấn đề lý luận về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người nói chung, một số tội phạm cụ thể nói riêng, đồng thời, các tác giả tập trung phân tích các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam (BLHS năm 1999 và Dự thảo BLHS 2015) về nhóm các tội phạm này, từ đó các tác giả đưa ra những bình luận của cá nhân về những quy định đó.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu về thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

Việc nghiên cứu đề tài “*Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người theo pháp luật hình sự Việt Nam*” sẽ đạt kết quả tốt nếu tham khảo những công trình khoa học nghiên cứu đã được công bố trong nước về thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về nhóm tội phạm này. Những công trình nghiên cứu này sẽ góp phần giúp tác giả luận án xây dựng bức tranh tổng thể về áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người cũng được đề cập tới trong các luận văn thạc sỹ luật học. Luận văn “*Các tội xâm hại tình dục theo pháp luật hình sự*

Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam” được học viên cao học Hoàng Thị Thanh Hà bảo vệ thành công năm 2015 tại Học viện khoa học xã hội; luận văn *“Tội hiếp dâm và hiếp dâm trẻ em theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Nam Định”* được học viên cao học Bùi Thị Hằng Nga bảo vệ thành công năm 2016 tại Học viện khoa học xã hội; luận văn *“Các tội xâm hại tình dục trẻ em trong Luật hình sự Việt Nam”* được học viên cao học Nguyễn Minh Hương bảo vệ thành công năm 2014 tại Khoa Luật - Đại học quốc gia; luận văn *“Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người theo luật hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk)”* được học viên cao học Nguyễn Đình Cường bảo vệ thành công năm 2015 tại Khoa Luật - Đại học quốc gia; luận văn *“Các tội hiếp dâm theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam”* được học viên cao học Cao Hữu Sáng bảo vệ thành công năm 2015 tại Khoa Luật - Đại học quốc gia. Các luận văn này đã làm rõ một số vấn đề về áp dụng pháp luật đối với nhóm các tội phạm về tình dục mà chủ yếu là tội hiếp dâm và hiếp dâm trẻ em. Ngoài ra còn có luận văn *“Tội mua bán người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Lạng Sơn”* được học viên cao học Dương Thu Hải bảo vệ thành công năm 2016 tại Học viện khoa học xã hội; luận văn *“Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về tội mua bán người trong Luật hình sự Việt Nam”* được học viên cao học Đoàn Ngọc Huyền bảo vệ thành công năm 2014 tại Khoa Luật - Đại học quốc gia. Những luận văn này đã phân tích thực tiễn áp dụng pháp luật đối với tội mua bán người và tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em. Bên cạnh việc phân tích thực tiễn áp dụng pháp luật đối với các tội phạm trong nhóm này, các tác giả cũng phân tích và làm rõ một số nguyên nhân dẫn đến những khó khăn trong thực tiễn áp dụng như do một số hạn chế trong quy định của luật, trình độ, năng lực chuyên môn của những người tiến hành tố tụng còn yếu kém...

Các bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành luật học được tác giả luận án tham khảo có: bài “*Các quy định của pháp luật về hoạt động phòng chống tội phạm xâm hại trẻ em - thực trạng và phương hướng hoàn thiện*” của tác giả Phạm Hồng Hải đăng trên Tạp chí Nhà nước và pháp luật năm 2003; bài “*Về tội hiếp dâm theo quy định tại Điều 111 Bộ luật hình sự*” của tác giả Nguyễn Hiền Khanh đăng trên Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 2 năm 2004; bài “*Áp dụng hình phạt tử hình đối với các tội giết người, hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em - cơ sở lý luận và thực tiễn*” của tác giả Mai Bộ đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân số 18 năm 2004; bài “*Một số ý kiến trao đổi về tội giao cấu với trẻ em*” của tác giả Phạm Văn Nhớ đăng trên Tạp chí kiểm sát số 19 tháng 6/2010); bài “*Trẻ em hiếp dâm trẻ em - Trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và sự không hợp lý trong quy định tại khoản 4 Điều 112 Bộ luật hình sự*” của tác giả Trần Quang Thái đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân số 17 năm 2011; bài “*Luật bỏ ngõ hành vi hiếp dâm bé trai*” của tác giả Công Tâm đăng trên Báo pháp luật Việt Nam - Bộ tư pháp số ra ngày 19/11/2012; bài “*Truy cứu trách nhiệm hình sự tội hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em - Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị*” của tác giả Hoàng Quảng Lục đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân số 15 năm 2014, bài “*Tội dâm ô với trẻ em: Một số thực trạng và giải pháp pháp lý*” của tác giả Phạm Quang Huy đăng trên Tạp chí nghiên cứu lập pháp số 13 năm 2016.

Phân tích nội dung của tất cả các bài viết nêu trên, có thể thấy các tác giả đã chỉ ra một số vướng mắc trong áp dụng các quy định về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người như nhận thức về thời điểm xác định tội phạm hoàn thành đối với tội hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em chưa thống nhất giữa các cơ quan áp dụng pháp luật, do đó trong nhiều bản án xét xử về các tội phạm này, Hội đồng xét xử lảng tránh việc phân tích, nhận định kỹ lưỡng hành vi phạm tội của bị cáo hoặc đưa ra những nhận định mâu thuẫn;

hoặc sự thiếu thông nhất đối với việc xác định lỗi cố ý trực tiếp trong tội giao cấu với trẻ em trong những trường hợp người phạm tội có sự nhầm lẫn về độ tuổi của nạn nhân do chính nạn nhân cho biết sai về tuổi hoặc có những hành vi nhằm che giấu tuổi thật của mình. Có quan điểm cho rằng trong những trường hợp này cần thiết vẫn khởi tố, xử lý hình sự vì không có cơ sở khoa học để chứng minh cho sự nhầm lẫn đó, nhưng quan điểm khác lại cho rằng không nên xử lý hình sự vì chủ thể bị nhầm lẫn hoàn toàn và “nạn nhân” là người có lỗi đã đẩy chủ thể vào con đường “phạm tội”... Bên cạnh một số vướng mắc trong áp dụng quy định về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người, các tác giả trong các bài viết này còn chỉ ra nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc đó mà chủ yếu tập trung vào những hạn chế trong quy định của pháp luật.

1.1.3. Những công trình nghiên cứu về những giải pháp góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

Đề tài luận án được tác giả nghiên cứu nhằm mục đích đưa ra những giải pháp góp phần bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người. Do đó những công trình khoa học nghiên cứu đã được công bố có đưa ra những giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người được tác giả luận án này tham khảo. Những giải pháp này được đề cập trong một số luận văn có liên quan đến đề tài nghiên cứu, có luận văn “*Các tội xâm hại tình dục theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam*” của Hoàng Thị Thanh Hà bảo vệ năm 2015 tại Học viện khoa học xã hội; luận văn “*Tội hiếp dâm và hiếp dâm trẻ em theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Nam Định*” của Bùi Thị Hằng Nga bảo vệ năm 2016 tại Học viện khoa học xã hội; luận văn “*Các tội xâm hại tình dục trẻ em trong Luật hình sự*

Việt Nam” của Nguyễn Minh Hương bảo vệ năm 2014 tại Khoa Luật - Đại học quốc gia; luận văn “*Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người theo luật hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk)*” của Nguyễn Đình Cường bảo vệ năm 2015 tại Khoa Luật - Đại học quốc gia; luận văn “*Các tội hiếp dâm theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam*” của Cao Hữu Sáng bảo vệ năm 2015 tại Khoa Luật - Đại học quốc gia; luận văn “*Tội hiếp dâm - So sánh giữa Bộ luật hình sự Việt Na, và Bộ luật hình sự một số nước*” của Bùi Thị Quyên bảo vệ năm 2013 tại Trường Đại học Luật Hà Nội. Tác giả các luận văn này đã đưa ra một số giải pháp góp phần hoàn thiện các quy định về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người mà tập trung vào một số vấn đề như: quy định cụ thể định nghĩa thuật ngữ “giao cấu”; xác định rõ chủ thể của những tội phạm về tình dục là nam hay bao gồm cả nữ; cần có hướng dẫn chính thức về đường lối xử lý những hành vi xâm phạm tình dục mà nạn nhân hoặc người phạm tội là người xác định lại giới tính nhưng chưa hoàn tất thủ tục để xác định lại giới tính...

Các bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành luật trong lĩnh vực này mà tác giả luận án tham khảo có bài “*Hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về các tội phạm xâm hại tình dục trẻ em*” của tác giả Phạm Mạnh Hùng, đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân số 12 năm 2002; bài “*Các quy định của pháp luật về hoạt động phòng chống tội phạm xâm hại trẻ em - thực trạng và phương hướng hoàn thiện*” của tác giả Phạm Hồng Hải đăng trên Tạp chí Nhà nước và pháp luật năm 2003; bài “*Về tội hiếp dâm theo quy định tại Điều 111 Bộ luật hình sự*” của tác giả Nguyễn Hiền Khanh đăng trên Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 2 năm 2004; bài “*Trẻ em hiếp dâm trẻ em - Trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và sự hợp lý trong quy định tại khoản 4 Điều 112 Bộ luật hình sự*” của tác giả Trần Quang Thái đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân số 17 năm 2011; bài “*Luật bỏ ngõ hành vi hiếp dâm bé trai*” của tác giả Công

Tâm đăng trên Báo pháp luật Việt Nam - Bộ tư pháp số ra ngày 19/11/2012; bài “*Cần sửa đổi các Điều 115 và Điều 116 Bộ luật hình sự hiện hành*” của tác giả Trần Quốc Văn đăng trên Tạp chí Kiểm sát số 09 (tháng 05/2011); bài “*Nam giới có thể là người bị hại trong tội hiếp dâm*” do Ban biên tập Tạp chí Tòa án nhân dân đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân số 14 năm 2014; bài “*Những bất cập và phương hướng hoàn thiện quy định về một số tội xâm phạm nhân phẩm của con người trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999*” của tác giả Phạm Văn Báu đăng trên Tạp chí Luật học số 01 năm 2010; bài “*Hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người*” của tác giả Đỗ Đức Hồng Hà đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 8 (tháng 4/2010); bài “*Sự cần thiết của việc sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự hiện hành liên quan đến hành vi mua bán mô, bộ phận cơ thể người*” của tác giả Lê Xuân Lục đăng trên Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 09 năm 2013. Tác giả các bài viết này đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự tập trung vào một số vấn đề như: quy định thống nhất chủ thể của tội hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em, cưỡng dâm, cưỡng dâm trẻ em (chủ thể thường hay chủ thể đặc biệt). Hầu hết các tác giả đều cho rằng ở Việt Nam thừa nhận chủ thể của những tội phạm này là nam giới, còn nữ giới chỉ có thể bị truy cứu TNHS với vai trò đồng phạm (không phải là người thực hành). Tuy nhiên, phần lớn các tác giả cho rằng quy định này là chưa rõ ràng trong luật, đồng thời việc áp dụng quy định này hiện nay là chưa thật phù hợp và bảo đảm sự công bằng. Nhiều quan điểm hiện nay cho rằng nên mở rộng phạm vi chủ thể của những tội phạm này, theo đó nữ giới cũng có thể là chủ thể của những tội phạm này với vai trò là người thực hành. Bên cạnh đó cũng có ý kiến cho rằng nếu pháp luật Việt Nam vẫn giữ nguyên quy định về chủ thể của những tội phạm này như thực tiễn xét xử hiện nay thì cần có quy định cụ thể trong Luật. Ngoài ra các tác giả cũng kiến nghị cần quy

định rõ thế nào là hành vi giao cấu; sửa lại một số thuật ngữ cho chính xác; bổ sung quy định về hành vi mua bán mô, bộ phận cơ thể người để đảm bảo xử lý khách quan, chính xác và đúng bản chất cũng như tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi này; sửa đổi cấu thành tội phạm cơ bản của tội làm nhục người khác và tội vu khống theo hướng tránh sự hiểu lầm trên thực tế tạo ra sự thiếu nhất quán trong việc định tội danh đối với những tội phạm này. Không chỉ vậy, có tác giả đưa ra quan điểm về quy định tại khoản 4 Điều 112 BLHS. Khoản 4 Điều 112 quy định mọi trường hợp giao cấu với trẻ em chưa đủ 13 tuổi đều là hiếp dâm trẻ em. Tuy nhiên, thuật ngữ “mọi trường hợp” thường được hiểu để diễn tả về thủ đoạn phạm tội. Điều đó có nghĩa là mọi trường hợp giao cấu với trẻ em chưa đủ 13 tuổi, dù người phạm tội dùng bất kỳ thủ đoạn nào, dù nạn nhân đồng ý hay không đồng ý thì đều cấu thành tội phạm thuộc trường hợp này, nhưng trong trường hợp người phạm tội vừa có hành vi giao cấu với trẻ em chưa đủ 13 tuổi, vừa có một trong các tình tiết tăng nặng định khung quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 112 thì còn gây nhiều tranh cãi trong cách giải quyết. Một vấn đề khác cũng được các tác giả quan tâm đó là đối tượng tác động của tội phạm theo quy định tại khoản 4 Điều 112 có bao gồm trẻ em là nam giới hay không? Các tác giả cho rằng trong thực tế hiện nay ngày càng có nhiều vụ việc xâm hại tình dục đối với trẻ em là nam giới và những hành vi này cũng gây ra những hậu quả nặng nề cho các em cả về thể xác lẫn tinh thần. Do đó, các tác giả cho rằng dù là trẻ em nam hay trẻ em nữ thì đều cần được bảo vệ. Mặt khác, một số tác giả cũng cho rằng quy định tại khoản 4 Điều 112 là không phù hợp trong trường hợp “trẻ em hiếp dâm trẻ em”. Đó là trường hợp cả hai người đều là trẻ em (người dưới 16 tuổi), trong đó trẻ em nữ chưa đủ 13 tuổi và có hành vi quan hệ tình dục tự nguyện. Tuy nhiên, theo quy định hiện hành thì trẻ em nam sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Khoản 4 Điều 112 BLHS. Rõ ràng, cả hai đều là

đôi tượng được pháp luật bảo vệ nói chung, Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em bảo vệ nói riêng và khi quan hệ tình dục cả hai cũng đều tự nguyện nhưng hậu quả pháp lý đối với hai em lại hoàn toàn khác nhau: trẻ em nam bị pháp luật nghiêm trị với mức hình phạt của loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng còn trẻ em nữ lại được pháp luật đặc biệt bảo vệ.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu kể trên đã làm rõ nhiều nội dung liên quan đến nhóm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người. Đây sẽ là những tài liệu giúp tác giả luận án này bổ sung nhận thức mới về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người, góp phần thực hiện đề tài nghiên cứu có hiệu quả.

1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Để có thể thực hiện thành công đề tài luận án tiến sỹ, ngoài việc nắm vững tình hình nghiên cứu trong nước còn phải nắm vững tình hình nghiên cứu ở nước ngoài để so sánh, đối chiếu giữa các nghiên cứu đó, đồng thời củng cố thêm cơ sở lý luận và thực tiễn của các vấn đề thuộc nội dung nghiên cứu của đề tài. Trên thế giới cũng có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người. Để có cái nhìn khái quát tình hình nghiên cứu trên thế giới, tác giả đề cập đến một vài công trình của một số quốc gia đại diện cho các vùng lãnh thổ khác nhau trên thế giới mà tác giả luận án này tham khảo.

Cũng giống như các nhà nghiên cứu ở Việt Nam, các nhà nghiên cứu ở nước ngoài cũng phân tích và giới thiệu những nội dung cơ bản liên quan đến nhóm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người. Công trình nghiên cứu: “*Human Dignity as a Protected Interest in Criminal Law*” (Tạm dịch: Phẩm giá của con người - lợi ích được bảo vệ trong luật hình sự) được thực hiện bởi hai tác giả Tatjana Hornle và Mordechai Kremnitzer đăng trên tạp chí *Israel Law Review*, số 44, tập 1 and 2 năm 2011, trang 143 đến trang 168.

Bài viết này khẳng định nhân phẩm có thể là một mối quan tâm bảo vệ trong PLHS. Các tác giả bắt đầu với một vài suy tư về ý nghĩa của phẩm giá con người và sau đó kiểm tra các mô tả hành vi phạm tội trong luật hình sự Đức và BLHS của Israel. Một sự thật là có thể tìm thấy rất nhiều ví dụ về các hành vi phạm tội nhưng được loại trừ trách nhiệm bằng cách chỉ đến phẩm giá con người, hoặc như là một mối quan tâm bảo vệ chính hoặc như một sự quan tâm bảo vệ ngoài các quyền lợi khác. Các tác giả cũng giới thiệu một số hành vi phạm tội có thể được kết nối với bảo vệ phẩm giá con người. Dựa vào mục đích nghiên cứu, các hành vi này được chia thành ba nhóm: vi phạm phẩm giá của mỗi con người thông qua các hoạt động khác ngoài lời nói; hành vi vi phạm nhân phẩm của cá nhân thông qua bài phát biểu; và nội dung phương tiện truyền thông mà không chứa báo cáo về cá nhân nhưng cho thấy những cảnh bị sỉ nhục nghiêm trọng (ví dụ, giả tưởng khiêu dâm trẻ em).

Công trình nghiên cứu “*Death Penalty and Child Rape: An Eighth Amendment Analysis*” (Tạm dịch: Hình phạt tử hình và hiếp dâm trẻ em: Phân tích về việc sửa đổi, bổ sung lần thứ 8 của Hiến Pháp) của tác giả Elizabeth Gray, đăng trên tạp chí Luật học của Trường luật thuộc Trường đại học tổng hợp Saint Louis bang Missouri Hoa kỳ, năm 1998.

Công trình nghiên cứu đã chỉ ra rằng việc áp dụng hình phạt tử hình đối với hành vi hiếp dâm trẻ em đang có nhiều tranh luận trái chiều. Tác giả nghiên cứu để trả lời cho câu hỏi: liệu việc áp dụng hình phạt tử hình đối với hành vi hiếp dâm trẻ em có được coi là hợp hiến hay không? Lý do khiến tác giả nghiên cứu vấn đề này vì tác giả cho rằng khi áp dụng hình phạt tử hình thì không bao giờ có thể khắc phục được hậu quả. Cái chết luôn là sự khắc nghiệt kể cả đối với người phạm tội gây phần nộ cho dư luận xã hội. Quyền được sống và án tử hình vì vậy luôn có mâu thuẫn với nhau và cần giải quyết mâu thuẫn này thế nào để đảm bảo tốt nhất cho lợi ích của xã hội.

Công trình nghiên cứu “*The evolving jurisprudence of the crime of rape in international criminal law*” (Tạm dịch: Sự phát triển của pháp luật về tội phạm hiếp dâm trong luật hình sự quốc tế) của tác giả Phillip Weiner trong Hội nghị chuyên đề Boston college international and comparative law review (tạm dịch: Hội nghị chuyên đề về Nhìn lại và so sánh sự phát triển của pháp luật quốc tế tại Trường Đại học Boston) ở Mỹ.

Công trình này đã chỉ ra rằng trong nhiều thế kỷ, cưỡng hiếp đã được sử dụng như một vũ khí chiến tranh. Từ thời xa xưa, những người lính đã coi việc hãm hiếp là một phần của chiến lợi phẩm. Tuy nhiên, chỉ trong vài thập kỷ gần đây, luật quốc tế có những bước tiến đáng kể trong việc xác định và truy tố hiếp dâm là một tội ác chiến tranh và tội ác chống lại nhân loại. Tòa án hình sự quốc tế truy tố tội ác của bạo lực tình dục ở các vùng xung đột trước như Rwanda, Sierra Leone, và Nam Tư cũ đã cố gắng phát triển một định nghĩa thống nhất của các yếu tố hiếp dâm. Bài viết đã mô tả các cách khác nhau mà tòa án quốc tế đã tiếp cận các yếu tố của hiếp dâm cũng như các biện pháp cưỡng chế được áp dụng đối với những người thực hiện hành vi này. Trên cơ sở đó, tác giả cũng đưa ra các đề xuất về cách tòa án quốc tế nên tiếp cận các trường hợp hiếp dâm có thể xảy ra trong tương lai.

Công trình nghiên cứu “*Re - Examination of Rape and Its Growing Jurisprudence under International Law*” (Tạm dịch: Nhìn lại tội hiếp dâm và sự phát triển của pháp luật về tội phạm này theo luật quốc tế) của tác giả Babalola Abegunde đăng trên Tạp chí Chính trị và Luật, số 4 năm 2013 của Nigeria.

Công trình này khẳng định sự phát triển của hành vi hiếp dâm trong xã hội chúng ta ngày nay tạo thành một mối đe dọa nghiêm trọng đối với sự tồn tại của con người và phẩm giá. Bài viết này xem xét về tội hiếp dâm một cách tổng thể từ quan điểm định nghĩa với tham chiếu đến các khái niệm liên quan

như bạo lực tình dục và quan điểm hiếp dâm trong hôn nhân giữa vợ và chồng. Ngoài ra, tác giả cũng đưa ra một số thống kê liên quan đến hiếp dâm đã được kiểm tra. Mục đích của bài báo này muốn nhấn mạnh hiếp dâm là một nguồn nguy hiểm lớn cho nhân loại và không nên đánh giá thấp.

Công trình nghiên cứu “*Human trafficking in Finland*” (Tạm dịch: Mua bán người ở Phần Lan) của tác giả Sari Latomaa đăng trên tạp chí *Intercultural Hum.Rts.L.Rev.*229 năm 2014.

Công trình đã chỉ ra rằng mua bán người được coi là một trong những ngành công nghiệp tội phạm lớn nhất trên thế giới. Nó là một hiện tượng phổ biến trên toàn thế giới và không có quốc gia nào là hoàn toàn miễn dịch với nó. Những kẻ mua bán người đã nắm quyền kiểm soát của các nạn nhân và lấy đi sự tự do của họ cho mục đích khai thác, mại dâm và lạm dụng tình dục khác, lao động cưỡng bức hoặc để mua bán các bộ phận của cơ thể. Bài viết này tập trung vào mua bán người ở Phần Lan. Để có thể hiểu rõ các hiện tượng buôn người ở Phần Lan, đầu tiên tác giả xác định mua bán người là một tội phạm quốc tế và sau đó thảo luận về mua bán người ở Phần Lan. Sau khi thảo luận về các xu hướng trong quá khứ có liên quan đến mua bán người, bài viết tập trung vào việc dự đoán các quyết định trong tương lai. Bên cạnh đó, tác giả cũng đưa ra những thẩm định các quyết định trong quá khứ và tương lai, thảo luận về lựa chọn thay thế, và khuyến nghị hiện nay xem làm thế nào để ngăn chặn nạn buôn người và cải thiện tình hình của nạn nhân trong cả nước.

Công trình nghiên cứu: “*Slander? Prove it: Why a two hundred-year-old defamation law should be changed*” (Tạm dịch: Vu khống? Chứng minh nó: Tại sao khoảng hai trăm năm nay pháp luật nên có sự thay đổi) của tác giả Robert F. Somers - Giáo sư chuyên ngành luật, trường Luật Whittier.

Bài thuyết trình của giáo sư Robert F. Somers đặt vấn đề về việc chứng minh hành vi vu khống bằng một tình huống rất thú vị. Ông nói rằng, hãy

tưởng tượng rằng bạn đã thành lập một văn phòng luật nhỏ ba năm trước đây. Công việc của bạn là chuyên bảo vệ các bác sĩ trong các vụ kiện sơ suất. Vì vậy, văn phòng luật của bạn chủ yếu dựa vào sự giới thiệu từ các bác sĩ địa phương. Một ngày nọ, bạn của bạn, người cũng là một luật sư, nói với bạn rằng một khách hàng nói với cô ấy rằng Tiến sĩ Doe, một bác sĩ địa phương đã nói với các bác sĩ địa phương khác rằng bạn là một luật sư không đủ năng lực, giấy phép của bạn đã bị đình chỉ, bạn đã từng bị xử lý kỷ luật và khách hàng của bạn đã từng phải thuê luật sư khác tư vấn để sửa chữa những sai sót của bạn về trường hợp của mình. Bạn nghi ngờ Tiến sĩ Doe đã làm mất uy tín của bạn để giới thiệu các bác sĩ cho những luật sư khác. Chắc chắn những thông tin của Tiến sĩ Doe sẽ gây tổn hại danh tiếng của bạn đối với các bác sĩ - mục tiêu khách hàng của bạn. Và tác giả đã đặt ra câu hỏi là liệu bạn có biết có bao nhiêu khách hàng tiềm năng sẽ tránh bạn sau khi nghe các thông tin này? Và làm thế nào để bạn chứng minh được Tiến sĩ Doe đã vu khống bạn? Bạn có thể gọi một số bác sĩ là người làm chứng, nhưng sau đó có thể bạn sẽ nổi tiếng trong vụ kiện tụng và rất có thể làm hoen ố danh tiếng của bạn. Bạn có thể hỏi Tiến sĩ Doe có phải ông đã đưa ra những thông tin này nhưng có chắc là ông ấy sẽ nói thật? Sau đó, tác giả đưa ra một số nội dung như cơ sở nguyên tắc pháp lý cho vấn đề vu khống, bôi nhọ, nhân phẩm của người khác; lý do để thay đổi luật hiện hành và nêu một số quy định của pháp luật quốc tế về vấn đề này.

Như vậy, có thể khẳng định không chỉ riêng Việt Nam, trên thế giới các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người cũng là đề tài được quan tâm đặc biệt của các nhà nghiên cứu. Tiếp cận các công trình này, tác giả luận án có được cái nhìn rộng hơn về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

1.3. Đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Qua nghiên cứu các công trình khoa học về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trên phạm vi quốc tế cũng như trong nước như đã nêu, tác giả luận án đưa ra những đánh giá, nhận xét như sau:

1.3.1. Những vấn đề đã thống nhất

- Các công trình nghiên cứu khoa học nêu trên đã thống nhất đề cập, nghiên cứu dưới những góc độ và mức độ khác nhau về một số tội thuộc nhóm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người như: các tội phạm về tình dục, các tội phạm về mua bán người, mua bán trẻ em...

- Các công trình nghiên cứu đã thống nhất phân tích một số dấu hiệu pháp lý của một số tội trong nhóm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành.

- Ở những mức độ khác nhau, các công trình nghiên cứu đã đưa ra một số bất cập, vướng mắc trong thực tiễn xét xử một số tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người để thấy sự bất hợp lý trong một số quy định của pháp luật.

- Một số công trình nghiên cứu đã phân tích và đưa ra một số kiến nghị góp phần hoàn thiện quy định của pháp luật về một số tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

1.3.2. Những vấn đề còn tranh luận

Bên cạnh những điểm thống nhất như đã nêu tại tiểu mục 1.3.1 trên đây, còn một số điểm chưa được thống nhất trong các công trình nghiên cứu mà tác giả luận án này tham khảo và tổng quan. Trước tiên cần khẳng định rằng, sự khác nhau về quan điểm cũng như cách tiếp cận nghiên cứu đối với vấn đề nghiên cứu là hiện tượng bình thường trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Tùy theo cách tiếp cận khác nhau mà các nhà nghiên cứu sẽ có sự nhận thức khác nhau về cùng một vấn đề mà họ quan tâm nghiên cứu. Do đó,

việc nhìn nhận cùng một vấn đề có điểm không thống nhất giữa các nhà khoa học là điều dễ hiểu. Qua tổng quan tình hình nghiên cứu, tác giả luận án nhận thấy những quan điểm chưa thống nhất tập trung vào những vấn đề sau:

Thứ nhất, khi nghiên cứu về chủ thể của một số tội phạm về tình dục (tội hiếp dâm, tội hiếp dâm trẻ em, tội cưỡng dâm, tội cưỡng dâm trẻ em), tác giả luận án nhận thấy hiện nay còn tồn tại hai quan điểm khác nhau về vấn đề này. Quan điểm thứ nhất cho rằng pháp luật cần quy định theo hướng chủ thể của những tội phạm này là chủ thể thường, điều đó có nghĩa là mọi người có năng lực TNHS và đạt độ tuổi chịu TNHS theo quy định của pháp luật đều có thể trở thành chủ thể của tội phạm không phân biệt giới tính là nam hay nữ. Quan điểm thứ hai ủng hộ việc quy định chủ thể của những tội phạm này theo cách hiểu từ trước tới nay là chủ thể đặc biệt về giới tính, điều đó có nghĩa là chỉ nam giới là chủ thể của những tội phạm này còn nữ giới chỉ tham gia trong một vụ đồng phạm với vai trò là người tổ chức, người xúi giục hoặc người giúp sức.

Thứ hai, về cách hiểu hành vi giao cấu trong cấu thành tội phạm của một số tội phạm về tình dục cũng tồn tại nhiều quan điểm khác nhau. Có quan điểm cho rằng khái niệm giao cấu vẫn nên hiểu giống như trong thực tiễn và lý luận thừa nhận từ trước tới nay nhưng để có cơ sở pháp lý giải quyết những hành vi nguy hiểm mới phát sinh trong xã hội thì nên bổ sung những hành vi mới trong CTTTP của những tội phạm về tình dục. Có quan điểm lại cho rằng hiểu khái niệm hành vi giao cấu như tinh thần hướng dẫn của TANDTC từ trước tới nay là quá hẹp mà khái niệm này cần được hiểu theo nghĩa rộng hơn giống quy định của một số nước trên thế giới.

Thứ ba, về việc xác định mặt chủ quan trong tội giao cấu với trẻ em. Lỗi của tội phạm này được thống nhất trong các công trình nghiên cứu khoa học là lỗi cố ý trực tiếp, điều đó có nghĩa là chủ thể nhận thức được hành vi

giao cấu với trẻ em là hành vi nguy hiểm cho xã hội những mong muốn thực hiện hành vi đó. Tuy nhiên trong trường hợp chủ thể vì những nguyên nhân khác nhau mà không biết tuổi thật sự của người thực hiện hành vi quan hệ tình dục với mình thì lại có những quan điểm khác nhau trong việc xác định TNHS trong trường hợp này.

Bên cạnh những vấn đề chưa thống nhất nêu trên, các công trình khoa học nghiên cứu mà tác giả luận án tham khảo mặc dù đã đưa ra những kiến nghị góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người nhưng những kiến nghị đó còn mang tính nhỏ lẻ, thiếu hệ thống và chưa xây dựng được mô hình pháp lý cho các tội phạm có sự đề xuất sửa đổi.

1.3.3. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

Từ việc xác định đề tài luận án thuộc chuyên ngành luật hình sự và tố tụng hình sự; kết quả tổng quan tình hình nghiên cứu, nhất là những điểm đã thống nhất cũng như chưa thống nhất trong các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học; mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu; đối tượng và phạm vi nghiên cứu, nhất là cách tiếp cận nghiên cứu, tác giả luận án này một mặt sẽ tiếp thu những ưu điểm của các công trình nghiên cứu đã nêu, mặt khác sẽ làm rõ những vấn đề chưa được nghiên cứu hoặc đã được đề cập nghiên cứu nhưng ở mức độ chưa đầy đủ hay quá tổng quát, cụ thể là:

Thứ nhất, trên cơ sở tổng hợp, tiếp thu những vấn đề lý luận về luật hình sự, về quyền con người, quyền nhân thân, tác giả luận án sẽ xây dựng những vấn đề lý luận về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người. Tác giả luận án cũng sẽ làm rõ sự thay đổi của điều kiện kinh tế - xã hội trong thời gian vừa qua có ảnh hưởng gì đến nhận thức của con người về quyền con người nói chung và quyền nhân thân nói riêng để từ đó thấy được xu hướng phát triển của những quan hệ xã hội này.

Thứ hai, trên cơ sở nghiên cứu những quy định của pháp luật Việt Nam qua nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau, tác giả luận án sẽ xây dựng bức tranh tương đối tổng thể về cơ chế pháp lý ở Việt Nam bảo vệ quyền nhân thân của con người nói chung và nhân phẩm, danh dự của con người nói riêng để thấy được những giá trị được kế thừa trong lịch sử lập pháp của pháp luật hình sự hiện hành trong việc bảo vệ quyền con người, quyền nhân thân hay cụ thể là nhân phẩm, danh dự của con người.

Thứ ba, trên cơ sở nghiên cứu các số liệu về tình hình xét xử các vụ án xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trên phạm vi cả nước trong khoảng thời gian từ năm 2005 đến năm 2015 cũng như tham khảo các công trình nghiên cứu khoa học nêu trên, tác giả luận án sẽ đánh giá quá trình áp dụng các quy định của pháp luật về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người. Từ đó, nghiên cứu và phân tích nguyên nhân nào dẫn đến những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng nếu có.

Thứ tư, từ kết quả nghiên cứu những vấn đề nêu trên, tác giả luận án sẽ đề xuất một số biện pháp góp phần bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

Tiểu kết chương 1

Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là một trong những nhóm tội xảy ra tương phối phổ biến trong thực tiễn. Khi xã hội ngày càng phát triển, đời sống vật chất của con người được nâng cao và cải thiện hơn thì những giá trị tinh thần ngày càng được coi trọng và phát triển trên một tầm cao mới. Do đó, những hành vi xâm hại đến các giá trị về tinh thần của con người nói chung và xâm hại nhân phẩm, danh dự của con người nói riêng cũng được xã hội quan tâm và chú ý hơn. Trên thế giới đã có nhiều nhà khoa học với nhiều công trình nghiên cứu những vấn đề liên quan đến các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trên nhiều phương diện khoa học như: luật học, xã hội học, tâm lý học, tội phạm học... Sự xuất hiện của các công trình nghiên cứu khoa học nói trên vừa có những đóng góp to lớn vào việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, vừa có ý nghĩa to lớn cho thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này.

Ở Việt Nam, cũng có không ít các công trình nghiên cứu về nhóm tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người. Tuy nhiên, những công trình này mới chỉ nghiên cứu các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người ở những mức độ khác nhau, thiếu tính toàn diện và tổng thể. Với số lượng các công trình nghiên cứu trong nước cũng như trên thế giới về những vấn đề có liên quan đến đề tài luận án, mặc dù vẫn còn những điểm hạn chế, những vấn đề chưa được giải quyết triệt để nhưng có thể nói đó chính là nguồn tư liệu vô cùng quý giá để tác giả nghiên cứu tiếp cận và tiếp thu những thành quả từ các công trình đưa vào luận án để góp phần vào sự thành công của luận án.

CHƯƠNG 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM NHÂN PHẨM, DANH DỰ CỦA CON NGƯỜI

Nhân phẩm, danh dự là giá trị làm người của mỗi con người, là sự coi trọng, đánh giá cao của dư luận xã hội đối với một người dựa trên các giá trị tinh thần, đạo đức của người đó. Nhân phẩm con người là thứ thiêng liêng và quý giá không ai được phép tùy tiện xúc phạm và làm tổn thương. Do đó, mỗi con người phải tự gìn giữ nhân phẩm trước khi mong được người khác tôn trọng [7, tr.2]. Tuy nhiên, trong thực tế, vì nhiều lý do khác nhau mà nhiều người lại có hành vi xâm hại nghiêm trọng đến nhân phẩm, danh dự của người khác. Việc nghiên cứu và làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và lịch sử về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người sẽ góp phần tích cực trong công tác đấu tranh chống và phòng ngừa đối với tội phạm nói chung và các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người nói riêng.

2.1. Khái niệm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

2.1.1. Nhân phẩm, danh dự của con người

Mỗi người sống trong xã hội đều có những quyền khác nhau, một trong số đó là quyền nhân thân. Theo quy định của pháp luật, quyền nhân thân là quyền dân sự, gắn liền với mỗi cá nhân và không thể chuyển giao cho người khác, cụ thể như: danh dự, nhân phẩm, uy tín... [287]. Kinh tế - xã hội ngày càng phát triển, công nghệ thông tin cũng đã len lỏi sâu rộng vào cuộc sống của con người, việc mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế mang lại cho chúng ta một cuộc sống đầy đủ hơn, tiếp cận thông tin tốt hơn, đó là những mặt tốt của vấn đề. Tuy nhiên, trong xã hội hiện đại cũng có một bộ phận người dân lợi dụng chạy theo một lối sống hưởng thụ, suy đồi. Con người bị cuốn theo những cuộc tranh giành tiền bạc, hưởng thụ mà đôi khi sẵn sàng mưu tính mọi

thủ đoạn, thậm chí hạ thấp nhân phẩm, danh dự của người khác để đạt được mục đích của mình. Nhiều trường hợp, tên họ, hình ảnh, nhân phẩm, danh dự của nhiều công dân bị bêu rếu, xúc phạm trên mạng internet, trên báo chí với nhiều động cơ, mục đích khác nhau, điều đó khiến cho những người bị xúc phạm đó gặp không ít khó khăn trong cuộc sống [287].

Hiện nay có nhiều cách hiểu khác nhau về nhân phẩm, danh dự của con người. Quan điểm thứ nhất cho rằng, nhân phẩm và danh dự là hai phạm trù đạo đức học khác nhau nhưng lại có quan hệ quy định lẫn nhau. Trong đó, nhân phẩm là giá trị làm người của mỗi cá nhân, nhân phẩm không chỉ phụ thuộc vào mỗi cá nhân mà còn phụ thuộc vào quan niệm của từng xã hội, giai cấp khác nhau. Danh dự là kết quả của quá trình xây dựng và bảo vệ nhân phẩm của các cá nhân, vì lẽ đó, một con người có danh dự không chỉ biết giữ gìn nhân phẩm của bản thân mà còn phải biết làm cho nhân phẩm của mình được xã hội công nhận thông qua hoạt động công hiến không mệt mỏi của cá nhân cho xã hội [288].

Quan điểm thứ hai cho rằng danh dự của con người là sự đánh giá của xã hội đối với một cá nhân về các mặt đạo đức, phẩm chất chính trị và năng lực của người đó. Sự đánh giá của xã hội có thể về mặt lao động như đánh giá một người là cần cù, siêng năng hay lười nhác hoặc có thể đánh giá về mặt tinh thần thái độ của một người đối với công việc được giao, trong sinh hoạt cá nhân hay cư xử với mọi người xung quanh như người đó sống nghiêm túc hay buông thả, trong quan hệ với mọi người thì thân ái đoàn kết hay ích kỷ. Như vậy, danh dự của một con người được hình thành từ những hành động và cách cư xử của người đó, từ công lao và thành tích mà người đó có được qua những năm tháng của cuộc đời và được xã hội đánh giá theo những tiêu chuẩn và nguyên tắc đạo đức xã hội chủ nghĩa [7, tr.9]. Còn nhân phẩm là phẩm giá con người, là giá trị tinh thần của một cá nhân với tính cách là một con người.

Mỗi con người chúng ta luôn có những phẩm chất nhất định. Những phẩm chất này làm nên giá trị của cá nhân, đó chính là nhân phẩm của con người. Như vậy, nhân phẩm là toàn bộ những phẩm chất mà mỗi con người có được, hay nói cách khác, nhân phẩm là giá trị làm người của mỗi con người. Người có nhân phẩm là người có lương tâm, có nhu cầu vật chất và tinh thần lành mạnh, luôn thực hiện tốt các nghĩa vụ đạo đức đối với xã hội và người khác, biết tôn trọng các quy tắc, các chuẩn mực đạo đức tiến bộ. Người có nhân phẩm được xã hội đánh giá cao và kính trọng. Trong cuộc sống, đa số mọi người đều ý thức quan tâm giữ gìn nhân phẩm của mình nhưng vẫn có những người coi thường nhân phẩm của chính mình, của người khác, có suy nghĩ và hành vi đi ngược lại với lợi ích của cộng đồng [288].

Danh dự là sự coi trọng, đánh giá cao của dư luận xã hội đối với một người dựa trên các giá trị tinh thần, đạo đức của người đó. Khi con người tạo ra được cho mình những giá trị tinh thần, đạo đức và những giá trị đó được xã hội đánh giá, công nhận thì người đó có danh dự. Danh dự có cơ sở từ những cống hiến thực tế của con người đối với xã hội, với người khác. Là con người, ai cũng đóng góp ít nhiều cho cuộc sống, cho xã hội, do đó, ai cũng có danh dự. Tuy nhiên, mỗi chúng ta phải luôn giữ gìn và bảo vệ danh dự của mình và tôn trọng danh dự của người khác. Khi chúng ta biết giữ gìn danh dự của mình và tôn trọng danh dự của người khác thì sẽ có được một sức mạnh tinh thần để làm điều tốt, hướng chúng ta đến điều thiện và tránh xa các điều xấu [288].

Quan điểm thứ ba cho rằng, có thể hiểu danh dự bao gồm cả nhân phẩm. Nhân phẩm là phẩm giá con người, là giá trị tinh thần của một cá nhân với tính cách là một con người. Chà đạp lên nhân phẩm của người khác cũng là xúc phạm đến danh dự người đó. Nhưng cần phân biệt mặc dù nhân phẩm cũng là một yếu tố của danh dự, song giữa danh dự và nhân phẩm cũng có những điểm khác nhau nhất định; nếu danh dự được hình thành qua nhiều

năm tháng của cuộc đời và được xã hội đánh giá theo những tiêu chuẩn và nguyên tắc đạo đức xã hội chủ nghĩa thì nhân phẩm lại có từ khi con người mới sinh ra. Mặc dù danh dự của một con người được hình thành từ những hành vi và cách cư xử, từ công lao và thành tích của người đó có được qua nhiều năm tháng của cuộc đời và được thừa nhận, nhưng mỗi con người đều có quyền được bảo vệ danh dự và nhân phẩm như nhau không phân biệt vào công lao, công tác và những đặc điểm riêng của người có quyền; những người không có năng lực hành vi dân sự, những người mất năng lực hành vi dân sự cũng có quyền bảo vệ danh dự và nhân phẩm như mọi cá nhân khác [7, tr.10].

Tóm lại, nhân phẩm và danh dự là hai phạm trù đạo đức khác nhau nhưng lại có mối quan hệ lẫn nhau. Nhân phẩm là giá trị làm người, còn danh dự là kết quả của quá trình xây dựng và bảo vệ nhân phẩm. Mỗi con người có danh dự không chỉ biết giữ gìn nhân phẩm của bản thân mà còn phải biết làm nhân phẩm của mình được xã hội công nhận thông qua hành động cống hiến không mệt mỏi của mỗi cá nhân cho xã hội. Tiền bạc mất đi có thể tìm lại được nhưng một khi chúng ta đánh mất nhân phẩm và danh dự là mất đi phẩm chất và giá trị làm người. Đó là yếu tố tạo nên giá trị của một con người. Vì vậy, chúng ta hãy sống, học tập và làm việc cho thật tốt. Sống không có nghĩa là chỉ biết nghĩ cho mình, mà hãy vì người khác bởi lẽ, chúng ta chỉ thật sự hạnh phúc khi biết đem lại niềm vui và hạnh phúc cho người khác. Đó mới là niềm vui là lẽ sống của cuộc đời [288].

2.1.2. Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

Xâm phạm đến nhân phẩm và danh dự của con người thường thể hiện bằng các hành vi khác nhau như: Dùng những lời nói hoặc hành động có tính chất thóa mạ, khinh bỉ để làm nhục người khác hoặc gán một sự kiện xấu xa cho người khác làm cho xã hội đánh giá sai hoặc hình dung sai về người đó. Sự đánh giá sai sự thật không phụ thuộc vào việc người đưa ra những tin tức

đó vô ý hay cố ý. Tiêu chuẩn để đánh giá những sự việc nêu ra là xấu xa hay không xấu xa là những nguyên tắc đạo đức xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, tính chất nghiêm trọng của những tin tức đưa ra có thể khác nhau tùy theo nhân thân của người bị hại [7, tr.10].

Nhà nước ta luôn luôn nhất quán tôn trọng và bảo vệ quyền con người nói chung và quyền được tôn trọng và bảo vệ về nhân phẩm, danh dự của con người nói riêng. Tiếp thu tinh thần về quyền con người của Hiến pháp 1992, bản Hiến pháp 1992 sửa đổi được Quốc hội thông qua ngày 28 tháng 11 năm 2013 tiếp tục khẳng định các quyền cơ bản của công dân. Đặc biệt, Hiến pháp 2013 có nhiều điểm bổ sung quan trọng về quyền con người trong Chương II như một điểm nhấn và bước tiến đáng kể về tư duy Nhà nước pháp quyền và thực hiện quyền con người ở Việt Nam. Trong đó, quyền được bảo vệ về nhân phẩm, danh dự của con người được ghi nhận tại Điều 20 Hiến pháp năm 2013: *“Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm...”*. Bên cạnh đó, Điều 37 Bộ luật dân sự năm 2005 cũng xác định *“Danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ”* hay quy định người nào do lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý mà xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự, uy tín, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của cá nhân, xâm phạm danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân hoặc các chủ thể khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường (Điều 604 Bộ Luật Dân sự năm 2005). Ngoài ra, Bộ luật Dân sự có đề cập đến nội dung xác định thiệt hại về nhân phẩm, danh dự, uy tín bị xâm phạm tại Điều 611. Tuy nhiên, có thể thấy rằng, quyền được tôn trọng và bảo vệ nhân phẩm, danh dự của con người được bảo vệ triệt để bằng các quy phạm pháp luật hình sự. Các tội xâm phạm đến nhân phẩm, danh dự của con

người được quy định trong các BLHS của nước ta có ý nghĩa về mặt lập pháp hình sự hết sức to lớn. Nó đánh dấu sự trưởng thành về kỹ thuật lập pháp hình sự của nước ta trong lĩnh vực bảo vệ quyền con người nói chung, bảo vệ nhân phẩm, danh dự của con người nói riêng. Việc quy định các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trong BLHS (nguồn duy nhất của luật hình sự Việt Nam hiện nay) là biểu hiện cụ thể của mối quan hệ chặt chẽ giữa đạo đức và pháp luật hình sự. Thông qua việc quy định hành vi xâm phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của con người là tội phạm và phải chịu hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước, pháp luật hình sự đóng vai trò tác động mạnh mẽ đến sự hình thành, phát triển nền đạo đức mới, đạo đức hướng tới con người, tôn trọng con người và vì con người [7, tr.11].

Việc quy định các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trong BLHS tạo cơ sở pháp lý cho cuộc đấu tranh chống và phòng ngừa các hành vi xâm phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác. Đây chính là biểu hiện sự quan tâm của Nhà nước ta đối với việc bảo vệ và phát triển quyền con người nói chung, nhân phẩm, danh dự của con người nói riêng. Nhà nước ta luôn xác định con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp xây dựng đất nước, con người là trung tâm của các chính sách kinh tế - xã hội, thúc đẩy và bảo vệ quyền con người nói chung, bảo vệ nhân phẩm, danh dự của con người nói riêng, là nhân tố quan trọng cho sự phát triển bền vững, bảo đảm thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Việc pháp luật hình sự hiện hành quy định các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự người khác, cũng như các quy định khác về quyền con người trong hệ thống pháp luật Việt Nam chứng tỏ, mọi chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta đều nhằm phấn đấu cho mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, tất cả vì con người và cho con người [7, tr.12].

Điều 8 BLHS năm 1999 đã đưa ra khái niệm về tội phạm như sau: *“Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, do người có năng lực TNHS thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa”*. Có thể nói khái niệm tội phạm này là khái niệm có tính khoa học đã thể hiện tập trung nhất quan điểm của Nhà nước ta về tội phạm. Nó không những là cơ sở khoa học thống nhất cho việc xác định những loại tội phạm cụ thể trong phần các tội phạm của BLHS mà nó còn là cơ sở cho việc nhận thức và áp dụng đúng đắn những điều luật quy định về từng tội phạm cụ thể.

Từ khái niệm trên về tội phạm có thể xác định khái niệm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người như sau: *“Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, do người có năng lực TNHS thực hiện một cách cố ý gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho nhân phẩm, danh dự của con người”*.

Nhìn chung, có thể chia nhóm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người thành các nhóm hành vi nguy hiểm cho xã hội như sau: Thứ nhất, là nhóm các tội phạm về tình dục, bao gồm: tội hiếp dâm; tội hiếp dâm trẻ em; tội cưỡng dâm; tội cưỡng dâm trẻ em; tội giao cấu với trẻ em và tội dâm ô đối với trẻ em. Thứ hai là nhóm các tội khác xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người bao gồm: tội mua bán người; tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em; tội làm nhục người khác và tội vu khống.

2.2. Các dấu hiệu pháp lý hình sự của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

2.2.1. Khách thể của tội phạm

Khách thể của tội phạm là những QHXXH được luật hình sự bảo vệ và bị hành vi phạm tội xâm hại. Khách thể của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là quyền nhân thân của con người và cụ thể là nhân phẩm, danh dự của con người.

Quyền nhân thân là quyền dân sự gắn liền với mỗi cá nhân, không thể chuyển giao cho chủ thể khác, là một trong những nội dung cơ bản của quyền con người và không tách rời khỏi quyền con người. Tất cả mọi người đều có quyền nhân thân, quyền nhân thân được coi là quyền đầu tiên của con người, nó gắn liền với mỗi cá nhân và tồn tại cho đến khi cá nhân chết đi [273, tr.97]. Lịch sử phát triển của quyền nhân thân gắn liền với lịch sử phát triển của quyền con người. Cùng với sự phát triển của lịch sử xã hội loài người, thì quyền nhân thân nói riêng và quyền con người nói chung cũng được ghi nhận và phát triển. Trên bình diện quốc tế, quyền nhân thân được thừa nhận và phát triển qua nhiều giai đoạn và được ghi nhận trong nhiều văn kiện quốc tế. Tuyên ngôn thế giới về quyền con người cùng Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa đã tạo nên Bộ luật khung quốc tế về quyền con người. Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật để cụ thể hóa nội dung quyền con người trong đó có quyền nhân thân quy định trong Hiến pháp cũng như trong các văn kiện quốc tế, trong đó có các văn bản luật hình sự.

Ở nước ta trước đây, các quyền nhân thân được pháp luật quy định chưa nhiều, thậm chí là lu mờ so với quyền tài sản. Trong cuộc sống hằng ngày, danh dự, nhân phẩm, uy tín... của cá nhân dễ bị xâm phạm với nhiều hành vi xuất phát từ những động cơ, mục đích khác nhau. Nhiều trường hợp

người bị xâm phạm dù chịu rất nhiều khó khăn, khổ sở, nhục nhã mà không biết làm cách nào để tự vệ, buộc người vi phạm chấm dứt hành vi xâm phạm đến bản thân mình [273, tr.111]. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, cùng với những thành quả của công cuộc đổi mới, các quyền nhân thân của cá nhân được ghi nhận ngày càng đầy đủ hơn trong các văn bản pháp luật với các hình thức bảo vệ cụ thể. Nhiều vụ án đã được tòa án thụ lý xét xử, buộc người vi phạm phải chịu trách nhiệm về những sai phạm khi gây tổn thương cho nhân phẩm, danh dự của người khác. Các quy định về quyền nhân thân cùng các biện pháp bảo vệ các quyền đó đã phát huy tích cực trong việc bảo vệ quyền nhân thân của cá nhân.

Trong điều kiện xã hội ngày càng phát triển hiện nay, quyền nhân thân của con người ngày càng được đề cao, con người ngày càng nhận thức rõ hơn về giá trị làm người, về nhân phẩm, danh dự của bản thân mình. Con người đang có xu hướng đề cao các giá trị về tinh thần thay vì chỉ nghĩ tới những giá trị về vật chất như giai đoạn trước. Tuy nhiên, việc mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, giao lưu về văn hóa, xã hội... đã làm nhận thức của một bộ phận người dân có sự thay đổi về quan niệm sống. Cuộc sống theo phong cách kinh tế thị trường, chạy theo những tham vọng và tiền bạc nhiều khi khiến con người bất chấp mọi thủ đoạn nhằm đạt được mục đích của mình, thậm chí hạ thấp danh dự, nhân phẩm của người khác. Con người muốn mình có địa vị trong xã hội, muốn được xã hội tôn trọng, coi trọng và kính nể mình, muốn giá trị làm người của bản thân mình được nâng cao nhưng để đạt được điều đó, họ lại sẵn sàng hạ thấp phẩm giá của người khác, chà đạp lên giá trị làm người của người khác. Đó là một nghịch lý trong xã hội hiện đại ngày nay. Đặc biệt, sự tác động của truyền thông, của internet, của các phương tiện thông tin đại chúng đã ảnh hưởng đến xử sự của cá nhân trong xã hội. Những thông tin vu khống, những lời nói miệt thị, những hình ảnh xúc phạm, bôi nhọ thanh danh của người khác

được dễ dàng đăng tải và lan truyền trên facebook, trên các diễn đàn xã hội khiến bản thân những người thực hiện hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác cảm thấy đó là việc bình thường, không nghiêm trọng và bản thân những người tiếp nhận những thông tin đó cũng dửng dưng về những thông tin mình có được mà không nghĩ tới những tổn thương mà những người là nạn nhân phải gánh chịu. Do đó, luật hình sự cần thiết phải có những ứng xử để bảo vệ nhân phẩm, danh dự của con người; luật hình sự cần thiết phải có những quy định để góp phần thay đổi nhận thức của con người về tính chất nghiêm trọng của những hành vi xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác và luật hình sự cần thiết phải thể hiện được là phương tiện để bảo vệ quyền con người, bảo đảm những phẩm giá của con người được tôn trọng và đề cao dù xã hội có nhiều thay đổi về điều kiện kinh tế - xã hội. Do đó, quan hệ nhân thân mà cụ thể là nhân phẩm, danh dự của con người cần thiết phải được pháp luật hình sự bảo vệ khỏi những hành vi vi phạm.

2.2.2. Mặt khách quan của tội phạm

Mặt khách quan của tội phạm là mặt bên ngoài của tội phạm, bao gồm những biểu hiện của tội phạm diễn ra hoặc tồn tại bên ngoài thế giới khách quan, đó là hành vi khách quan của tội phạm; hậu quả nguy hiểm cho xã hội; mối quan hệ nhân nhân quả giữa hành vi khách quan của tội phạm và hậu quả nguy hiểm cho xã hội; những biểu hiện khác của mặt khách quan của tội phạm như công cụ, phương tiện phạm tội, thời gian phạm tội, địa điểm phạm tội...

Hành vi khách quan cấu thành các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau. Đó có thể là những hành vi xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác; hành vi vu khống; hành vi xâm hại tình dục và hành vi mua bán người. Những hành vi này đã gây ra nhiều thiệt hại cho nạn nhân mà nhiều trường hợp không thể lường trước hậu quả của nó. Tuy nhiên, trong xã hội hiện đại ngày nay, với sự

thay đổi của điều kiện kinh tế - xã hội, những dạng hành vi này đã có nhiều biến đổi về cả hình thức thực hiện lẫn mức độ nguy hiểm cho xã hội.

Hành vi vu khống, xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác đang ngày càng phổ biến trong xã hội hiện nay. Đặc biệt, với sự phát triển của công nghệ thông tin, internet, hành vi xúc phạm nhân phẩm, danh dự của con người không nhất thiết phải là những lời nói hoặc hành động mang tính miệt thị được thực hiện trực tiếp đối với người bị xúc phạm. Hình thức phổ biến hiện nay của dạng hành vi này là đăng tải những thông tin xúc phạm trên facebook, trên các diễn đàn mạng xã hội. Với hình thức này, người phạm tội có thể dễ dàng thực hiện hành vi mong muốn và tốc độ lan truyền những thông tin đăng tải theo hình thức này nhanh hơn rất nhiều so với các hình thức phạm tội trước đây khiến số người biết được những thông tin xúc phạm này tăng về số lượng nhưng giảm về thời gian có được thông tin. Thậm chí nhiều trường hợp, bản thân người bị xúc phạm không biết danh dự của bản thân mình đang bị xâm hại nếu không có người khác nói lại vì nhiều lý do khác nhau như họ không tham gia các diễn đàn mạng xã hội. Trong trường hợp này, nạn nhân thì vẫn yên tâm về phẩm giá của mình luôn được giữ gìn và coi trọng nhưng không biết rằng những người xung quanh lại đang khinh bỉ, coi thường họ vì những thông tin xúc phạm mà họ có được từ trên internet và những thông tin này không được biện minh, giải thích làm rõ vì bản thân người trong cuộc còn không biết về sự tồn tại của nó.

Hành vi xâm hại tình dục hiện nay cũng đang có nhiều diễn biến phức tạp. Trước đây, hầu hết các hành vi xâm hại tình dục được thực hiện chủ yếu dưới hình thức giao cấu với nạn nhân bằng nhiều thủ đoạn khác nhau hoặc có những hành vi tình dục khác nhưng không phải là hành vi giao cấu nhằm thỏa mãn nhu cầu tình dục của bản thân. Tuy nhiên, khi xã hội đã có nhiều sự thay đổi về điều kiện kinh tế, đời sống văn hóa, giáo dục... và hành vi tình dục của

con người cũng ngày một phát triển theo nhiều xu hướng khác nhau thì hành vi xâm hại tình dục không chỉ dừng lại ở những hình thức đã thực hiện trước đây. Hành vi tình dục không chỉ diễn ra ở bộ phận sinh dục mà còn có thể ở những bộ phận khác trên cơ thể như miệng, hậu môn... và hành vi tình dục còn có thể được thực hiện khi kết hợp sử dụng các dụng cụ tình dục. Thực tế ở nước ta đã từng xảy ra nhiều trường hợp người nam giới dùng vũ lực có hành vi đưa dương vật vào miệng nạn nhân, vào hậu môn nạn nhân hoặc đưa tay, đưa dụng cụ tình dục vào âm đạo, hậu môn nạn nhân... Đối với những hành vi này thì theo quy định của BLHS hiện hành không đủ cơ sở pháp lý để giải quyết đúng theo tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi. Do đó, BLHS cần có quy định mới để bổ sung căn cứ pháp lý giải quyết những trường hợp phạm tội này.

Bên cạnh đó, hành vi mua bán người cũng có nhiều thay đổi. Trước đây, hành vi mua bán người thông thường là dùng tiền hoặc các phương tiện thanh toán khác để trao đổi con người qua lại như thứ hàng hóa để kiếm lời. Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua ở nước ta xuất hiện những dạng hành vi mới, người ta không phải chỉ mua bán người mà còn tiến hành mua bán những bộ phận cơ thể người. Lợi dụng nhu cầu của những người mắc bệnh hiểm nghèo cần thay thế một bộ phận cơ thể thì mới có khả năng cứu sống, những người này tìm mua bộ phận cơ thể của những người trong hoàn cảnh khó khăn, cần tiền để giải quyết việc cá nhân rồi bán lại cho người có nhu cầu để thu lợi bất chính. Tuy nhiên, với dạng hành vi mới này, BLHS hiện hành cũng chưa có đủ cơ sở pháp lý để giải quyết vì đây không phải là hành vi mua bán người.

Tóm lại, hành vi khách quan cấu thành các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người đang có nhiều biến đổi phức tạp mà quy định của BLHS hiện hành chưa bao trùm được hết, nhiều hành vi mới được thực hiện

nhưng chưa đủ cơ sở pháp lý để giải quyết hoặc giải quyết cho phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi. Do đó, BLHS cần có những quy định mới để kịp thời điều chỉnh những hành vi mới phát sinh này.

2.2.3. Chủ thể của tội phạm

Chủ thể của tội phạm là người có năng lực TNHS, đạt độ tuổi luật định và đã thực hiện hành vi phạm tội cụ thể.

Tuổi chịu TNHS theo quy định của luật hình sự Việt Nam là từ đủ 14 tuổi và đủ 16 tuổi. Theo quy định tại Điều 12 BLHS năm 1999, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu TNHS về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi tội phạm. Việc quy định các mốc tuổi này xuất phát từ các kết quả nghiên cứu về tâm lý lứa tuổi cũng như thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm tại Việt Nam, đồng thời có sự tham khảo kinh nghiệm của các nước khác trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, với sự thay đổi của điều kiện xã hội, những nhu cầu về vật chất của trẻ được đáp ứng đầy đủ không chỉ về số lượng mà còn về chất lượng, việc tiếp xúc với những môi trường văn hóa mới thông qua internet, các phương tiện thông tin đại chúng ảnh hưởng đến nhận thức của trẻ về các vấn đề xã hội, trong đó có nhân phẩm, danh dự của con người. Vấn đề bạo lực học đường, những hành vi xúc phạm lẫn nhau giữa những học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường ngày càng xảy ra phổ biến và nhiều trường hợp đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng. Không chỉ vậy, việc quan hệ tình dục ở lứa tuổi “học đường” cũng đang là vấn đề được xã hội quan tâm. Được tiếp xúc với những thông tin nhạy cảm thiếu sự kiểm soát của gia đình và các cơ quan hữu quan khiến sự hiếu động, khám phá, bông bột của tuổi trẻ có thể khiến họ thực hiện những hành vi xâm hại tình dục đối với chính bạn bè hay thậm chí là người thân của mình. Có thể thấy độ tuổi của những người có hành vi xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người đang có xu hướng trẻ hóa, đặc biệt đối với hành vi xâm hại tình dục.

Đối với chủ thể của một số tội xâm hại tình dục như: tội hiếp dâm, tội hiếp dâm trẻ em, tội cưỡng dâm và tội cưỡng dâm trẻ em, trong lý luận từ trước tới nay đều xác định đây là những tội có chủ thể đặc biệt về giới tính: nam giới là chủ thể của những tội phạm này còn nữ giới chỉ có thể tham gia với vai trò đồng phạm (người tổ chức, người xúi giục hoặc người giúp sức). Tuy nhiên, trong thực tế hiện nay có nhiều trường hợp người thực hiện hành vi xâm hại tình dục không phải là nam giới mà là những đối tượng khác như nữ giới, người chuyển đổi giới tính hoặc người thực hiện hành vi xâm hại tình dục là nam giới nhưng đối tượng bị xâm hại cũng là nam giới. BLHS hiện hành chưa có quy định nào đề cập tới những trường hợp này. Điều đó có nghĩa là khi xảy ra những trường hợp này trên thực tế thì không có cơ sở pháp lý để giải quyết hoặc giải quyết theo hướng khác không phù hợp với bản chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm.

2.2.4. Mặt chủ quan của tội phạm

Mặt chủ quan của tội phạm là diễn biến tâm lý bên trong của người phạm tội bao gồm: lỗi, động cơ và mục đích phạm tội.

Lỗi của người phạm tội trong nhóm tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người đều là lỗi cố ý trực tiếp. Người phạm tội nhận thức được hành vi của mình là hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng vì những động cơ và mục đích khác nhau mà đều mong muốn thực hiện hành vi đó.

Động cơ phạm tội là động lực bên trong thúc đẩy người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội cố ý. Thông thường động cơ phạm tội của những người phạm tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người thường do ham muốn, nhu cầu tình dục hoặc do những mâu thuẫn cá nhân hoặc các động cơ khác. Tuy nhiên, khi truy cứu TNHS đối với những người phạm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người, động cơ phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc để định tội.

Mục đích phạm tội là kết quả trong ý thức chủ quan mà người phạm tội đặt ra phải đạt được khi thực hiện hành vi phạm tội. Mục đích phạm tội của những người phạm tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người thông thường là muốn thỏa mãn nhu cầu tình dục của bản thân hoặc muốn thu lợi bất chính hoặc cố ý nhằm xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác.

2.3. Khái quát lịch sử lập pháp về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

2.3.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945 đến trước khi Bộ luật hình sự năm 1985 có hiệu lực pháp luật

Từ sau cách mạng tháng Tám thành công đến trước thời điểm pháp điển hóa lần thứ nhất, Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật hình sự trừng trị các hành vi phạm tội trong điều kiện xã hội mới, đáp ứng kịp thời yêu cầu của công tác đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm, trong đó có nhiều quy định liên quan đến nhóm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

Ngay sau khi giành được chính quyền và khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ngày 02 tháng 09 năm 1945, chính quyền nhân dân non trẻ phải đối mặt với những khó khăn chồng chất. Trong tình hình đó, nhân dân ta phải thực hiện ba nhiệm vụ lớn, đó là diệt giặc đói, diệt giặc dốt và diệt giặc ngoại xâm. Do đó, ngay từ khi mới hình thành, pháp luật hình sự của chính quyền nhân dân đã tập trung phục vụ thực hiện các nhiệm vụ đó [60, tr.81]. Các lĩnh vực khác, trong đó có vấn đề bảo vệ quyền con người, quyền công dân nói chung và bảo vệ nhân phẩm, danh dự của con người nói riêng cũng được Đảng và Nhà nước ta quan tâm. Tuy nhiên, do tình hình hết sức khẩn trương, không thể ban hành kịp các văn bản quy phạm pháp luật nói chung, văn bản quy phạm pháp luật hình sự cần thiết nói riêng nên ngày 10 tháng 10 năm 1945, Nhà nước ta đã ban hành Sắc lệnh số 47-SL cho tạm thời giữ các

luật lệ cũ, trong đó có Bộ “Luật hình An Nam”, Bộ “Hoàng Việt hình luật” và Bộ “Hình luật pháp tu chính” với điều kiện “không trái với nguyên tắc độc lập của nước Việt Nam và chính thể dân chủ cộng hòa” [60, tr.84]. Như vậy, trong giai đoạn này, chưa có văn bản pháp luật hình sự nào quy định các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người mà các Tòa án xử theo luật hình cũ được tạm thời giữ lại. Đây là một việc cần thiết trong điều kiện lúc bấy giờ. Các Tòa án đã căn cứ vào chính sách của Đảng và Chính phủ, tinh thần độc lập và dân chủ của Hiến pháp năm 1946, án lệ của các Tòa án để xét xử. Điều luật cũ chỉ được vận dụng trong khi thật cần thiết, với tinh thần của chính sách và đường lối mới [263, tr.5].

Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, Nhà Nước ta lại đứng trước hàng loạt các vấn đề cần phải giải quyết để khôi phục lại nền hòa bình. Khi hòa bình lập lại, cách mạng chuyển giai đoạn, những điều luật của đế quốc và phong kiến mặc dù đã được hiểu và áp dụng theo tinh thần mới nhưng vẫn tỏ ra không thích hợp nữa. Do đó, Thông tư số 19-VHH/HS ngày 30 tháng 6 năm 1955 của Bộ Tư pháp đã yêu cầu các Tòa án không nên áp dụng luật lệ của đế quốc và phong kiến nữa. Tuy nhiên, đến năm 1955, Nhà nước ta vẫn chưa ban hành văn bản pháp luật hình sự riêng quy định cụ thể về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người nên khi toàn bộ các luật cũ không còn được áp dụng nữa, các Tòa án xử theo đường lối chính sách của Đảng và Chính phủ, án lệ của các Tòa án, của Tòa án tối cao. Trong trường hợp không giải quyết được thì sẽ báo cáo lên Tòa án tối cao để có ý kiến giúp đỡ [263, tr.6].

Năm 1960, Tòa án nhân dân tối cao ra Chỉ thị số 1024 ngày 15 tháng 6 năm 1960 hướng dẫn việc xử lý tội hiếp dâm nhằm khắc phục khuynh hướng coi nhẹ tính chất nghiêm trọng của loại tội phạm này, nhất là khuynh hướng coi nhẹ tội hiếp dâm trẻ em [263, tr.388]. Có thể nói đây là văn bản đầu tiên đặt nền móng cho việc hoàn thiện các quy định về các tội xâm phạm nhân

phẩm, danh dự của con người nói chung và các tội phạm về tình dục nói riêng. Tuy nhiên, những nội dung hướng dẫn trong Chỉ thị này còn chưa được toàn diện. Trong giai đoạn này, một số tội khác xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người chưa được đặt ra như: tội mua bán người, tội làm nhục người khác, tội vu khống...

Hàng năm, TAND đã ban hành các báo cáo tổng kết để đúc rút kinh nghiệm. Trong các báo cáo tổng kết những năm sau, từ năm 1961 đến năm 1966, TAND tối cao một mặt tiếp tục rút kinh nghiệm việc xử lý tội hiếp dâm, mặt khác hướng dẫn việc xử lý một số hình thức phạm tội mới mà luật cũ chưa hề biết như tội cưỡng bách giao cấu (cưỡng dâm), tội dâm ô...[263, tr.388]. Tuy nhiên những báo cáo tổng kết này còn mang tính lẻ tẻ, thiết tính hệ thống. Theo báo cáo tổng kết công tác và các chuyên đề xét xử năm 1964 của TAND tối cao thì trong năm 1963 có một số loại tội tuy số vụ đưa tới tòa án ít nhưng theo báo cáo của một số địa phương thì số vụ xảy ra lại nhiều hơn: đó là hành vi bắt cắp trẻ em đem đi bán. Theo nhận định của báo cáo thì đây là một loại tội nghiêm trọng xâm phạm vào những tình cảm sâu sắc của con người, vào thân phận của con trẻ và là một mối lo âu của người làm cha mẹ. Thủ đoạn mà bọn tội phạm này thường sử dụng là lợi dụng lúc trẻ không có người chăm nom, đánh cắp các em lên miền núi bán cho đồng bào địa phương. Như vậy ngành Tòa án ở thời điểm này đã xác định tội bắt cắp trẻ em đem bán là một loại tội phạm nghiêm trọng nên phạt thật nặng đối với những kẻ bắt cắp, tránh lối nhìn vào số tiền bán đứa trẻ không lớn thì coi như một vụ trộm cắp, lừa đảo tài sản vật chất mà xử nhẹ. TAND tối cao cũng xác định mức khung hình phạt nên áp dụng cho kẻ có hành vi bắt cắp là từ 3 năm đến 15 năm. Người mua trẻ con mà biết rõ mua trẻ con bị đánh cắp thì bị phạt tù tới 5 năm tù. Đồng thời báo cáo cũng xác định thêm các tình tiết tăng nặng đối với loại tội phạm bắt cắp trẻ con như: bắt cắp trẻ em để đem bán, hoặc với

một động cơ mục đích đê hèn nào khác; phạm tội nhiều lần; phạm tội có tổ chức, có thủ đoạn táo bạo, thâm độc, đã gây nhiều tác hại cho nạn nhân và gia đình nạn nhân; bị cáo là kẻ chuyên nghề bắt cắp trẻ em... [263, tr.475].

Trên cơ sở các kinh nghiệm mà thực tiễn xét xử đã đúc kết trong những năm nói trên, sang năm 1967, một văn bản có ý nghĩa quan trọng trong việc xử lý các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người (nhưng mới chỉ tập trung nói về các tội phạm về tình dục) đó là Bản tổng kết và hướng dẫn đường lối xét xử tội hiếp dâm và các tội phạm khác về mặt tình dục (số 329-HS2 ngày 11 tháng 5 năm 1967) của TAND tối cao đề cập một cách toàn diện bốn hình thức phạm tội: hiếp dâm, cưỡng dâm (tức cưỡng bách giao cấu), giao cấu với người dưới 16 tuổi và dâm ô (trái ý muốn và không có giao cấu) nhưng một số tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự khác chưa được đề cập đến như tội làm nhục người khác, tội vu khống. Văn bản này đã chính thức thay thế Chỉ thị số 1024 năm 1960 và các đoạn trong các báo cáo tổng kết hàng năm từ năm 1961 đến năm 1966 về vấn đề này. Có thể nói đây chính là những quy định đầu tiên mang tính hệ thống của Nhà nước ta về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người nói chung và các tội phạm về tình dục nói riêng. Nhiều quy định trong bản tổng kết này vẫn được vận dụng cho đến ngày nay.

Bản tổng kết và hướng dẫn đường lối xét xử tội hiếp dâm và một số tội phạm khác về mặt tình dục số 329-HS2 ngày 11 tháng 5 năm 1967 của TAND tối cao (sau đây gọi tắt là Bản tổng kết 329) đã khẳng định rằng chế độ ta là chế độ luôn luôn tạo điều kiện và bảo đảm cho mọi con người lao động và gia đình họ được thực sự bảo vệ và tôn trọng về mặt sức khỏe, tính mệnh cũng như về mặt danh dự, tình cảm, hạnh phúc gia đình. Những hành vi xâm phạm đến tình dục của người phụ nữ cũng như những hành vi xâm phạm đến sự trưởng thành bình thường của các em thiếu nhi cần được coi là những hành vi rất nguy hiểm

cho xã hội, vì không những nó chà đạp lên nhân phẩm, danh dự của người bị nạn, tác hại đến sức khỏe, có khi đến cả tính mạng của họ mà còn phá hoại nặng nề tình cảm, hạnh phúc gia đình của họ và có ảnh hưởng rất xấu cho đạo đức xã hội chủ nghĩa và cho nền trật tự an ninh chung [263, tr.389].

Bản tổng kết 329 đã mô tả các dấu hiệu pháp lý của các tội: tội hiếp dâm, tội cưỡng dâm, tội giao cấu với người dưới 16 tuổi và tội dâm ô. Đối với mỗi tội, Bản tổng kết 329 còn nêu một số tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để các thể hóa hình phạt, đồng thời bản tổng kết 329 cũng đưa ra nhiều ví dụ cụ thể về các dạng hành vi phạm tội.

Có thể nói, sự ra đời của Bản tổng kết 329 với những quy định về hành vi và thủ đoạn phạm tội của các tội phạm về mặt tình dục mặc dù còn rất đơn giản, chỉ mang tính chất liệt kê nhưng đã đánh dấu một bước phát triển trong lịch sử lập pháp của Nhà Nước ta, tạo cơ sở cho những quy định tiếp theo về các tội phạm về tình dục nói riêng và các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người nói chung.

Năm 1975 Miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất. Để có cơ sở pháp lý giải quyết trước mắt những hành vi gây mất trị an trong xã hội, ngày 15/03/1976 Hội đồng chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam ban hành Sắc luật số 03/SL-1976 (sau đây gọi tắt là Sắc luật 03) quy định các tội phạm và hình phạt được áp dụng ở Miền Nam Việt nam, trong đó có quy định về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người. Theo đó tại Điều 5 của Sắc luật 03 quy định các tội xâm phạm đến thân thể và nhân phẩm của công dân có nêu: *“Phạm tội hiếp dâm, thì bị phạt tù từ 2 năm đến 5 năm. Hiếp dâm vị thành niên thì bị phạt tù từ 3 năm đến 7 năm. Trường hợp đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù đến 20 năm, tù chung thân hoặc bị xử tử hình. Phạm các tội khác xâm phạm thân thể và nhân phẩm của công dân thì bị phạt tù từ 3 tháng đến 5 năm”* [264, tr.221].

Để nhận thức nội dung Sắc luật 03 được đúng đắn và để việc áp dụng được thống nhất, tháng 4 năm 1976, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 03-BTP/TT (sau đây gọi tắt là Thông tư 03) hướng dẫn thi hành Sắc luật quy định các tội phạm và hình phạt. Theo đó, khi giải thích các quy định tại Điều 5 của Sắc luật 03, Thông tư 03 đã nêu rõ hiếp dâm là hành vi dùng bạo lực hoặc hành vi uy hiếp về tinh thần để giao cấu với người phụ nữ, không có sự thỏa thuận của người đó; hoặc là hành vi lợi dụng người phụ nữ đang ngủ say, đang bị mê sảng, hoặc có bệnh thần kinh để giao cấu với họ; hoặc là hành vi lợi dụng sự non nớt, sự chưa hiểu biết của vị thành niên dưới 13 tuổi để giao cấu với chúng [264, tr.222]. Thông tư 03 cũng giải thích rõ trường hợp đặc biệt nghiêm trọng bị phạt tù đến 20 năm, tù chung thân hoặc bị xử tử hình là một trong các trường hợp sau: Nhiều người hiếp dâm một người; do hiếp dâm đã làm cho nạn nhân chết, làm cho nạn nhân bị trụ thai hoặc làm tổn thương lớn đến sức khỏe của nạn nhân, nhất là đối với nạn nhân là vị thành niên; hiếp nhiều người; hiếp người đang mê sảng, hoặc bị bệnh thần kinh; hiếp người có quan hệ huyết thống.

Tuy Sắc luật 03 không ghi rõ những tội khác xâm phạm thân thể và nhân phẩm của công dân gồm những hành vi cụ thể nào nhưng qua tình hình thực tế, Thông tư 03 đã nêu ra một số hành vi được coi là những tội khác, bao gồm: hành vi cưỡng dâm, thông gian với gái vị thành niên; hành vi dâm ô...

Nhìn chung, các quy phạm pháp luật hình sự xử lý các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người còn thiếu, các Tòa án chủ yếu xét xử theo chính sách của Đảng và Chính phủ, theo án lệ thông qua các bản tổng kết và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao nhưng cũng mới chỉ tập trung vào các tội phạm về tình dục. Do đó, giá trị pháp lý của các văn bản này chưa cao, quy định còn chưa cụ thể, thiếu thống nhất mà mới chỉ mang tính chất tạm thời nên việc áp dụng các hướng dẫn này trong thực tiễn xét xử còn gặp nhiều vướng mắc.

2.3.2. Giai đoạn từ khi Bộ luật hình sự năm 1985 có hiệu lực đến trước khi Bộ luật hình sự năm 1999 có hiệu lực pháp luật

BLHS năm 1985 được Quốc Hội khóa VII thông qua ngày 27 tháng 06 năm 1985 tại kỳ họp thứ 9 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 1986. Đây là BLHS đầu tiên của nước ta được ban hành trên cơ sở pháp điển hóa các văn bản pháp luật hình sự đã được ban hành trước đó, đánh dấu một bước tiến vượt bậc trong lịch sử lập pháp hình sự của Nhà Nước ta. Trong BLHS năm 1985, các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người được quy định tại chương 2 phân các tội phạm. Việc BLHS năm 1985 lần đầu tiên chính thức ghi nhận về mặt pháp lý các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người đã đánh dấu sự trưởng thành về kỹ thuật lập pháp hình sự của nước ta trong lĩnh vực bảo vệ nhân phẩm, danh dự của con người.

Trong BLHS năm 1985, các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người được quy định tại chương 2 - Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người gồm các tội: tội hiếp dâm (Điều 112), tội cưỡng dâm (Điều 113), tội giao cấu với người dưới 16 tuổi (Điều 114) và tội mua bán phụ nữ (Điều 115); còn tội bắt trộm, mua bán hoặc đánh tráo trẻ em lại được quy định tại Điều 149 BLHS năm 1985 nằm trong Chương 5 - Các tội xâm phạm tới chế độ hôn nhân gia đình và các tội phạm đối với người chưa thành niên.

Thứ nhất, đối với tội hiếp dâm: BLHS năm 1985 đã đưa ra dấu hiệu pháp lý của tội này, cụ thể tội hiếp dâm được hiểu là hành vi “*dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác giao cấu trái ý muốn của họ*”. Tuy nhiên, đối với trường hợp đặc biệt nếu nạn nhân là trẻ em dưới 13 tuổi thì điều luật quy định mọi trường hợp giao cấu với trẻ đều là phạm tội hiếp dâm. Hình phạt áp dụng đối với tội hiếp dâm được quy định với nhiều khung hình phạt. Khung hình phạt thứ nhất áp dụng đối với các trường hợp phạm tội hiếp dâm thông thường có

mức phạt tù từ một năm đến năm năm. Khung hình phạt thứ hai có mức phạt tù từ hai năm đến bảy năm áp dụng đối với các trường hợp hiếp dâm người chưa thành niên từ 13 tuổi trở lên hoặc người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh. Khung hình phạt thứ ba có mức phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm áp dụng đối với các trường hợp phạm tội có một trong các tình tiết tăng nặng sau: Hiếp dâm có tổ chức hoặc nhiều người hiếp một người; hiếp nhiều người hoặc gây tổn hại nặng cho sức khỏe của nạn nhân; tái phạm nguy hiểm. Khung hình phạt thứ tư có mức phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình áp dụng đối với trường hợp hiếp dâm làm nạn nhân chết, tự sát hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác. Như vậy, trong BLHS năm 1985, hiếp dâm trẻ em được coi như một tình tiết tăng nặng của Tội hiếp dâm. Điều này thể hiện rõ quan điểm xử nặng đối với hành vi hiếp dâm trẻ em đồng thời thể hiện sự quan tâm đặc biệt của các nhà làm luật đối với đối tượng trẻ em

Thứ hai, đối với tội cưỡng dâm: Dấu hiệu pháp lý của tội cưỡng dâm được mô tả tại Điều 113 BLHS năm 1985 với quy định “*Người nào dùng mọi thủ đoạn khiến người lệ thuộc mình hoặc người đang ở trong tình trạng quần bách phải miễn cưỡng giao cấu*”. Hình phạt áp dụng cho các trường hợp phạm tội cưỡng dâm thông thường là phạt cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm. Khung hình phạt áp dụng sẽ tăng lên từ hai năm đến bảy năm trong trường hợp người phạm tội có một trong các tình tiết tăng nặng: Cưỡng dâm nhiều người; gây hậu quả nghiêm trọng; tái phạm nguy hiểm. Người phạm tội sẽ bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm trong trường hợp phạm tội làm nạn nhân tự sát. Tương tự như tội hiếp dâm, cưỡng dâm trẻ em cũng được coi là một tình tiết tăng nặng trong tội cưỡng dâm với quy định phạm tội cưỡng dâm người chưa thành niên từ 13 tuổi trở lên là phạt tù từ một năm đến năm năm.

Thứ ba, đối với tội giao cấu với người dưới 16 tuổi: Điều 114 BLHS năm 1985 đã quy định dấu hiệu pháp lý của tội giao cấu với người dưới 16 tuổi là “*Người nào đã thành niên mà giao cấu với người từ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”. Khung hình phạt áp dụng đối với người phạm tội giao cấu với người dưới 16 tuổi là phạt cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

Thứ tư, đối với tội mua bán phụ nữ: Tội phạm này được xây dựng với các quy định giản đơn, chỉ nêu tên tội danh mà không mô tả cụ thể các dấu hiệu pháp lý. Cụ thể, khoản 1 Điều 115 quy định: “*Người nào mua bán phụ nữ...*”. Hình phạt áp dụng đối với loại tội phạm này được quy định gồm hai khung. Khung hình phạt thứ nhất áp dụng cho các trường hợp phạm tội mua bán phụ nữ thông thường là phạt tù từ hai năm đến bảy năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ năm năm đến hai mươi năm áp dụng cho các trường hợp phạm tội có một trong các tình tiết tăng nặng sau: Có tổ chức; để đưa ra nước ngoài; mua bán nhiều người; tái phạm nguy hiểm.

Thứ năm, đối với tội bắt trộm, mua bán hoặc đánh tráo trẻ em: Nhà làm luật cũng chỉ nêu tên tội danh mà không mô tả cụ thể các dấu hiệu pháp lý: “*Người nào bắt trộm, mua bán hoặc đánh tráo trẻ em*”. Hình phạt áp dụng đối với tội phạm này cũng được quy định gồm hai khung. Khung hình phạt thứ nhất áp dụng cho các trường hợp phạm tội bắt trộm, mua bán hoặc đánh tráo trẻ em thông thường là phạt tù từ một năm đến bảy năm. Khung hình phạt thứ hai là phạt tù từ năm năm đến hai mươi năm áp dụng cho các trường hợp phạm tội có một trong các tình tiết tăng nặng sau: Có tổ chức hoặc có tính chất chuyên nghiệp; để đưa ra nước ngoài; bắt trộm, mua bán hoặc đánh tráo nhiều trẻ em hoặc gây hậu quả nghiêm trọng khác; tái phạm nguy hiểm.

Thứ sáu, đối với tội tội làm nhục người khác. Việc BLHS năm 1985 lần đầu tiên chính thức ghi nhận về mặt pháp lý tội làm nhục người khác đã đánh

dấu mốc quan trọng trong việc xây dựng các quy định hình sự trong việc bảo vệ nhân phẩm, danh dự của con người. Bộ luật đã đưa ra định nghĩa pháp lý của tội làm nhục người khác là hành vi xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác và quy định hai khung hình phạt. Khung hình phạt cơ bản có mức phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm. Khung hình phạt tăng nặng có mức phạt cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm áp dụng đối với trường hợp làm nhục người thi hành công vụ.

Thứ bảy, đối với tội tội vu khống: Đây cũng là tội danh lần đầu tiên được chính thức ghi nhận về mặt pháp lý tại Điều 117 BLHS năm 1985. Hành vi khách quan của của tội vu khống được quy định bao gồm hai dạng hành vi. Dạng hành vi thứ nhất là hành vi bịa đặt hoặc loan truyền những điều biết rõ là bịa đặt nhằm xúc phạm danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền lợi của người khác. Dạng hành vi thứ hai là hành vi bịa đặt là người khác phạm tội và tố cáo họ trước cơ quan Nhà nước. Hình phạt áp dụng đối với người phạm tội vu khống cũng được quy định gồm hai khung hình phạt. Khung hình phạt cơ bản có mức phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến hai năm. Khung hình phạt tăng nặng có mức phạt tù từ một năm đến bảy năm áp dụng trong trường hợp nghiêm trọng.

Có thể nói, BLHS 1985 là công cụ sắc bén của Nhà Nước, của nhân dân, đã phát huy vai trò, tác dụng to lớn trong công cuộc bảo vệ những thành quả cách mạng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa cũng như bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân. Do sự phát triển của kinh tế xã hội có nhiều thay đổi đòi hỏi pháp luật cũng phải thay đổi cho phù hợp. BLHS 1985 đã được sửa đổi 4 lần vào các năm 1989, 1991, 1992 và năm 1997. Qua các lần sửa đổi, các quy định về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người dần được hoàn thiện thể hiện ở việc nhà làm luật đã thay đổi dấu hiệu pháp lý

của một số tội cho phù hợp với điều kiện thực tế, bổ sung một số tình tiết tăng nặng nhằm phản ánh đầy đủ hơn các trường hợp phạm tội mới trên thực tế mới phát sinh, đồng thời điều chỉnh một số mức hình phạt.

Mặc dù đã được sửa đổi bổ sung nhưng do sự thay đổi lớn của điều kiện kinh tế, xã hội nên BLHS năm 1985 đã tỏ ra không còn phù hợp, không đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng và chống tội phạm. Do đó việc ban hành một bộ luật mới là rất cần thiết. Ngày 22 tháng 11 năm 1999 Quốc Hội khóa X đã thông qua bộ luật hình sự năm 1999 và cũng đã thông qua Nghị quyết số 32/1999/QH-10 về việc thi hành BLHS. Bộ luật này đã kế thừa và phát huy BLHS 1985 trên cơ sở tiếp thu những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm và những thay đổi của điều kiện kinh tế, xã hội. So với BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 đã có sự đổi mới toàn diện về cả nội dung và hình thức.

Tóm lại, các quy định về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trong BLHS hiện hành là sự kế thừa và phát huy những quy định mang tính lịch sử qua nhiều giai đoạn hình thành và phát triển khác nhau. Ở mỗi thời kỳ khác nhau, những quy định về những loại tội phạm này cũng được thay đổi và ngày càng hoàn thiện hơn để đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới.

2.4. Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người theo quy định của luật hình sự một số nước trên thế giới

2.4.1. Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người theo Bộ luật hình sự Liên bang Nga

BLHS Liên bang Nga được Đuma Quốc gia thông qua ngày 24 tháng 5 năm 1996, được Hội đồng Liên bang phê chuẩn ngày 5 tháng 6 năm 1996. Trong đó, các tội xâm phạm nhân phẩm danh dự của con người được quy định thành hai chương. Thứ nhất là Chương 17 - Các tội xâm phạm tự do, danh dự và nhân phẩm cá nhân. Thứ hai là Chương 18 - Các tội xâm phạm tự do tình dục.

2.4.1.1. Các tội phạm về tình dục

Trong BLHS Liên bang Nga, các tội phạm về tình dục được quy định tại Chương 18, Mục VII, phần riêng với năm điều luật (từ Điều 131 đến Điều 135) bao gồm các tội danh: Tội hiếp dâm; Tội cưỡng dâm; Tội ép buộc người khác hoạt động tình dục; Tội giao cấu và thực hiện các hoạt động tình dục khác với người chưa đủ 16 tuổi và Tội dâm ô.

Tội hiếp dâm (Điều 131 BLHS) bao gồm bốn khoản. Trong đó, các dấu hiệu định tội được nhà làm luật mô tả tại khoản 1 còn các dấu hiệu định khung tăng nặng được quy định từ khoản 2 đến khoản 4 của điều luật. Theo đó, tội hiếp dâm được hiểu là *“thực hiện hành vi giao cấu có sử dụng vũ lực hay đe dọa sử dụng vũ lực đối với người bị hại hay đối với những người khác hoặc lợi dụng tình trạng không thể chống đỡ của người bị hại”* [12, tr.202]. Với cách mô tả này, có thể thấy một điều đặc biệt trong quy định của BLHS Liên bang Nga khác với quy định tại Điều 111 BLHS Việt Nam là BLHS Liên bang Nga quy định hành vi sử dụng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực có thể đối với người bị hại hoặc đối với những người khác. Khung hình phạt cơ bản áp dụng trong trường hợp phạm tội thông thường này là phạt tù từ ba năm đến sáu năm.

Khung hình phạt tăng nặng thứ nhất quy định tại khoản 2 có mức phạt tù từ bốn năm đến mười năm áp dụng cho những trường hợp phạm tội có một trong các tình tiết sau: Hiếp dâm tập thể hoặc do một nhóm mà đã có sự bàn bạc từ trước hay do nhóm người có tổ chức tiến hành; hiếp dâm có kèm theo đe dọa giết người hoặc gây tổn hại nghiêm trọng về sức khỏe, cũng như thực hiện hành vi một cách tàn bạo đối với người bị hại hoặc những người khác; làm lây truyền bệnh truyền nhiễm cho người bị hại.

Khung hình phạt tăng nặng thứ hai quy định tại khoản 3 có mức phạt tù từ tám năm đến mười lăm năm áp dụng cho những trường hợp phạm tội có

một trong các tình tiết sau: Với người chưa thành niên; kèm theo do vô ý gây tổn hại nghiêm trọng đến sức khỏe của người bị hại, làm lây truyền HIV hay những hậu quả rất nghiêm trọng khác.

Khung hình phạt tăng nặng thứ ba quy định tại khoản 4 có mức phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm áp dụng cho những trường hợp phạm tội có một trong các tình tiết sau: Do vô ý làm chết người bị hại; đối với người bị hại chưa tròn 14 tuổi. Như vậy, trong BLHS Liên bang Nga, hiếp dâm trẻ em không được quy định thành một tội danh độc lập mà được xem như một tình tiết tăng nặng của tội hiếp dâm.

Tội cưỡng dâm (Điều 132 BLHS) được mô tả với các dấu hiệu pháp lý cơ bản sau: *“Đồng tính nam, đồng tính nữ hoặc những hoạt động tình dục khác có sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực đối với nạn nhân (nam hoặc nữ) hoặc đối với những người khác hoặc lợi dụng tình trạng không thể chống đỡ của người bị hại (kể cả nam và nữ)”* [12, tr.204]. Với quy định này có thể thấy tội hiếp dâm và tội cưỡng dâm trong BLHS Liên bang Nga khác nhau cơ bản ở hai dấu hiệu. Thứ nhất là về đặc điểm giới tính của chủ thể và nạn nhân: Trong tội hiếp dâm thì chủ thể và nạn nhân có giới tính khác nhau (nam và nữ) còn trong tội cưỡng dâm thì chủ thể và nạn nhân có thể có cùng giới tính (đồng tính nam hoặc đồng tính nữ). Thứ hai là về hành vi: Trong tội hiếp dâm phải có hành vi giao cấu còn trong tội cưỡng dâm thì không có hành vi giao cấu mà là hành vi đồng tính nam, đồng tính nữ hoặc những hoạt động tình dục khác. Khung hình phạt cơ bản áp dụng trong trường hợp phạm tội này là phạt tù từ ba năm đến sáu năm.

Khung hình phạt tăng nặng thứ nhất quy định tại khoản 2 có mức phạt tù từ bốn năm đến mười năm áp dụng cho những trường hợp phạm tội có một trong các tình tiết sau: Do một nhóm người hoặc do một nhóm đã bàn bạc từ trước hay do nhóm có tổ chức tiến hành; có kèm theo đe dọa giết người hoặc

gây tổn hại nghiêm trọng về sức khỏe, cũng như thực hiện hành vi một cách tàn bạo đối với người bị hại (kể cả nam và nữ) hoặc những người khác; làm lây truyền bệnh truyền nhiễm cho người bị hại (kể cả nam và nữ).

Khung hình phạt tăng nặng thứ hai quy định tại khoản 3 có mức phạt tù từ tám năm đến mười lăm năm áp dụng cho những trường hợp phạm tội có một trong các tình tiết sau: Đối với người chưa thành niên (kể cả nam và nữ); kèm theo do vô ý gây tổn hại nghiêm trọng đến sức khỏe của người bị hại (kể cả nam và nữ), làm lây truyền HIV cho người bị hại (kể cả nam và nữ) hay những hậu quả rất nghiêm trọng khác.

Khung hình phạt tăng nặng thứ ba quy định tại khoản 4 có mức phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm áp dụng cho những trường hợp phạm tội có một trong các tình tiết sau: Do vô ý làm chết người bị hại (kể cả nam và nữ); đối với người bị hại chưa tròn 14 tuổi.

Như vậy, tương tự như tội hiếp dâm, trong BLHS Liên bang Nga, cưỡng dâm trẻ em cũng không được quy định thành một tội danh độc lập mà được xem như một tình tiết tăng nặng của tội cưỡng dâm.

Tội ép buộc người khác hoạt động tình dục (Điều 133 BLHS) được mô tả là hành vi “*ép buộc người khác thực hiện giao cấu, đồng tính nam, đồng tính nữ hoặc thực hiện các hoạt động tình dục khác bằng cách uy hiếp, đe dọa hủy hoại, làm hư hỏng hoặc lấy đi tài sản, hoặc lợi dụng sự phụ thuộc vật chất hoặc phụ thuộc khác của người bị hại*” [12, tr.206]. Đối với hành vi phạm tội này có thể bị phạt tiền đến một trăm hai mươi nghìn rúp hoặc bằng lương hay bằng thu nhập khác của người bị kết án đến một năm, hoặc bị phạt lao động bắt buộc từ một trăm tám mươi giờ đến hai trăm bốn mươi giờ, hoặc bị phạt lao động cải tạo đến hai năm, hoặc bị phạt tù đến một năm.

Tội giao cấu và thực hiện các hoạt động tình dục khác với người chưa đủ mười sáu tuổi (Điều 134 BLHS) được quy định với các dấu hiệu pháp lý

cơ bản sau: “*Giao cấu, đồng tính nam hoặc đồng tính nữ do người đủ 18 tuổi thực hiện với người khác đã biết là chưa đủ 16 tuổi*” [12, tr.208]. Với mô tả này, chúng ta có thể hiểu gần tương tự như tội giao cấu với trẻ em (Điều 115 BLHS Việt Nam), có nghĩa là chủ thể của tội phạm này cũng phải là người từ đủ 18 tuổi trở lên và các hành vi tình dục được thực hiện một cách tự nguyện. Khung hình phạt cơ bản áp dụng trong trường hợp phạm tội thông thường này là phạt tù đến bốn năm. Khung hình phạt tăng nặng thứ nhất quy định tại khoản 2 có mức phạt tù từ ba năm đến bảy năm áp dụng trong trường hợp thực hiện các hành vi tình dục nêu trên đối với người rõ ràng chưa đủ 14 tuổi. Tương tự nếu thực hiện các hành vi tình dục này đối với người rõ ràng là chưa đủ 12 tuổi thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm theo quy định tại khoản 3. Khung hình phạt tại khoản 4 quy định có mức phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm áp dụng trong trường hợp các hành vi tình dục này do một nhóm người, một nhóm người có bàn bạc hoặc bàn bạc từ trước hoặc nhóm có tổ chức thực hiện. Ngoài các quy định nêu trên, Điều 134 BLHS Liên bang Nga có một quy định rất đặc biệt đó là trong trường hợp người mà lần đầu phạm tội thuộc khoản 1 Điều 134 BLHS, nếu xác định được rằng người này và hành vi phạm tội đã thực hiện không còn nguy hiểm cho xã hội nữa vì đã kết hôn với người bị hại thì sẽ được Tòa án miễn chấp hành hình phạt [12, tr.210].

Tội dâm ô được quy định tại Điều 135 BLHS Liên bang Nga với cách quy định giản đơn. Điều luật không mô tả cụ thể thế nào là hành vi dâm ô mà chỉ quy định: “*Các hành động dâm ô không sử dụng vũ lực do người đủ 18 tuổi thực hiện với người đã biết rõ là chưa đủ 16 tuổi*” [12, tr.210]. Khung hình phạt áp dụng trong trường hợp phạm tội này là phạt tiền đến ba trăm nghìn rúp hoặc lương hay bằng thu nhập khác của người bị kết án đến hai năm, hoặc bị hạn chế tự do đến ba năm, hoặc bị phạt tù đến ba năm. Khung

hình phạt tăng nặng thứ nhất quy định tại khoản 2 có mức phạt tù từ ba năm đến sáu năm áp dụng trong trường hợp thực hiện các hành vi dâm ô nêu trên đối với người đã biết rõ là chưa đủ 14 tuổi. Tương tự nếu thực hiện các hành vi dâm ô này đối với người đã biết rõ là chưa đủ 12 tuổi thì bị phạt tù từ năm năm đến mười hai năm theo quy định tại khoản 3. Khung hình phạt tại khoản 4 quy định có mức phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm áp dụng trong trường hợp các hành vi dâm ô này do một nhóm người, một nhóm người có bàn bạc từ trước hoặc nhóm có tổ chức thực hiện.

2.4.1.2. Các tội phạm khác xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

Trong BLHS Liên bang Nga, tội buôn người được xác định là một trong những tội phạm không những xâm hại danh dự, nhân phẩm mà còn xâm hại tự do của con người được quy định tại Điều 127-1. Theo đó, Tội buôn người được hiểu là hành vi “*mua - bán người hoặc những giao dịch có liên quan đến mua bán người, cũng như những hành vi bóc lột đối với những người được tuyển mộ, vận chuyển, giao nhận, hoặc cất giấu*” [12, tr.192]. Khái niệm bóc lột người trong quy định này được hiểu là buộc người bị hại hành nghề mại dâm hay những hình thức bóc lột tình dục khác, hoặc lao động khổ sai (nô lệ), hoặc làm những việc khác mà nạn nhân không tự nguyện. Khung hình phạt cơ bản áp dụng trong trường hợp phạm tội này là phạt tù đến sáu năm.

Khung hình phạt tăng nặng thứ nhất được quy định tại khoản 2 có mức phạt tù từ ba năm đến mười năm áp dụng đối với các trường hợp phạm tội có một trong các tình tiết tăng nặng sau: Đối với từ hai người trở lên; đối với người mà hiển nhiên là người chưa thành niên; lợi dụng công vụ; để đưa người bị hại qua biên giới quốc gia của Liên bang Nga hoặc giữ họ trái pháp luật bên ngoài biên giới; có sử dụng các giấy tờ giả mạo cũng như việc thu

giữ, cất giấu hay tiêu hủy các loại giấy tờ, chứng minh nhân thân của người bị hại; có sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực; nhằm mục đích lấy các bộ phận cơ thể hay mô của người bị hại; đối với người mà người phạm tội biết là đang trong tình trạng không được bảo vệ hay người bị lệ thuộc về vật chất hoặc những lệ thuộc khác đối với người phạm tội; đối với phụ nữ mà người phạm tội biết là đang có thai.

Khung hình phạt tăng nặng thứ hai được quy định tại khoản 3 có mức phạt tù từ tám năm đến mười lăm năm áp dụng đối với các trường hợp phạm tội có một trong các tình tiết tăng nặng sau: Do vô ý làm chết người hoặc gây tổn hại nghiêm trọng đến sức khỏe hay những hậu quả khác đối với người bị hại; được thực hiện bằng biện pháp gây nguy hiểm đến tính mạng hoặc sức khỏe của nhiều người; do một nhóm có tổ chức gây ra.

Trong BLHS Liên bang Nga, các tội phạm khác xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người như Tội làm nhục người khác, tội vu khống được quy định tại Chương 17 - Các tội xâm phạm tự do, danh dự và nhân phẩm cá nhân.

Tội vu khống được quy định tại Điều 129 BLHS Liên bang Nga với ba khung hình phạt tương ứng với ba khoản. Theo quy định của điều luật thì vu khống được hiểu là hành vi *“lan truyền những thông tin mà hiển nhiên là gian dối nhằm bôi nhọ danh dự, nhân phẩm hoặc làm tổn hại thanh danh của người khác”* [12, tr.198]. Hành vi phạm tội này có thể bị phạt tiền đến tám mươi nghìn rúp hoặc bằng lương hay bằng thu nhập khác của người bị kết án đến sáu tháng, hoặc phạt lao động bắt buộc từ một trăm hai mươi giờ đến một trăm tám mươi giờ, hoặc lao động cải tạo đến một năm, hoặc phạt hạn chế tự do đến một năm.

Khung hình phạt tăng nặng thứ nhất có mức phạt đến một trăm hai mươi nghìn rúp hoặc bằng lương hay bằng thu nhập khác của người bị kết án đến một năm, hoặc phạt lao động bắt buộc từ một trăm tám mươi giờ đến hai

trăm bốn mươi giờ, hoặc lao động cải tạo từ một đến hai năm, hoặc phạt hạn chế tự do đến hai năm áp dụng trong trường hợp vụ không thể hiện trong các phát biểu công khai, được công bố công khai trên các ấn phẩm hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Khung hình phạt tăng nặng thứ hai có mức phạt từ một trăm nghìn rúp đến ba trăm nghìn rúp hoặc bằng lương hay bằng thu nhập khác của người bị kết án từ một năm đến hai năm, hoặc phạt hạn chế tự do đến ba năm, hoặc phạt giam từ bốn tháng đến sáu tháng hoặc phạt tù đến ba năm áp dụng trong trường hợp vụ không gắn với cáo buộc một người phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

Tội làm nhục người khác được quy định tại Điều 130 BLHS Liên bang Nga. Theo đó, làm nhục người khác được hiểu là *“hạ thấp danh dự, nhân phẩm của người khác được thể hiện bằng hình thức thô tục”* [12, tr.200]. Khung hình phạt áp dụng đối với trường hợp phạm tội này là phạt đến bốn mươi nghìn rúp hoặc bằng lương hay bằng thu nhập khác của người bị kết án đến ba tháng, hoặc phạt lao động bắt buộc một trăm hai mươi giờ, hoặc lao động cải tạo đến sáu tháng, hoặc phạt hạn chế tự do đến một năm.

Trong trường hợp làm nhục người khác được thể hiện trong các phát biểu công khai, được công bố trên các ấn phẩm hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng thì bị phạt đến tám mươi nghìn rúp hoặc bằng lương hay bằng thu nhập khác của người bị kết án đến sáu tháng, hoặc phạt lao động bắt buộc đến một trăm tám mươi giờ, hoặc lao động cải tạo đến một năm, hoặc phạt hạn chế tự do đến hai năm.

Tóm lại, những quy định về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trong BLHS Liên bang Nga và BLHS Việt Nam có nhiều nét tương đồng. Đặc biệt, có thể thấy, kỹ thuật lập pháp hình sự nói chung và kỹ thuật trong xây dựng các quy định về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của

con người nói riêng ở Việt Nam chịu sự ảnh hưởng lớn của Liên bang Nga nên việc quy định hình phạt thành các khung cơ bản và tăng nặng cũng như nhiều tình tiết tăng nặng định khung là như nhau [52, tr.46]. Bên cạnh đó, nhiều quy định trong BLHS Liên bang Nga và Việt Nam có sự khác biệt như về tên tội danh, cách sắp xếp các tội trong từng chương của Bộ luật.

2.4.2. Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người theo Bộ luật hình sự Cộng hòa liên bang Đức

Khác với BLHS Việt Nam, trong BLHS Cộng hòa liên bang Đức, các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người được quy định ở nhiều chương.

2.4.2.1. Các tội phạm về tình dục

Các tội phạm về tình dục được quy định tại Chương thứ 13, phần riêng BLHS Cộng hòa liên bang Đức với tên gọi: Các tội xâm phạm sự tự quyết về tình dục gồm 26 điều luật (từ Điều 174 đến Điều 184g). Khác với BLHS Việt Nam, các tội xâm phạm sự tự quyết về tình dục trong BLHS Cộng hòa liên bang Đức bao gồm rất nhiều tội danh được tách ra từ các trường hợp đặc biệt của nhiều tội và bao gồm nhiều nhóm hành vi xâm phạm tình dục khác nhau.

Hành vi hiếp dâm, cưỡng dâm được quy định trong hai điều luật với tên gọi Tội cưỡng dâm; hiếp dâm (Điều 177) và Tội cưỡng dâm và hiếp dâm với hậu quả chết người (Điều 178). Theo đó, tội cưỡng dâm; hiếp dâm được mô tả tại Điều 177 BLHS được hiểu là: *“Người nào bằng bạo lực; qua đe dọa với sự nguy hiểm hiện hữu cho thân thể hoặc tính mạng hoặc với sự lợi dụng một tình trạng mà trong đó nạn nhân không có sự bảo vệ, bị phó mặc cho sự tác động của người thực hiện tội phạm mà cưỡng ép một người khác chịu những hành vi tình dục của người thực hiện tội phạm hoặc của người thứ ba ở mình hoặc thực hiện những hành vi tình dục ở người thực hiện tội phạm hoặc người thứ ba”* [13, tr.302]. Với quy định này có thể thấy, BLHS Cộng hòa liên bang Đức không có sự phân biệt rạch ròi giữa tội hiếp dâm và tội cưỡng dâm. Hình phạt áp dụng cho người phạm tội trong trường hợp này là bị xử phạt với hình phạt tự do không dưới một năm.

Hình phạt áp dụng này sẽ bị tăng lên với hình phạt tự do không dưới hai năm trong những trường hợp đặc biệt nghiêm trọng (là trường hợp người thực hiện tội phạm thực hiện hành vi giao hợp với nạn nhân hoặc thực hiện những hành vi tình dục tương tự ở nạn nhân hoặc để cho nạn nhân thực hiện ở mình mà những hành vi này hạ nhục nạn nhân, đặc biệt nếu những hành vi này gắn liền với một sự xâm nhập vào cơ thể) hoặc hành vi do nhiều người cùng thực hiện.

Quyết định hình phạt tự do không dưới ba năm nếu người thực hiện tội phạm có một trong các tình tiết sau: mang theo mình một vũ khí hoặc một công cụ nguy hiểm; mang theo mình một công cụ hoặc phương tiện khác nhằm ngăn cản hoặc chế ngự bằng bạo lực hoặc đe dọa với bạo lực sự phản kháng của một người; qua hành vi đưa nạn nhân đến nguy cơ tổn hại nặng về sức khỏe.

Quyết định hình phạt tự do không dưới năm năm trong trường hợp nếu người thực hiện tội phạm khi thực hiện hành vi mà sử dụng một vũ khí hoặc một công cụ nguy hiểm khác hoặc nếu người thực hiện tội phạm hành hạ nạn nhân nghiêm trọng về thể xác khi thực hiện hành vi hoặc qua hành vi đưa nạn nhân đến nguy cơ chết người.

Điều 178 BLHS quy định Tội cưỡng dâm và hiếp dâm với hậu quả chết người là trường hợp nếu qua cưỡng dâm hoặc hiếp dâm (Điều 177), người thực hiện tội phạm gây ra cái chết của nạn nhân ít nhất là do khinh suất. Trong trường hợp này, người thực hiện tội phạm bị xử phạt với hình phạt tự do suốt đời hoặc với hình phạt tự do không dưới mười năm.

Ngoài tội cưỡng dâm, hiếp dâm, BLHS Cộng hòa liên bang Đức có quy định một tội phạm về bản chất gần tương tự như một trường hợp trong tội hiếp dâm của BLHS Việt Nam, đó là Tội lạm dụng tình dục người không có khả năng phản kháng (Điều 179). Theo đó, tội phạm này được hiểu là một

người “*lạm dụng một người khác mà người này vì một bệnh thuộc về trí óc hoặc về tâm thần hoặc vì bị khiếm khuyết kể cả bệnh nghiện hoặc vì bị rối loạn ý thức nặng hoặc về thể xác không có khả năng phản kháng, qua việc lợi dụng sự không có khả năng phản kháng thực hiện những hành vi tình dục ở người này hoặc để người này thực hiện ở mình*” [13, tr.306]. Hình phạt áp dụng trong trường hợp phạm tội này là bị xử phạt với hình phạt tự do từ sáu tháng đến mười năm. Ngoài ra, điều luật còn quy định cũng là phạm Tội lạm dụng tình dục người không có khả năng phản kháng trong trường hợp lợi dụng sự không có khả năng phản kháng thúc đẩy người này thực hiện những hành vi tình dục ở người thứ ba hoặc để người thứ ba thực hiện ở mình.

Ngoài các hành vi xâm phạm tự do tình dục nêu trên, BLHS Cộng hòa liên bang Đức còn quy định các các tội phạm về sự lạm dụng tình dục như: Tội lạm dụng tình dục người được bảo trợ (Điều 174); Tội lạm dụng tình dục của tù nhân, người bị nhà đương cục giữ hoặc người bệnh và người cần trợ giúp trong các cơ sở (Điều 174a); Tội lạm dụng tình dục với sự lợi dụng một vị trí chức trách (Điều 174b); Tội lạm dụng tình dục với sự lợi dụng một quan hệ tư vấn, chữa trị hoặc chăm lo (Điều 174c).

Khác với BLHS Liên bang Nga, BLHS Cộng hòa liên bang Đức hầu hết đều quy định các hành vi xâm hại tình dục đối với trẻ em, người chưa thành niên thành tội danh riêng. Các tội xâm hại đến tình dục của trẻ em trong BLHS Cộng hòa liên bang Đức bao gồm: Tội lạm dụng tình dục trẻ em (Điều 176); Tội lạm dụng tình dục trẻ em nghiêm trọng (Điều 176a); Tội lạm dụng tình dục trẻ em với hậu quả chết người (Điều 176b); Tội hỗ trợ cho những hành vi tình dục của người chưa thành niên (Điều 180); Tội lạm dụng tình dục người chưa thành niên (Điều 182); Tội mại dâm gây nguy hại cho người chưa thành niên (Điều 184f).

Bên cạnh đó, BLHS Cộng hòa liên bang Đức còn quy định một số dạng hành vi chưa được quy định trong BLHS Việt Nam đó là Các hành vi phô bày tình dục (Điều 183 BLHS Cộng hòa liên bang Đức). Theo đó, hành vi phô bày tình dục được hiểu là hành vi của “*một người đàn ông mà quấy rối một người khác qua một hành vi phô bày tình dục*” [13, tr.314]. Hoặc Tội gây ra sự phẫn nộ công khai (Điều 183a) là hành vi của người nào thực hiện công khai những hành vi tình dục và qua đó có chủ định hoặc có ý định gây ra một sự phẫn nộ.

2.4.2.2. Các tội phạm khác xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

Trong BLHS Cộng hòa liên bang Đức, các hành vi phạm tội buôn bán người được quy định trong chương các tội xâm phạm tự do cá nhân (Chương thứ 18, phần riêng) với bốn điều luật (Điều 232, 233, 233a và Điều 236) bao gồm các tội: Buôn người nhằm mục đích bóc lột tình dục; Buôn người nhằm mục đích bóc lột sức lao động; Hỗ trợ buôn người; Buôn bán trẻ em.

Tội buôn người nhằm mục đích bóc lột tình dục (Điều 232) được hiểu là hành vi của người lợi dụng tình trạng khó khăn cấp bách hoặc tình trạng không có sự giúp đỡ liên quan đến việc lưu trú ở nước ngoài của một người khác mà đẩy họ đến việc phải chấp nhận hay tiếp tục hành nghề mại dâm hoặc phải thực hiện hành vi tình dục ở hoặc trước người thực hiện tội phạm hoặc người thứ ba hoặc để cho người thực hiện tội phạm hoặc người thứ ba thực hiện hành vi tình dục ở mình với mục đích bóc lột. Hình phạt áp dụng trong trường hợp phạm tội này là bị xử phạt với hình phạt tự do từ sáu tháng đến mười năm [13, tr.372].

Quyết định hình phạt tự do từ một năm đến mười năm nếu có một trong các tình tiết sau: Nạn nhân của hành vi là trẻ em; người thực hiện tội phạm hành hạ nghiêm trọng thân thể nạn nhân khi thực hiện hành vi hoặc qua hành

vi đưa nạn nhân đến nguy cơ chết người; người thực hiện tội phạm thực hiện hành vi có tính chuyên nghiệp hoặc với tư cách là thành viên của một băng nhóm đã liên kết để thực hiện liên tiếp những hành vi như vậy; người nào bằng bạo lực, qua sự đe dọa với một sự tội tộ có tính nhạy cảm hoặc qua mưu mẹo mà đẩy một người khác đến việc phải chấp nhận hay tiếp tục hành nghề mại dâm hoặc phải thực hiện các hành vi tình dục như đã nêu trên; người nào bằng bạo lực, qua sự đe dọa với một sự tội tộ có tính nhạy cảm hoặc qua mưu mẹo mà bắt cóc một người khác nhằm đẩy họ đến việc phải chấp nhận hay tiếp tục hành nghề mại dâm hoặc phải thực hiện các hành vi tình dục như đã nêu trên.

Tội buôn người nhằm mục đích bóc lột sức lao động được quy định tại Điều 233 BLHS. Theo đó hành vi này được hiểu là hành vi của người lợi dụng tình trạng khó khăn cấp bách hoặc tình trạng không có sự giúp đỡ liên quan đến việc lưu trú ở nước ngoài của một người khác mà đẩy họ đến tình trạng nô lệ, nông nô hoặc đi ở gán nợ hoặc phải chấp nhận hoặc tiếp tục một công việc cho mình hoặc cho người thứ ba trong các điều kiện làm việc rất không tương xứng với các điều kiện làm việc của những nam nữ lao động khác mặc dù họ thực hiện những công việc giống hoặc tương tự như vậy. Hình phạt áp dụng trong trường hợp phạm tội này là bị xử phạt với hình phạt tự do từ sáu tháng đến mười năm [13, tr.374].

Tội hỗ trợ buôn người (Điều 233a) được hiểu là hành vi của người hỗ trợ việc buôn người bằng cách tuyển mộ, chuyên chở, chuyên giao, chứa chấp hoặc tiếp nhận một người khác. Mức xử phạt áp dụng trong trường hợp phạm tội này là bị xử phạt với hình phạt tự do từ ba tháng đến năm năm. Hình phạt này sẽ tăng lên từ sáu tháng đến năm năm trong trường hợp: nạn nhân của hành vi là trẻ em; hoặc người thực hiện tội phạm đã hành hạ nạn nhân nghiêm trọng về thể xác khi thực hiện hành vi hoặc qua hành vi đưa nạn nhân đến nguy cơ chết người; hoặc người thực hiện tội phạm thực hiện hành vi bằng

bạo lực hoặc qua việc đe dọa với một sự tội tệ có tính nhạy cảm hoặc có tính chuyên nghiệp hoặc với tư cách là thành viên của một băng nhóm đã liên kết để thực hiện liên tiếp những hành vi này [13, tr.374 -376].

Tội buôn trẻ em (Điều 236) được hiểu là hành vi của người giao trong thời gian dài cho một người khác con chưa đủ 18 tuổi hoặc đưa trẻ được bảo trợ hoặc được nuôi dưỡng chưa đủ 18 tuổi của mình với sự vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ chăm sóc dạy dỗ và ở đây thực hiện vì thù lao hoặc với chủ định thu lợi cho mình hoặc cho một người thứ ba [13, tr.380]. Mức phạt được quy định áp dụng trong trường hợp này là bị xử phạt với hình phạt tự do đến năm năm hoặc với hình phạt tiền. Tội buôn trẻ em theo BLHS Cộng hòa liên bang Đức còn được hiểu là trường hợp một người không được phép mà môi giới việc nhận làm con nuôi một người dưới 18 tuổi hoặc thực hiện một hoạt động môi giới nhằm mục đích để một người thứ ba được nhận một người dưới 18 tuổi về ở với mình trong thời gian dài và thực hiện hành vi vì thù lao hoặc với chủ định thu lợi cho mình hoặc cho một người thứ ba. Cũng là phạm tội này nếu một người với tư cách là người môi giới việc nhận nuôi con nuôi một người dưới 18 tuổi mà đảm bảo trả thù lao cho một người có quyền đưa ra sự chấp thuận cần thiết cho việc nhận con nuôi.

Một số tình tiết tăng nặng của tội buôn trẻ em bao gồm: Thực hiện hành vi từ sự trục lợi, có tính chuyên nghiệp hoặc với tư cách là thành viên của một băng nhóm đã liên kết để thực hiện liên tiếp hành vi mua bán trẻ em; qua hành vi đưa trẻ em hay người được môi giới đến nguy cơ tổn hại đáng kể về sự phát triển của thể xác hoặc tinh thần.

Trong BLHS Cộng hòa liên bang Đức, các tội khác xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người được gọi là các tội phạm về xúc phạm quy định tại Chương thứ 14 phần riêng bao gồm một số tội danh điển hình như: Tội xúc phạm, Tội nói xấu; Tội vu khống.

Tội xúc phạm được quy định tại Điều 185 với cách quy định giản đơn. Nhà làm luật không mô tả cụ thể hành vi thế nào bị coi là xúc phạm mà chỉ

nêu tên tội danh với quy định: “*Sự xúc phạm bị xử phạt với hình phạt tự do đến một năm hoặc với hình phạt tiền*” [13, tr.326]. Điều luật còn quy định trường hợp xúc phạm được thực hiện bằng một sự hành hung thì với hình phạt tự do đến hai năm hoặc với hình phạt tiền.

Tội nói xấu (Điều 186) được hiểu là “*Người nào khẳng định hoặc loan truyền một sự việc trong quan hệ với một người khác mà việc này thích hợp làm người này bị khinh miệt hoặc bị hạ thấp phẩm giá trong dư luận xã hội*” [13, tr.326]. Có thể thấy, đây là một dạng của hành vi làm nhục người khác quy định trong BLHS Việt Nam. Trong trường hợp này, người thực hiện tội phạm bị xử phạt với hình phạt tự do đến một năm hoặc với hình phạt tiền.

Tội vu khống (Điều 187) được quy định là “*Người nào khẳng định hoặc loan truyền một sự việc không thật trong quan hệ với một người khác trái với sự hiểu biết rõ của mình mà việc này thích hợp làm người này bị khinh miệt hoặc bị hạ thấp phẩm giá trong dư luận xã hội hoặc gây nguy hại cho lòng tin về khả năng tài chính của người này*” [13, tr.328]. Trong trường hợp này, người thực hiện tội phạm bị xử phạt với hình phạt tự do đến hai năm hoặc với hình phạt tiền.

2.4.3. Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người theo Bộ luật hình sự Thụy Điển

BLHS Thụy Điển được thông qua năm 1962, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1965 và được sửa đổi lần gần nhất vào ngày 01 tháng 05 năm 1999. Trong BLHS Thụy Điển, các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người cũng được quy định trong nhiều chương khác nhau.

2.4.3.1. Các tội phạm về tình dục

Các tội phạm về tình dục được quy định tại Chương 6, phần hai - các tội phạm bao gồm 15 điều luật. Khác với BLHS Việt Nam và nhiều BLHS của các nước khác trên thế giới, BLHS Thụy Điển không quy định tên tội

đanh ở đầu mỗi điều luật mô tả hành vi phạm tội và tên tội danh ngay trong từng điều luật.

Tội hiếp dâm (Điều 1) được hiểu là “*Người nào gây thương tích, dùng vũ lực khác hoặc đe dọa thực hiện một tội phạm, buộc người khác giao cấu hay thực hiện hoặc để cho người phạm tội thực hiện với mình một hành vi tình dục mà xét về tính chất và hoàn cảnh chung thì tương tự như hành vi giao cấu*” [11, tr.44]. Cũng được coi là hiếp dâm nếu người phạm tội có hành vi giao cấu hoặc có hành vi tình dục với người khác bằng cách lợi dụng tình trạng bất tỉnh, đang ngủ, say hoặc do ảnh hưởng của việc sử dụng thuốc, ốm đau, thương tích hoặc tổn thương về tâm thần hoặc các tình tiết khác. Trường hợp này được xem là tình trạng không thể tự vệ.

Hình phạt áp dụng cho người phạm tội thuộc trường hợp thông thường là phạt tù từ hai năm đến sáu năm. Phạm tội trong trường hợp nghiêm trọng thì bị phạt tù từ bốn năm đến mười năm. Nếu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng thì bị phạt tù đến bốn năm.

Tội hiếp dâm trẻ em (Điều 4) được hiểu là hành vi giao cấu hoặc có hành vi tình dục khác tương ứng với hành vi giao cấu với trẻ em dưới 15 tuổi hoặc đối với trẻ em là con đẻ từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi hoặc đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm trông nom, nuôi dưỡng hoặc có quan hệ thân thiết, hoặc người mà người phạm tội chịu trách nhiệm chăm sóc hoặc giám sát theo quyết định của nhà chức trách. Mức hình phạt áp dụng cho tội phạm này là phạt tù từ hai năm đến sáu năm. Nếu thuộc trường hợp nghiêm trọng thì bị phạt tù từ bốn năm đến mười năm [11, tr.48].

Tội cưỡng dâm (Điều 2) theo quy định tại BLHS Thụy Điển được hiểu là ngoài các trường hợp của tội hiếp dâm, bằng hành vi ép buộc trái pháp luật khiến người khác phải thực hiện hoặc để người khác thực hiện một hành vi tình dục đối với mình hoặc thực hiện hành vi tình dục đối với người khác.

Hình phạt áp dụng cho người phạm tội trong trường hợp này là phạt tù đến hai năm. Nếu thuộc trường hợp nghiêm trọng thì bị phạt tù từ sáu tháng đến sáu năm [11, tr.46].

Ngoài các tội phạm về tình dục nêu trên, BLHS Thụy Điển còn quy định một số tội danh khác về tình dục như: Tội bóc lột tình dục người khác trong tình trạng lệ thuộc (Điều 3); Tội bóc lột tình dục trẻ em (Điều 5); Tội lạm dụng tình dục trẻ em (Điều 6); Tội giao cấu với con đẻ (Điều 7); Tội bóc lột trẻ em trình diễn khiêu dâm (Điều 8); Tội mua dâm trẻ em (Điều 9); Tội quấy rối tình dục (Điều 10); Tội mua dâm (Điều 11); Tội chứa mại dâm (Điều 12). Trong đó, Tội quấy rối tình dục có một số dấu hiệu pháp lý gần tương tự như Tội dâm ô với trẻ em theo quy định tại Điều 116 BLHS Việt Nam. Theo đó, Tội quấy rối tình dục được hiểu là hành vi “*đụng chạm vào thân thể trẻ em dưới 15 tuổi một cách dâm ô hoặc xúi giục trẻ em thuận tình hoặc dụ dỗ trẻ em thực hiện các hành vi liên quan đến tình dục, nếu không thuộc những trường hợp khác đã được quy định*” [11, tr.54]. Tội danh này cũng áp dụng đối với người phô bày cơ thể của mình theo cách có thể làm cho người khác phản cảm hoặc người quấy rối người khác bằng lời nói hay hành động theo cách có thể xâm phạm tự do tình dục của người đó.

2.4.3.2. Các tội phạm khác xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

Trong BLHS Thụy Điển, các tội phạm buôn bán người được quy định Chương 4 phần các tội phạm - Các tội xâm phạm tự do và bình yên. Mặc dù các điều luật này không quy định tên tội danh là tội buôn người hay mua bán người nhưng những hành vi được mô tả trong các điều luật về cơ bản phù hợp với một số nội dung về chống buôn bán người theo quy định của pháp luật quốc tế.

Điều 1 Chương 4 BLHS Thụy Điển quy định về Tội bắt cóc với dấu hiệu: *“Người nào bắt và đưa đi hoặc giam giữ trẻ em hoặc người khác với mục đích gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của họ, buộc họ phục dịch hoặc vì mục đích chiếm đoạt tài sản”* [11, tr.30]. Có thể thấy quy định này chưa đề cập tới tội buôn bán người mà chỉ nêu lên một khía cạnh của hành vi này. Hình phạt áp dụng cho người phạm tội trong trường hợp này là phạt tù từ bốn năm đến mười năm hoặc tù chung thân. Ngoài Tội bắt cóc, BLHS Thụy Điển còn quy định Tội tước tự do của công dân trái pháp luật tại Điều 2 bao gồm các trường hợp bắt cóc hoặc giam giữ hoặc bằng thủ đoạn khác tước tự do của người khác nhưng không thuộc các trường hợp được quy định tại Điều 1. Hình phạt cho tội phạm này là phạt tù từ một năm đến mười năm. Ngoài các trường hợp đã nêu trên, nếu người phạm tội bằng thủ đoạn gian dối hoặc ép buộc trái pháp luật làm người khác phải phục vụ trong quân đội hoặc làm việc cực nhọc hoặc chịu các điều kiện cực khổ khác hoặc xúi giục người khác đến hoặc lưu lại ở nước ngoài mà người đó có nguy cơ bị ngược đãi hoặc bị bóc lột về tình dục hoặc phải chịu đau khổ thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm về Tội đẩy người khác vào tình cảnh khốn cùng với mức phạt tù từ một năm đến mười năm [11, tr.30].

Ngoài ra, tại Chương 7 phần các tội phạm - Các tội xâm phạm chế độ gia đình, BLHS Thụy Điển có quy định về một số tội danh gần tương tự như Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em theo BLHS Việt Nam, đó là: Tội gian dối về tình trạng gia đình; Tội cách ly trẻ em trái phép.

Tội gian dối về tình trạng gia đình (Điều 3) được hiểu là hành vi *“giấu giếm, đánh tráo trẻ em hoặc bằng thủ đoạn không thông báo hoặc thông báo sai cho nhà chức trách nhằm làm cho mình hoặc người khác có được tình trạng gia đình sai sự thật hoặc tước đoạt tình trạng gia đình hợp pháp của*

người khác” [11, tr.60]. Hình phạt áp dụng cho người phạm tội trong trường hợp này là bị phạt tiền hoặc phạt tù đến hai năm.

Tội cách ly trẻ em trái phép (Điều 4) được hiểu là hành vi cách ly trái phép một trẻ em dưới 15 tuổi khỏi người có trách nhiệm chăm sóc, trông coi trẻ đó hoặc người có trách nhiệm chăm sóc, trông coi trẻ em dưới 15 tuổi, không có lý do chính đáng mà tự ý chuyển trẻ đó đi nơi khác hoặc người chiếm đoạt trẻ em để có thể chăm sóc, nuôi dưỡng trái phép đứa trẻ đó. Hình phạt áp dụng trong các trường hợp phạm tội này là bị phạt tiền hoặc phạt tù đến một năm [11, tr.60].

Các tội phạm khác xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người được quy định tại Chương 5 phần các tội phạm trong BLHS Thụy Điển với tên gọi Các tội xâm phạm danh dự bao gồm 5 điều luật với các tội danh: Tội xúc phạm danh dự của người khác; Tội xúc phạm danh dự trong trường hợp nghiêm trọng và Tội làm nhục người khác.

Tội xúc phạm danh dự của người khác (Điều 1) được hiểu là hành vi *“tố cáo người khác phạm tội hoặc có lối sống không lành mạnh hoặc loan truyền các thông tin khác nhằm làm mất danh dự của người khác”* [11, tr.40]. Hành vi này sẽ không bị coi là tội phạm nếu người thực hiện là người có trách nhiệm cung cấp thông tin hoặc căn cứ vào các tình tiết của vụ việc, việc cung cấp thông tin có thể biện minh được, hoặc nếu người đó có thể chứng minh được rằng thông tin là xác thực hoặc có cơ sở hợp lý để tin. Với những quy định tại Điều 1 Chương 5 BLHS Thụy Điển, có thể thấy tội xúc phạm danh dự của người khác có một số dấu hiệu gần tương tự như tội vu khống theo quy định của BLHS Việt Nam. Hình phạt áp dụng cho tội phạm này là phạt tiền. Trường hợp đặc biệt của tội phạm này được quy định thành tội độc lập ở Điều 2 Chương 5 phần các tội phạm của BLHS với tên gọi tội xúc phạm danh dự trong trường hợp nghiêm trọng. Theo đó tội phạm này có hành vi khách

quan tương tự như tội xúc phạm danh dự của người khác nhưng trong trường hợp nghiêm trọng. Để xác định tính chất nghiêm trọng của tội phạm cần đặc biệt cân nhắc thông tin mà nội dung và phạm vi phổ biến của nó có gây thiệt hại nghiêm trọng cho danh dự của người khác không. Phạm tội trong trường hợp nghiêm trọng này thì người phạm tội có thể bị phạt tiền hoặc phạt tù đến hai năm.

Tội làm nhục người khác được quy định tại Điều 3 Chương 5 với quy định: *“Người nào phỉ báng người khác bằng lời lẽ lăng mạ hoặc có các hành vi khác mang tính chất sỉ nhục đối với người đó”* [11, tr.40]. Những hành vi của tội làm nhục người khác phải không bị xử lý về tội xúc phạm danh dự của người khác và tội xúc phạm danh dự trong trường hợp nghiêm trọng. Hình phạt áp dụng đối với tội phạm này là bị phạt tiền. Trong trường hợp nghiêm trọng thì người phạm tội bị phạt tiền hoặc phạt tù đến sáu tháng.

Tiểu kết chương 2

Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người lần đầu tiên được quy định trong BLHS năm 1985 có ý nghĩa về mặt lập pháp hình sự hết sức to lớn. Nó đánh dấu một bước tiến lớn về kỹ thuật lập pháp hình sự của nước ta trong lĩnh vực bảo vệ quyền con người nói chung, bảo vệ nhân phẩm, danh dự của con người nói riêng. Việc chính thức ghi nhận về mặt pháp lý hình sự các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người trong pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành là một biểu hiện cụ thể của việc quy định về quyền con người, bảo vệ giá trị của con người. Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người được quy định trong Luật hình sự Việt Nam và đã được bổ sung, sửa đổi theo thời gian cho phù hợp với sự thay đổi của điều kiện kinh tế - xã hội. Trên thế giới, hầu hết luật hình sự của các quốc gia đều có quy định liên quan đến các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người tuy có nhiều quy định và hình thức quy định không đồng nhất do điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và truyền thống, phong tục là khác nhau. Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm lập pháp của một số nước trên thế giới cũng như nghiên cứu lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người sẽ góp phần tích cực trong việc hoàn thiện các quy định của pháp luật hiện hành về nhóm tội này.

CHƯƠNG 3

QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM NHÂN PHẨM, DANH DỰ CỦA CON NGƯỜI

Để có thể nghiên cứu một cách toàn diện và tổng thể về các vấn đề của đề tài nghiên cứu, tác giả luận án xác định cần phân tích các quy định của BLHS hiện hành về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người để thấy được cơ chế pháp lý bảo vệ quyền con người, mà cụ thể là quyền nhân thân, nhân phẩm, danh dự của con người bằng pháp luật hình sự. Trên cơ sở đó, tác giả luận án đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định đó để có cái nhìn tổng thể về hiệu quả bảo đảm, bảo vệ quyền nhân thân mà cụ thể là nhân phẩm, danh dự của con người theo pháp luật hình sự Việt Nam.

3.1. Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người theo Bộ luật hình sự năm 1999

3.1.1. Các tình tiết định tội của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

Trong BLHS năm 1999, các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người được quy định tại Chương XII trong nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người bao gồm mười điều luật: từ Điều 111 đến Điều 116 và từ Điều 119 đến Điều 122 BLHS.

3.1.1.1. Nhóm các tội phạm về tình dục

Nhóm các tội phạm về tình dục trong BLHS năm 1999 bao gồm sáu điều luật với sáu tội danh. Đó là: tội hiếp dâm (Điều 111), tội hiếp dâm trẻ em (Điều 112), tội cưỡng dâm (Điều 113), tội cưỡng dâm trẻ em (Điều 114), tội giao cấu với trẻ em (Điều 115) và tội dâm ô đối với trẻ em (Điều 116).

Nhìn chung, những tội phạm này đều được nhà làm luật xây dựng dưới dạng CTTP hình thức - Nhà làm luật chỉ mô tả dấu hiệu hành vi nguy hiểm cho xã hội trong mặt khách quan của tội phạm mà không mô tả dấu hiệu hậu quả nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Do đó, tình tiết định tội của các tội phạm này được quy định trong BLHS 1999 đều liên quan đến những hành vi khách quan của tội phạm. Nhìn chung, hành vi khách quan của các tội phạm này được quy định gồm những dạng hành vi sau:

Thứ nhất, hành vi giao cấu với nạn nhân: Hành vi này là tình tiết định tội của hầu hết các tội phạm về tình dục (trừ Tội dâm ô đối với trẻ em Điều 116 BLHS). Mặc dù trong BLHS 1999 không mô tả rõ thế nào là hành vi giao cấu nhưng ở nước ta từ trước tới nay, trong lý luận cũng như trong thực tiễn xét xử đều thừa nhận hành vi giao cấu theo hướng dẫn tại Bản tổng kết và hướng dẫn đường lối xét xử tội hiếp dâm và một số tội phạm khác về mặt tình dục số 329-HS2 ngày 11 tháng 05 năm 1967 của TANDTC. Theo đó, hành vi giao cấu được hiểu là sự cọ sát trực tiếp dương vật vào bộ phận sinh dục của người phụ nữ với ý thức ấn sâu vào trong không kể sự xâm nhập của dương vật là sâu hay cạn, không kể có xuất tinh hay không [263, tr.390].

Thứ hai, hành vi dâm ô đối với trẻ em: Đây là tình tiết định tội của Tội dâm ô đối với trẻ em (tội duy nhất trong nhóm tội phạm về tình dục không có hành vi giao cấu). Hành vi này được hiểu là những hành vi tình dục nhưng không phải là hành vi giao cấu. Những hành vi đó có đặc điểm thỏa mãn hoặc kêu gọi, kích thích nhu cầu tình dục. Trẻ em có thể bị hành vi dâm ô tác động đến thân thể nhưng cũng có thể chỉ bị chứng kiến những hành vi dâm ô.

Thứ ba, về thủ đoạn phạm tội:

Thủ đoạn phạm tội của các tội phạm về tình dục rất đa dạng tùy theo loại tội phạm. Nhìn chung, nhóm tội này có một số thủ đoạn như: dùng vũ lực (dùng sức mạnh vật chất đè bẹp sự kháng cự của nạn nhân chống lại việc giao

cầu như xô ngã, vật, giữ, bóp cổ nạn nhân...), đe dọa dùng vũ lực (làm ý chí của người phụ nữ bị tê liệt, buộc họ phải chịu sự giao cấu mà không dám kháng cự như dọa giết, dọa gây thương tích cho nạn nhân...), lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân (lợi dụng người phụ nữ vì lí do nào đó không thể chống lại được hành vi giao cấu trái ý muốn của mình như lợi dụng người phụ nữ đang trong tình trạng ốm đau...), đe dọa hoặc hứa hẹn đối với người lệ thuộc mình hoặc trong hoàn cảnh quẫn bách buộc họ phải miễn cưỡng giao cấu hoặc các thủ đoạn khác (như lợi dụng người phụ nữ đang trong tình trạng không có khả năng biểu lộ ý chí đúng đắn được như lợi dụng người phụ nữ đang bị say rượu hay đang bị bệnh tâm thần...). Khác với những thủ đoạn nêu trên, riêng tội giao cấu với trẻ em, do hành vi khách quan của tội này là hành vi giao cấu thuận tình nên người phạm tội không cần dùng thủ đoạn nào để thực hiện hành vi phạm tội.

Ngoài ra độ tuổi của đối tượng tác động của tội phạm cũng là dấu hiệu để xác định tội phạm trong những trường hợp có hành vi phạm tội tương tự nhau (như đối tượng tác động là nữ từ đủ 16 tuổi trở lên là dấu hiệu định tội hiếp dâm và dưới 16 tuổi là hiếp dâm trẻ em; đối tượng tác động là nữ từ đủ 16 tuổi trở lên có quan hệ lệ thuộc với chủ thể hoặc đang ở trong tình trạng quẫn bách là dấu hiệu định tội cưỡng dâm và từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi là cưỡng dâm trẻ em), đối tượng tác động là người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi là dấu hiệu định tội giao cấu với trẻ em và người dưới 16 tuổi là đối tượng tác động của tội dâm ô đối với trẻ em.

3.1.1.2. Nhóm các tội phạm khác xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

Nhóm các tội phạm khác xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trong BLHS năm 1999 bao gồm bốn điều luật, đó là: tội mua bán người (Điều

119); tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em (Điều 120); tội làm nhục người khác (Điều 121) và tội vu khống (Điều 122).

Tương tự các tội phạm về tình dục, những tội phạm này cũng được nhà làm luật xây dựng dưới dạng CTTP hình thức nên tình tiết định tội của các tội phạm này được quy định trong BLHS 1999 đều liên quan đến hành vi khách quan của tội phạm. Nhìn chung, hành vi khách quan của các tội phạm này được quy định gồm những dạng hành vi sau:

Thứ nhất, hành vi mua bán người: Đây là những hành vi dùng tiền hoặc các phương tiện thanh toán khác như vàng, ngoại tệ... để trao đổi mua bán người như một thứ hàng hóa (nếu người bị mua bán từ đủ 16 tuổi trở lên thì hành vi này cấu thành tội mua bán người, nếu người bị mua bán dưới 16 tuổi thì hành vi này cấu thành tội mua bán trẻ em). Khi việc mua bán xảy ra, nạn nhân có thể biết hoặc không biết mình đang là đối tượng bị mua bán. Người bị mua bán có thể không đồng tình nhưng cũng có thể đồng tình với việc mua bán bản thân mình.

Thứ hai, hành vi đánh tráo và hành vi chiếm đoạt trẻ em: Đánh tráo được hiểu là hành vi tráo đứa trẻ này với đứa trẻ khác mà bố mẹ của một hoặc của cả hai đứa trẻ không biết. Hành vi chiếm đoạt trẻ em được hiểu là hành vi tách chuyên trái phép đứa trẻ khỏi sự quản lý của gia đình hoặc người quản lý hợp pháp và thiết lập sự quản lý đó cho mình hoặc người khác bằng những thủ đoạn khác nhau như lén lút, lừa dối, dùng vũ lực...

Thứ ba, hành vi có tính chất xúc phạm nghiêm trọng đến nhân phẩm, danh dự của người khác: Những hình thức biểu hiện của hành vi này rất đa dạng, có thể là những lời nói có tính chất thóa mạ, xỉ nhục, miệt thị hạ thấp danh dự, xúc phạm đến nhân phẩm như chửi bới, nhạo báng... hoặc có thể là những cử chỉ có tính chất bỉ ổi xúc phạm nghiêm trọng đến nhân phẩm, danh dự của người khác.

Thứ tư, hành vi vu khống: Hành vi vu khống được xác định gồm ba dạng: Một là hành vi bịa đặt nhằm xúc phạm danh dự hoặc nhằm gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác: đây là dạng hành vi đưa ra những thông tin không đúng sự thật và có nội dung xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự, uy tín của người khác như đưa tin người khác có hành vi thiếu đạo đức, có hành vi vi phạm pháp luật mặc dù người đó không có hành vi này và người phạm tội cũng biết rõ những thông tin mình đưa là không đúng sự thật. Hai là hành vi loan truyền những điều biết rõ là bịa đặt nhằm xúc phạm danh dự hoặc nhằm gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác: người phạm tội tuy không phải là người tự đưa ra những thông tin không đúng sự thật và có nội dung xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự, uy tín của người khác nhưng đã có hành vi loan truyền những thông tin này mà người khác đã đưa ra đến người tiếp theo bằng các hình thức khác nhau và người phạm tội cũng biết rõ những thông tin mà mình loan truyền là không đúng sự thật. Ba là hành vi bịa đặt là người khác phạm tội và tố cáo họ trước cơ quan Nhà nước: người phạm tội có hành vi tố cáo người khác có hành vi phạm tội trước cơ quan Nhà nước mặc dù thực tế người này không có hành vi đó.

3.1.2. Các tình tiết định khung tăng nặng của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người được quy định từ Điều 111 đến Điều 116 BLHS, từ Điều 119 đến Điều 122 BLHS năm 1999.

3.1.2.1. Nhóm các tội phạm về tình dục

Nhìn chung, các tình tiết định khung tăng nặng trong nhóm tội phạm về tình dục là tương tự nhau bao gồm các tình tiết cụ thể sau:

Phạm tội có tổ chức: Đây là trường hợp đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Trong đó, những người đồng phạm có phân công vai trò, có kế hoạch phạm tội chi tiết, rõ ràng, mỗi người

được giao một nhiệm vụ cụ thể và tất cả họ cùng nhau liên kết lại để thực hiện tội phạm và che giấu tội phạm. Mặt khác, phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có thông mưu trước nhưng ở mức độ cao. Giữa những người phạm tội đã thống nhất được với nhau từ khi chuẩn bị đến khi kết thúc và kể cả những biện pháp lẩn tránh pháp luật, tạo ra trong ý thức mỗi người một kế hoạch phạm tội có sự phối hợp nhịp nhàng của những người tham gia.

Phạm tội đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh: Đây là trường hợp giữa người phạm tội và nạn nhân có quan hệ đặc biệt với nhau. Trong đó, người phạm tội là người có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh cho nạn nhân ví dụ như cha dưỡng hiệp dân con riêng của vợ, thầy giáo hiệp dân học sinh, bác sĩ hiệp dân bệnh nhân... Khi xem xét tình tiết này, cần xác định rõ người phạm tội phải vì lợi dụng quan hệ chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh để hiệp dân, nếu hành vi hiệp dân không liên quan đến một trong các quan hệ đó thì không áp dụng tình tiết này.

Nhiều người hiệp một người hoặc nhiều người cưỡng dân một người: đây là trường hợp đồng phạm hiệp dân (hoặc cưỡng dân) trong đó có nhiều người có hành vi giao cấu trái ý muốn với cùng một nạn nhân. Nếu có nhiều người nhưng chỉ có một người giao cấu thì không áp dụng tình tiết này. Hiệp dân có tổ chức và nhiều người hiệp một người tuy đều là đồng phạm nhưng một trường hợp đòi hỏi là đồng phạm có tổ chức còn một trường hợp đòi hỏi phải có nhiều người cùng thực hiện hành vi giao cấu.

Phạm tội nhiều lần: là trường hợp người phạm tội giao cấu với cùng một nạn nhân từ hai lần trở lên.

Có tính chất loạn luân: đây là trường hợp giữa nạn nhân và người phạm tội có quan hệ cùng dòng máu về trực hệ hoặc có quan hệ là anh chị em cùng cha mẹ, anh chị em cùng mẹ khác cha hoặc anh chị em cùng cha khác mẹ.

Làm nạn nhân có thai: đây là trường hợp hành vi phạm tội mà chủ thể đã thực hiện (hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu với trẻ em) là nguyên nhân dẫn đến việc nạn nhân mang thai. Hành vi phạm tội không những xâm hại nhân phẩm, danh dự của nạn nhân mà còn gây ra hậu quả nặng nề, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tương lai và cuộc sống sau này của nạn nhân.

Gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân với tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%: đây là trường hợp hành vi phạm tội mà chủ thể đã thực hiện (hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu với trẻ em) là nguyên nhân dẫn đến việc nạn nhân bị tổn hại về sức khỏe với tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%. Hành vi phạm tội và hậu quả gây ra cho sức khỏe của nạn nhân có mối quan hệ nhân quả với nhau.

Tái phạm nguy hiểm: đây là trường hợp người phạm tội đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm một trong các tội phạm về tình dục (trừ tội giao cấu với trẻ em); hoặc người phạm tội đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội hiếp dâm (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 111 BLHS 1999), tội hiếp dâm trẻ em, tội cưỡng dâm (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 113 BLHS 1999) và tội cưỡng dâm trẻ em.

Gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân với tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên: đây là trường hợp hành vi phạm tội mà chủ thể đã thực hiện (hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu với trẻ em) là nguyên nhân dẫn đến việc nạn nhân bị tổn hại về sức khỏe với tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên. Hành vi phạm tội và hậu quả gây ra cho sức khỏe của nạn nhân có mối quan hệ nhân quả với nhau.

Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội: Đây là trường hợp, chủ thể khi thực hiện hành vi phạm tội biết rõ mình là người đang bị nhiễm vi rút HIV. Nếu người phạm tội là người bị nhiễm HIV nhưng khi thực hiện hành vi phạm tội, họ không biết mình nhiễm HIV thì không áp dụng tình tiết này. Chỉ cần người phạm tội biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn thực hiện hành vi phạm tội, bất kể nạn nhân có bị nhiễm HIV hay không, chúng ta vẫn có thể áp dụng tình tiết này đối với người phạm tội.

Làm nạn nhân chết hoặc tự sát: Trường hợp hiếp dâm (cưỡng dâm) làm nạn nhân chết là trường hợp hiếp dâm (cưỡng dâm) đã gây ra hậu quả nạn nhân chết và lỗi của người phạm tội đối với hậu quả chết người là lỗi vô ý.

Cưỡng dâm nhiều lần: là trường hợp một người có từ hai lần cưỡng dâm trở lên đối với cùng một nạn nhân, mỗi lần cưỡng dâm đều cấu thành tội phạm và chưa hề bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Cưỡng dâm nhiều người: là trường hợp người phạm tội có hành vi dùng thủ đoạn khiến nhiều người lệ thuộc vào mình hoặc lợi dụng tình trạng quần bách để buộc họ giao cấu với mình.

Gây hậu quả nghiêm trọng (hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng): Đây là những tình tiết định khung tăng nặng trong tội dâm ô đối với trẻ em. Hậu quả nói ở đây được hiểu là ảnh hưởng xấu tới sự phát triển về mọi mặt của nạn nhân cũng như ảnh hưởng xấu tới trật tự xã hội nói chung.

3.1.2.2. Nhóm các tội phạm khác xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

Nhóm các tội phạm khác xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trong BLHS năm 1999 bao gồm bốn điều luật, đó là: tội mua bán người (Điều 119); tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em (Điều 120); tội làm nhục người khác (Điều 121) và tội vu khống (Điều 122).

Nhìn chung, các tình tiết định khung tăng nặng trong nhóm tội này bao gồm các tình tiết cụ thể sau:

Vì mục đích mại dâm (Để sử dụng vào mục đích mại dâm): đây là trường hợp chủ thể thực hiện hành vi phạm tội là nhằm mục đích sử dụng nạn nhân vào mục đích mại dâm. Người phạm tội phải biết được người mà mình mua, bán hoặc trao đổi dùng vào mục đích mại dâm, nếu người phạm tội không biết điều đó thì không áp dụng tình tiết này.

Có tổ chức: tình tiết này hiểu tương tự như trong nhóm tội phạm về tình dục. Đây là trường hợp đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Trong đó, những người đồng phạm có phân công vai trò, có kế hoạch phạm tội chi tiết và có sự thông mưu trước ở mức độ cao.

Có tính chất chuyên nghiệp: đây là trường hợp người phạm tội đã thực hiện hành vi mua bán người hoặc mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em từ 5 lần trở lên và lấy việc phạm tội đó làm phương tiện kiếm sống cơ bản cho mình.

Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân: đây là trường hợp mục đích của việc mua bán người (trẻ em) hoặc mục đích của việc đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em là nhằm lấy một hoặc một số bộ phận trên cơ thể nạn nhân như mua bán người nhằm mục đích lấy nội tạng của nạn nhân...

Để đưa ra nước ngoài: đây là trường hợp chủ thể đã có sự móc nối với những đối tượng phạm tội khác ở nước ngoài nên đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm đưa nạn nhân ra nước ngoài để thực hiện những mục đích khác nhau. Đối với trường hợp này, chỉ cần chứng minh người phạm tội biết việc mua, bán hoặc trao đổi người nhằm đưa người đi nước ngoài, không quan tâm đến việc có đưa được người đó ra nước ngoài hay chưa.

Đối với nhiều người (Đối với nhiều trẻ em): đây là trường hợp người phạm tội đã dùng những thủ đoạn khác nhau để thực hiện hành vi mua bán từ hai người trở lên hoặc thực hiện hành đánh tráo hoặc chiếm đoạt từ hai trẻ em trở lên.

Phạm tội nhiều lần: đây là trường hợp người phạm tội thực hiện việc mua bán người (trẻ em) hoặc đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em từ hai lần trở lên bất kể tội gì, mỗi lần một người. Nếu hành vi phạm tội thực hiện nhiều lần, có lần nhiều người thì phải áp dụng cả hai tình tiết phạm tội đối với nhiều người và phạm tội nhiều lần.

Vì động cơ đê hèn: đây là trường hợp nguyên nhân của việc chủ thể thực hiện hành vi phạm tội mang tính ích kỷ, phản trắc như: vì muốn trả thù mà chiếm đoạt con của kẻ thù để gây sự đau khổ tinh thần, vì muốn người phụ nữ đồng ý chung sống với mình mà bắt con riêng của họ...

Để sử dụng vào mục đích vô nhân đạo: đây là tình tiết định khung tăng nặng đối với tội mua bán, đánh tráo choặc chiếm đoạt trẻ em. Đó là trường hợp chủ thể thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích bắt đứa trẻ phải thực hiện các hoạt động trái với đạo lý, đày đọa đứa trẻ nhằm phục vụ bản thân mình như: sử dụng trẻ em để trộm cắp, lừa đảo, bắt lao động cực nhọc, bắt đi hành khất...

Tái phạm nguy hiểm: đây là tình tiết định khung tăng nặng đối với tội mua bán, đánh tráo choặc chiếm đoạt trẻ em. Trường hợp này được hiểu là người phạm tội đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội mua bán, đánh tráo choặc chiếm đoạt trẻ em hoặc người phạm tội đã tái phạm, chưa được xoá án tích lại phạm tội này.

Gây hậu quả nghiêm trọng: Đây là tình tiết định khung tăng nặng trong tội mua bán, đánh tráo choặc chiếm đoạt trẻ em. Hậu quả nói ở đây được hiểu là ảnh hưởng xấu tới sự phát triển về mọi mặt của nạn nhân cũng như ảnh hưởng xấu tới trật tự xã hội nói chung như :trẻ em nhớ nhà dẫn đến bệnh nặng, cha mẹ bỏ công việc, ảnh hưởng xấu đến chính sách cho người nước ngoài nhận con Việt Nam làm con nuôi...

Phạm tội nhiều lần: đây là trường hợp người phạm tội đã từ hai lần trở lên có hành vi xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự đối với một người, mỗi lần đều phải xúc phạm nghiêm trọng tức là đã cấu thành tội phạm.

Đối với nhiều người: đây là trường hợp người phạm tội đã có hành vi xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của từ hai người trở lên. Có thể

hành vi xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự xảy ra đối với nhiều người, nhưng cũng có thể hành vi xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự chỉ xảy ra đối với một người và đối với những người khác, người phạm tội đã có hành vi xúc phạm nhưng chưa đến mức nghiêm trọng.

Lợi dụng chức vụ, quyền hạn: đây là trường hợp người phạm tội dựa vào chức vụ, quyền hạn của mình để xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác. Nếu không có chức vụ, quyền hạn đó thì người phạm tội không thể phạm tội được, do đó cần xác định rõ người phạm tội thông qua chức vụ, quyền hạn của mình để phạm tội. Nếu người phạm tội có chức vụ, quyền hạn nhưng hành vi xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự người khác hoàn toàn không liên quan đến chức vụ, quyền hạn thì không áp dụng tình tiết này.

Đối với người thi hành công vụ: đây là trường hợp chủ thể đã thực hiện hành vi phạm tội đối với người đang thi hành công vụ hoặc chủ thể thực hiện hành vi phạm tội vì lý do công vụ của nạn nhân.

Đối với người dạy dỗ, nuôi dưỡng, chăm sóc, chữa bệnh cho mình (Đối với ông, bà, cha, mẹ, người dạy dỗ, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh cho mình): Đây là trường hợp chủ thể đã thực hiện hành vi phạm tội đối với những người có công ơn nuôi dưỡng, dạy dỗ, chăm sóc hoặc chữa bệnh cho mình. Trong mối quan hệ với nạn nhân, hơn ai hết người phạm tội phải biết ơn, kính trọng họ nhưng ngược lại, người phạm tội lại thực hiện hành vi xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của họ hoặc thực hiện hành vi vu khống họ.

Có tổ chức: tình tiết này hiểu tương tự như trong nhóm tội phạm về tình dục hay trong nhóm tội phạm buôn bán người. Đây là trường hợp đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Trong đó, những người đồng phạm có phân công vai trò, có kế hoạch phạm tội chi tiết và có sự thông mưu trước ở mức độ cao.

Vụ không người khác phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng: đây là tình tiết định khung tăng nặng trong tội vụ không. Trường hợp này được hiểu là người phạm tội đã thực hiện hành vi bịa đặt là người khác phạm một tội rất nghiêm trọng (tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội và có mức cao nhất của khung hình phạt là đến 15 năm tù) hoặc đặc biệt nghiêm trọng (tội phạm gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội và có mức cao nhất của khung hình phạt là trên 15 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình) và tố cáo họ có hành vi phạm tội trước cơ quan Nhà nước mặc dù thực tế người này không có hành vi đó.

3.1.3. Hình phạt đối với các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người được quy định từ Điều 111 đến Điều 116 BLHS, từ Điều 119 đến Điều 122 BLHS năm 1999.

3.1.3.1. Nhóm các tội phạm về tình dục

Thứ nhất, đối với tội hiếp dâm (Điều 111 BLHS): Điều luật quy định ba khung hình phạt. Khung cơ bản có hai mức. Mức thứ nhất là phạt tù từ 2 năm đến 7 năm áp dụng cho trường hợp phạm tội không có tình tiết tăng nặng và nạn nhân là người đã thành niên. Mức thứ hai là phạt tù từ 5 năm đến 10 năm được áp dụng cho trường hợp nạn nhân là người chưa thành niên. Khung tăng nặng thứ nhất có mức phạt tù từ 7 năm đến 15. Khung tăng nặng thứ hai có mức phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân áp dụng cho trường hợp phạm tội có một trong các tình tiết tăng nặng. Hình phạt bổ sung cho tội này là cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

Thứ hai, đối với tội hiếp dâm trẻ em (Điều 112 BLHS): Đối với trường hợp nạn nhân chưa đủ 13 tuổi thì khung hình phạt quy định có mức phạt tù từ 12 đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Đối với nạn nhân từ đủ 13 tuổi

đến dưới 16 tuổi, điều luật quy định 3 khung hình phạt. Khung cơ bản có mức phạt tù từ 7 năm đến 15 năm. Khung tăng nặng thứ nhất có mức phạt tù từ 12 năm đến 20 năm. Khung tăng nặng thứ hai có mức phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Hình phạt bổ sung của tội này cũng tương tự như hình phạt bổ sung của tội hiếp dâm.

Thứ ba, đối với tội cưỡng dâm (Điều 113 BLHS): Điều luật quy định ba khung hình phạt. Khung cơ bản có hai mức: mức phạt thứ nhất là tù từ 6 tháng đến 5 năm được áp dụng cho trường hợp nạn nhân là người đã thành niên; mức phạt thứ hai là tù từ 2 năm đến 7 năm áp dụng cho trường hợp nạn nhân là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. Khung tăng nặng thứ nhất có mức phạt tù từ 3 năm đến 10 năm. Khung tăng nặng thứ hai có mức phạt tù từ 7 năm đến 18 năm. Hình phạt bổ sung của tội này là cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề, hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

Thứ tư, đối với tội cưỡng dâm trẻ em (Điều 114 BLHS): Điều luật quy định ba khung hình phạt. Khung cơ bản có mức phạt tù từ 5 năm đến 10 năm. Khung tăng nặng thứ nhất có mức phạt tù từ 7 năm đến 15 năm. Khung tăng nặng thứ hai có mức phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Hình phạt bổ sung của tội này cũng tương tự như tội cưỡng dâm.

Thứ năm, đối với tội giao cấu với trẻ em (Điều 115 BLHS): Điều luật quy định ba khung hình phạt. Khung cơ bản có mức phạt tù từ 1 năm đến 5 năm. Khung tăng nặng thứ nhất có mức phạt tù từ 3 năm đến 10 năm. Khung tăng nặng thứ hai có mức phạt tù từ 7 năm đến 15 năm.

Thứ sáu, đối với tội dâm ô đối với trẻ em (Điều 116 BLHS): Điều luật quy định ba khung hình phạt. Khung cơ bản có mức phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm. Khung tăng nặng thứ nhất có mức phạt tù từ 3 năm đến 7 năm. Khung tăng nặng thứ hai có mức phạt tù từ 7 năm đến 12 năm. Hình phạt bổ sung quy định cho tội này là cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

3.1.3.2. Nhóm các tội phạm khác xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

Thứ nhất, đối với tội mua bán người (Điều 119 BLHS): Điều luật quy định hai khung hình phạt. Khung cơ bản có mức phạt tù từ 2 năm đến 7 năm. Khung tăng nặng có mức phạt tù từ 5 năm đến 20 năm. Hình phạt bổ sung được quy định cho tội này là hình phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 1 năm đến 5 năm.

Thứ hai, đối với tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em (Điều 120 BLHS): Điều luật quy định hai khung hình phạt. Khung cơ bản có mức phạt tù từ 3 năm đến 10 năm. Khung tăng nặng có mức phạt tù từ 10 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Hình phạt bổ sung được quy định cho tội này là hình phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm, phạt quản chế từ 1 năm đến 5 năm.

Thứ ba, đối với tội làm nhục người khác (Điều 121 BLHS): Điều luật quy định hai khung hình phạt. Khung cơ bản có mức phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm. Khung tăng nặng có mức phạt tù từ 1 năm đến 3 năm. Hình phạt bổ sung được quy định cho tội này là cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

Thứ tư, đối với tội vu khống (Điều 122 BLHS): Điều luật quy định hai khung hình phạt. Khung cơ bản có mức phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm. Khung tăng nặng có mức phạt tù từ 1 năm đến 7 năm. Hình phạt bổ sung được quy định cho tội này là hình phạt tiền từ 1 triệu đồng đến 10 triệu đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

3.2. Thực tiễn áp dụng các quy định về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

Để đánh giá đúng và toàn diện thực tiễn áp dụng các quy định về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người, tác giả luận án dựa trên những số liệu xét xử về nhóm tội này để nghiên cứu tình hình xét xử các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

3.2.1. Tình hình xét xử các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

Theo số liệu thống kê của TANDTC thì từ năm 2005 đến năm 2015 hệ thống TAND các cấp đã xét xử 18.615 vụ với 23.399 bị cáo phạm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người. Như vậy, tính trung bình hàng năm xảy ra 1.692,3 vụ án xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người với 2.127,2 người phạm tội bị xét xử (xem bảng 1 phụ lục 1 và biểu đồ 1 phụ lục 2). Tuy nhiên, đó chỉ là những con số phản ánh số vụ đã xét xử mà chưa bao quát toàn bộ về thực trạng (mức độ) của tình hình các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người bởi vì những con số trên chưa bao gồm những vụ án bị đình chỉ tại các cơ quan tiến hành tố tụng, hoặc những vụ án chưa đủ điều kiện đưa ra xét xử.

Khi đánh giá mức độ tình hình tội phạm của một loại tội phạm cụ thể không thể bỏ qua các chỉ số tội phạm nhất là việc so sánh số vụ án, số bị cáo của tội phạm đó với tổng số vụ án, bị cáo của toàn bộ tội phạm đã xảy ra trong cùng giai đoạn. Từ số liệu thống kê tại bảng 13 phụ lục 1, có thể thấy tỷ lệ tội phạm xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người từ năm 2005 đến năm 2015 chiếm tỉ lệ không cao trong tổng số vụ phạm pháp hình sự cả về số vụ lẫn số bị cáo, trung bình hàng năm là 2,89% về số vụ và 2,1% về số bị cáo. Và để xem xét cụ thể hơn trong việc so sánh số vụ phạm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người với tội phạm nói chung, biểu đồ 14 phụ

lục 2 phản ánh tổng số vụ án hình sự từ năm 2005 năm 2015 có xu hướng tăng từ năm 2005 đến năm 2010 và giảm vào năm 2011 nhưng sau đó lại tiếp tục có xu hướng tăng đến năm 2014, năm 2015 có sự giảm nhẹ số với năm 2014; từ đó dẫn đến tỉ lệ số vụ án xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người so với tổng số vụ án hình sự cũng tăng, giảm theo tỷ lệ thuận. Nếu như biểu đồ 14 phản ánh tổng số vụ án hình sự nói chung thì tại biểu đồ 15 phản ánh số bị cáo phạm tội hình sự nói chung.

So sánh tương quan các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người với nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người để cho chúng ta thấy bức tranh tổng thể về vấn đề nghiên cứu. Nghiên cứu số liệu thống kê của TANDTC thì thấy số vụ án và bị cáo trong nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người trong 11 năm qua có năm tăng, có năm giảm nhưng nhìn chung có xu hướng tăng; tình hình các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người chiếm gần 19% số vụ và hơn 15% số bị cáo trong nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm (xem bảng 12 phụ lục 1; biểu đồ 12, biểu đồ 13 phụ lục 2).

Để làm rõ xu hướng (tăng hoặc giảm) của tình hình các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người từ năm 2005 đến năm 2015, tác giả luận án sử dụng phương pháp so sánh định gốc tính theo năm, tức là lấy năm 2005 làm năm định gốc, ấn định là 100%, kết quả cho thấy tỷ lệ tăng, giảm của các năm tiếp theo tính trên số vụ là: năm 2006 tăng 7,8%; năm 2007 tăng 13,1%; năm 2008 tăng 10,1%; năm 2009 tăng 7,7%; năm 2010 tăng 2,8%, năm 2011 giảm 34,3%; năm 2012 tăng 26,3%; năm 2013 tăng 50,6%; năm 2014 tăng 64,4%, năm 2015 tăng 44,2%. Và nếu tính trên số bị cáo thì tỷ lệ tăng, giảm là: năm 2006 tăng 7,2%; năm 2007 tăng 13%; năm 2008 tăng 10,3%; năm 2009 tăng 12,6%; năm 2010 tăng 2,6%; năm 2011 giảm 33,2%; năm 2012

tăng 25,5%; năm 2013 tăng 43,7%; năm 2014 tăng 57,4%; năm 2015 tăng 33,3% (xem bảng 14 phụ lục 1). Như vậy, bằng phương pháp so sánh định gốc cho thấy tình hình các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người những năm qua diễn ra tương đối phức tạp và nhìn chung có xu hướng tăng theo sự phát triển kinh tế - xã hội (trừ năm 2011, số vụ án và số bị cáo phạm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người giảm).

3.2.2. Thực tiễn định tội danh các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

Định tội danh là một hoạt động nhận thức, hoạt động áp dụng pháp luật hình sự nhằm đi tới chân lý khách quan trên cơ sở xác định đúng đắn, đầy đủ các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội được thực hiện. Nghiên cứu thực tiễn định tội danh trong xét xử các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người có ý nghĩa rất quan trọng trong việc xây dựng một bức tranh tổng thể về tình hình loại tội phạm này cũng như góp phần xây dựng những biện pháp góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về nhóm tội này cũng như góp phần vào công cuộc đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm.

Để định tội danh người có hành vi xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người thì cơ quan, người có thẩm quyền phải trả lời chính xác hành vi đó có thỏa mãn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người quy định trong BLHS hay không. Trên thực tế, thẩm phán về cơ bản nắm được những vấn đề lý luận về định tội danh và thực hiện tương đối tốt hoạt động này nên đa số trong các vụ án xét xử, việc định tội danh được thực hiện đảm bảo đúng người, đúng tội, không làm oan người vô tội. Việc có kháng cáo, kháng nghị trên thực tế đối với những tội phạm này chủ yếu là người phạm tội xin được giảm nhẹ hình phạt. Những bản án về các loại tội phạm này hầu hết đảm bảo phù hợp với cấu thành tội phạm của từng tội.

Ví dụ 1: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 32/2012/HSST ngày 24/02/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử Trần Nghĩa Phú về tội hiếp dâm trẻ em với hành vi phạm tội như sau: Chiều ngày 14/09/2011, Phú đi đám tang bạn thì gặp 04 người bạn quen trên mạng (trong đó có Hiền). Phú rủ mọi người về nhà mình chơi thì tất cả đều đồng ý. 19 giờ cùng ngày, Phú cùng mọi người ra quán ốc gần nhà uống hết 03 lít rượu, sau đó tất cả quay lại nhà Phú. Do uống nhiều rượu nên Hiền bị say nằm trên nền nhà nói nhiều và to tiếng thì cha mẹ Phú có yêu cầu mọi người đưa Hiền về. Phú lấy xe máy của gia đình đưa Hiền về. Phú không chở Hiền về nhà mà chở đến một nhà nghỉ thuê phòng rồi đưa Hiền vào phòng. Lợi dụng lúc Hiền say mệ, Hiếu kéo quần của Hiền xuống rồi cởi quần áo mình nằm đè lên người Hiền. Hiền xô Phú ra nhưng do bị say và nôn ói, sau một lúc xô đẩy thì Hiền nằm im. Thấy Hiền nằm im, Phú đã thực hiện hành vi giao cấu với Hiền.

Phú bị hội đồng xét xử tuyên bố phạm tội hiếp dâm trẻ em theo khoản 1 Điều 112 BLHS. Bản án này là phù hợp với quy định của pháp luật bởi lẽ Phú đã lợi dụng Hiền trong tình trạng say rượu, không có khả năng phản kháng để thực hiện hành vi giao cấu trái với ý muốn của Hiền. Mặt khác, khi Phú thực hiện hành vi phạm tội này, Hiền 15 tuổi 1 tháng 28 ngày nên hành vi của Phú tởm mẫn đầy đủ các dấu hiệu trong CTTP tội hiếp dâm trẻ em.

Ví dụ 2: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 32/2015/HSST ngày 29/09/2015 của Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng xét xử Vũ Hồng Tuân về tội cưỡng dâm với hành vi phạm tội như sau: Tuân và chị Hương đều làm công nhân tại một công ty và nảy sinh tình cảm mặc dù Hương đã có gia đình. Hương và Tuân đã nhiều lần quan hệ tình dục với nhau. Khoảng giữa tháng 5/2014 chị Hương chủ động chấm dứt quan hệ tình cảm với Tuân nhưng Tuân không đồng ý. Tuân nhiều lần dùng điện thoại nhắn tin đe dọa, ép buộc chị Hương phải giao cấu nếu không Tuân sẽ tung

ảnh và clip quay phim cảnh hai người quan hệ tình dục với nhau lên mạng và sẽ thông báo cho chồng chị Hương biết. Do sợ bị mất danh dự và hạnh phúc gia đình tan nát nên Hương phải miễn cưỡng cho Tuấn giao cấu. Bằng thủ đoạn này, Tuấn đã ép Hương giao cấu với mình 06 lần. Hành vi của Tuấn thỏa mãn CTTP của tội cưỡng dâm theo điểm b khoản 2 Điều 113 BLHS vì Tuấn đã ép chị Hương phải miễn cưỡng giao cấu với mình bằng thủ đoạn uy hiếp tinh thần của Hương với những ảnh và clip quay phim cảnh hai người quan hệ tình dục với nhau.

Ví dụ 3: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 180/2012/HSST ngày 25/06/2012 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh xét xử Nguyễn Giao Vũ Huy về tội làm nhục người khác với hành vi phạm tội như sau: Huy và Thanh là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn nên đầu tháng 11/2011, chị Thanh bỏ về quê ở Quảng Ngãi. Do tức giận nên Huy đã nảy sinh ý định dùng 13 tấm ảnh chụp Thanh khỏa thân và hình chị đang quan hệ tình dục với Huy đăng tải lên mạng internet (trang www.jaovat.com) có nội dung: “Em tên Phạm Thị Mỹ Thanh, 29 tuổi, ở xã An Đại, huyện Nghĩa Phương, tỉnh Quảng Ngãi. Hiện nay em đã ly dị chồng, đang cần tiền nuôi con. Anh nào muốn ngủ với em chỉ cần 500.000 đồng một đêm em sẽ... và làm tình cho mấy anh sướng, mấy anh coi hình là biết em giỏi... và làm tình liền...” với ý định làm nhục chị Thanh. Huy bị tòa án tuyên bố phạm tội làm nhục người khác theo khoản 1 Điều 121 BLHS là phù hợp vì thói ích kỷ, Huy lấy chuyện ân ái vợ chồng đưa lên mạng để xúc phạm nhân phẩm, danh dự của chính vợ mình. Hành vi này sẽ để lại hậu quả nghiêm trọng cho người bị hại, làm ảnh hưởng đến tương lai, hạnh phúc sau này của người bị hại.

Bên cạnh đó, thực tiễn định tội danh các loại tội phạm này cũng phát sinh nhiều khó khăn, nhiều hành vi phạm tội này nhưng cơ quan có thẩm

quyền lại xét xử người phạm tội về tội phạm khác và ngược lại. Đặc biệt, cùng một hành vi phạm tội nhưng đã có những quan điểm và quyết định định tội danh khác nhau.

**Trường hợp 1: Sai hoặc không thống nhất trong việc định tội danh*

Thực tiễn xét xử có trường hợp như sau: Hội đưa Thư (đã quen từ trước) vào nhà nghỉ. Tại đây, Hội muốn quan hệ tình dục với Thư. Mặc dù Thư chống cự nhưng Hội vẫn giao cấu được với Thư. Sau đó, Thư mặc quần áo rồi nằm nghỉ cùng Hội trên giường. Khoảng 10 phút sau, Hội tiếp tục giao cấu với Thư rồi cả hai đi về. Sau đó, Hội thực hiện hành vi giao cấu với Thư ba lần nữa. Tại các thời điểm giao cấu với Hội, Thư có độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến 15 tuổi [189].

Xung quanh vụ án này, khi tiến hành định tội danh với hành vi của Hội có nhiều quan điểm khác nhau. Đối với hành vi giao cấu đầu tiên và ba lần giao cấu cuối cùng của Hội với Thư thì đã rõ ràng. Với lần giao cấu thứ nhất, mặc cho Thư chống cự nhưng Hội vẫn dùng sức mạnh vật chất để giao cấu với Thư nên hành vi này của Hội cấu thành tội hiếp dâm trẻ em theo Điều 112 BLHS. Đối với ba lần giao cấu cuối cùng của Hội đều thực hiện khi có sự tự nguyện của Thư nên những hành vi giao cấu này cấu thành tội giao cấu với trẻ em. Do đó Hội bị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115 BLHS. Các quan điểm khác nhau xoay quanh hành vi giao cấu thứ hai của Hội với Thư trong nhà nghỉ. *Ý kiến thứ nhất cho rằng*, hành vi giao cấu thứ hai trong nhà nghỉ của Hội với Thư cũng cấu thành tội hiếp dâm trẻ em giống hành vi giao cấu thứ nhất vì tại nhà nghỉ khi giao cấu, Thư phản kháng cào cấu, Hội đã dùng vũ lực để khống chế giao cấu với Thư. Mặc dù trong lần giao cấu thứ hai, Thư không có bất kỳ phản kháng gì nhưng vẫn phải xác định là giao cấu trái ý muốn bởi lẽ ngay trước đó, ở lần giao cấu thứ nhất, Thư đã bị Hội đe dọa sự phản kháng để thực hiện việc giao cấu đến cùng nên ở lần giao cấu thứ hai Thư không dám phản kháng lại vì

nghĩ rằng nếu có phản kháng cũng sẽ giống như lần giao cấu thứ nhất. Do vậy có căn cứ để chứng minh, Hội đã dùng vũ lực để giao cấu với Thu hai lần tại nhà nghỉ nên tội hiếp dâm trẻ em được áp dụng theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 112 BLHS. *Ý kiến thứ hai cho rằng*, hành vi giao cấu thứ hai trong nhà nghỉ của Hội với Thu cấu thành tội giao cấu với trẻ em vì tại nhà nghỉ, lần đầu Thu không đồng ý, có phản kháng, là giao cấu ngoài ý muốn. Nhưng sau đó, khoảng 10 phút, Hội giao cấu tiếp thì Thu không phản kháng gì nên lần này Hội đã có hành vi giao cấu với trẻ em. Do đó, Hội chỉ phạm tội hiếp dâm trẻ em một lần theo khoản 1 Điều 112 BLHS.

Trên cơ sở khoa học luật hình sự cũng như các quy định của BLHS thì tác giả luận án này đồng ý với ý kiến thứ hai bởi vì ở lần giao cấu thứ hai, hành vi giao cấu của Hội với Thu không có dấu hiệu trái ý muốn của Thu. Sau lần giao cấu thứ nhất, Thu tắm rửa, mặc quần áo và nằm nghỉ. Khoảng 10 phút sau, Hội tiếp tục cởi quần áo của Thu ra rồi thực hiện hành vi giao cấu với Thu. Tác giả luận án cho rằng, trong lần thứ hai, Hội hoàn toàn không sử dụng vũ lực hay bất kỳ thủ đoạn nào và Thu cũng không có phản kháng gì chống cự lại việc giao cấu. Về CTTP, khách thể của tội hiếp dâm hay hiếp dâm trẻ em là quyền được tự do về tình dục của người nữ giới. Nạn nhân của Tội hiếp dâm nói chung và hiếp dâm trẻ em nói riêng bị tê liệt về ý chí, bị đè bẹp sự phản kháng bởi những thủ đoạn mà người phạm tội thực hiện như dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực, lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc các thủ đoạn khác nên thông thường, khi bị thực hiện hành vi hiếp dâm, nếu người phạm tội không bỏ đi thì nạn nhân cũng sẽ tìm cách để chạy trốn. Tuy nhiên, xét hoàn cảnh cụ thể trong trường hợp này có thể thấy: Sau lần giao cấu thứ nhất, Thu đi tắm rồi sau đó vẫn lên giường nằm nghỉ trong khi Hội - người vừa thực hiện hành vi giao cấu với Thu vẫn nằm trên giường và không mặc quần áo. Sau đó Hội tiếp tục giao cấu với Thu mà

không có bất kỳ thủ đoạn gì và Thư cũng không có bất kỳ phản kháng nào. Và thực tế sau đó Thư đã tự nguyện giao cấu nhiều lần với Hội. Điều này cho thấy không có căn cứ để xác định lần giao cấu thứ hai cũng là trái ý muốn của Thư nên không thể truy cứu Hội về tội hiếp dâm trẻ em theo điểm c khoản 3 Điều 112 BLHS mà chỉ áp dụng khoản 1 Điều 112 BLHS.

**Trường hợp 2: Sai hoặc không thống nhất trong việc áp dụng một số tình tiết tăng nặng định khung*

Trong thực tiễn xét xử hiện nay có sự không thống nhất trong một số trường hợp có tình tiết tăng nặng định khung hoặc áp dụng không đúng, áp dụng thiếu những tình tiết này mà chủ yếu tập trung vào một số tình tiết sau:

Thứ nhất, đối với tình tiết “*phạm tội có tổ chức*”. Thực tiễn có trường hợp: Hiếu và Trúc đã giao cấu với nhau 05 lần. Sau đó Hiếu và Nghiệp bàn bạc để Nghiệp giao cấu với Trúc. Hiếu rủ Trúc đi chơi rồi giao cấu với Trúc. Sau đó Hiếu bỏ đi để Nghiệp giao cấu với Trúc. Tại các thời điểm thực hiện hành vi giao cấu với Hiếu và Nghiệp, Trúc trong độ tuổi trên 14 tuổi và dưới 16 tuổi [180]. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hiếu và Nghiệp cùng bị tuyên bố phạm tội hiếp dâm trẻ em theo điểm a khoản 3 Điều 112 BLHS.

Tác giả không đồng ý với việc áp dụng tình tiết “*phạm tội có tổ chức*” tại điểm a khoản 3 Điều 112 BLHS để áp dụng cho trường hợp phạm tội nêu trên của bị cáo Hiếu và Nghiệp. Theo quan điểm của tác giả luận án, Hiếu và Nghiệp trong trường hợp này chỉ có thể xác định theo một vụ đồng phạm, và là hình thức đồng phạm có thông mưu trước nhưng chưa đến mức áp dụng tình tiết phạm tội có tổ chức. Theo quy định tại Điều 20 BLHS, phạm tội có tổ chức là trường hợp đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Điều đó có nghĩa là phạm tội có tổ chức chỉ là một trường hợp đặc biệt của đồng phạm chứ không phải mọi trường hợp đồng phạm đều là có tổ chức. Phạm tội có tổ chức khác với các trường hợp đồng phạm thông

thường ở dấu hiệu: có sự câu kết chặt chẽ giữa những người đồng phạm. Dấu hiệu này vừa thể hiện đặc điểm của dấu hiệu chủ quan, vừa thể hiện đặc điểm của dấu hiệu khách quan. Về khách quan, phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có phân công vai trò, có kế hoạch phạm tội chi tiết, rõ ràng hay nói cách khác trong phạm tội có tổ chức, mỗi người được giao một nhiệm vụ cụ thể và tất cả họ cùng nhau liên kết lại để thực hiện tội phạm và che giấu tội phạm. Về chủ quan, phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có thông mưu trước nhưng ở mức độ cao. Giữa những người phạm tội đã thống nhất được với nhau từ khi chuẩn bị đến khi kết thúc và kể cả những biện pháp lẩn tránh pháp luật, tạo ra trong ý thức mỗi người một kế hoạch phạm tội có sự phối hợp nhịp nhàng của những người tham gia. Mặt khác, trong ý thức chủ quan của mỗi người, mục đích phạm tội đã được hằn sâu cho nên mỗi khi một ý tưởng phạm tội mới nhằm đạt đến mục đích chung được nêu ra thì những thành viên khác đều chấp nhận nó, họ cùng nhau bàn bạc để đi đến phương án thực hiện tốt nhất. Trên cơ sở đó, khi đã bắt tay vào việc thực hiện tội phạm, mỗi người đều tìm cách hỗ trợ người khác và đồng thời cũng phục vụ cho hoạt động của mình nhằm đạt kết quả phạm tội như mong muốn. Do đó, trong trường hợp phạm tội cụ thể này, việc áp dụng điểm a khoản 3 Điều 112 BLHS để xét xử bị cáo Hiếu và Nghiệp là chưa thực sự phù hợp.

Thứ hai, đối với tình tiết “*phạm tội nhiều lần*”, thực tiễn có trường hợp: Châu và Tuyền yêu nhau nên đã 06 lần quan hệ tình dục với nhau khiến Tuyền mang thai 14 tuần. Tại các lần quan hệ tình dục, Tuyền đều trên 15 tuổi nhưng chưa đủ 16 tuổi. Tại phiên tòa sơ thẩm, Châu bị tuyên bố phạm tội giao cấu với trẻ em theo điểm d khoản 2 Điều 115 BLHS [109].

Tác giả luận án cho rằng, việc HĐXX chỉ áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm d khoản 2 Điều 115 BLHS là chưa đầy đủ mà cần áp dụng thêm tình tiết tăng nặng tại điểm a khoản 2 là “*phạm tội nhiều lần*” vì Châu đã giao cấu với Tuyền nhiều lần (6 lần).

Một trường hợp khác: Châu đã có vợ (là Linh) lén lút quan hệ với Tiên. Một buổi tối, Linh mở điện thoại của chồng xem thì phát hiện đoạn video quay lại cảnh anh Châu và Tiên đang quan hệ tình dục. Tức giận vì biết chồng mình và Tiên đã lén lút qua lại tình cảm nên Linh đã đến nhà Tiên chửi mắng và dùng đá ném vào nhà Tiên gây hư hỏng nhẹ. Sau đó, Linh nhờ người khác sao chép lại đoạn video rồi mở điện thoại nhiều người khác ở xóm cùng xem [77].

Xung quanh vụ án này, khi xác định tình tiết tăng nặng định khung đối với hành vi của Linh có nhiều quan điểm khác nhau. *Ý kiến thứ nhất cho rằng*, hành vi của Linh cấu thành tội làm nhục người khác theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 121 BLHS vì Linh đã có hành vi phát tán đoạn video quay cảnh quan hệ tình dục giữa Châu và Tiên cho nhiều người cùng xem với mục đích cho nhiều người cùng biết được quan hệ bất chính giữa hai người để làm nhục Tiên. Hành vi đó được lập đi lập lại nhiều ngày (11 và 12 tháng 3 năm 2014) và nhiều lần trong ngày, mỗi lần như vậy đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Hành vi của Linh là có chủ tâm và có ý thức đã phạm tội làm nhục người khác với tình tiết tăng nặng “*phạm tội nhiều lần*”. *Ý kiến thứ hai cho rằng*, hành vi của Linh cấu thành tội làm nhục người khác theo quy định tại khoản 1 Điều 121 BLHS vì việc Linh đưa đoạn video cho chị Dung xem chỉ với mong muốn chị Dung là tổ phó tổ phụ nữ sẽ giúp bị cáo giải quyết sự việc nhưng chị Dung để nhiều người biết việc quan hệ bất chính giữa chồng của Linh với Tiên. Vì vậy không thể cho rằng Linh đã thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần.

Tác giả luận án đồng tình với quan điểm thứ hai. Mặc dù có nhiều người biết video quan hệ tình dục giữa Châu và Tiên nhưng Linh không có lỗi cố ý trong việc đó. Lần thứ nhất Linh cho người khác xem vì muốn nhờ sao chép lại video cho mình. Lần thứ hai Linh cho người khác xem vì muốn nhờ giải quyết sự việc do người được xem là tổ phó tổ phụ nữ trong khu phố gia đình Linh sinh sống. Việc nhiều người khác biết được sự việc là do nhưng

người mà Linh đã cho xem video chia sẻ thông tin nên không có căn cứ để xác định Linh nhiều lần cho nhiều người xem video quan hệ tình dục của chồng mình và Tiên để xúc phạm nhân phẩm, danh dự của Tiên.

**Trường hợp 3: Sai hoặc không thống nhất trong việc xác định các giai đoạn thực hiện tội phạm*

Trong quá trình nghiên cứu các bản án về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người, tác giả luận án nhận thấy nhiều trường hợp việc xác định các giai đoạn thực hiện tội phạm chưa đúng ảnh hưởng đến việc xác định chưa chính xác tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi.

Thực tiễn có trường hợp: Chuẩn, Nhã, Sơn và Quyết rủ nhau đến chọc phá khi thấy anh Việt cùng chị Ngọc Anh ngồi tâm sự. Nhã cầm gậy tre dài khoảng 80cm không chế anh Việt còn Chuẩn, Sơn và Quyết thay nhau hiếp chị Ngọc Anh. Sau đó chúng kéo chị Anh ra chỗ khác cách đó khoảng 100m để tránh người đi đường biết. Đến đây Chuẩn, Sơn, Quyết, Nhã tiếp tục thay nhau hiếp chị Anh lần 2 [161]. Tại phiên tòa sơ thẩm, HĐXX tuyên bố Chuẩn, Nhã, Sơn và Quyết phạm tội hiếp dâm thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt vì theo kết luận của bản giám định pháp y số 236/2001/GĐPY ngày 07/12/ 2001 của tổ chức giám định pháp y tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kết luận đối với chị Ngọc Anh “màng trinh dẫn rộng, không rách”.

Tác giả luận án không đồng tình với quan điểm của HĐXX xác định trường hợp phạm tội hiếp dâm nêu trên là PTCD. Kết quả giám định pháp y đối với chị Anh kết luận màng trinh không rách không có nghĩa là các bị cáo chưa đưa được dương vật vào phía trong âm hộ nạn nhân. Với các tình tiết của vụ án cho thấy các bị cáo đã thực hiện xong hành vi hiếp dâm, đã thỏa mãn về mặt sinh lý, mục đích đã đạt được, thậm chí Quyết đã cùng Sơn, Chuẩn thực hiện hành vi hiếp dâm đối với chị Anh lần thứ hai chứng tỏ các bị cáo đã thực hiện tội phạm hoàn thành chứ không phải là PTCD như HĐXX đã tuyên bố.

Ngược lại, có những trường hợp tội phạm mới chỉ dừng lại ở giai đoạn PTCĐ nhưng HĐXX lại cho rằng tội phạm đã hoàn thành để xét xử đối với người phạm tội.

Thực tiễn có trường hợp: Thọ có ý định hiếp dâm em vợ là Trinh. Thọ đến nhà mẹ vợ lợi dụng Trinh đang ngồi xem ti vì một mình đã dùng vũ lực kéo Trinh xuống nhà bếp rồi cởi quần áo của Trinh để quan hệ tình dục. Trinh cố chống cự, đồng thời do mẹ vợ chạy đến lấy cây sắt đánh vào lưng nên Thọ buông Trinh ra rồi bỏ chạy [142].

Trong vụ án nêu trên, theo tác giả luận án Thọ chưa thực hiện hành vi hiếp dâm được đến cùng vì bị nạn nhân chống cự và mẹ vợ ngăn cản. Thọ mới sử dụng vũ lực với nạn nhân để thực hiện hành vi phạm tội của mình nhưng chưa thực hiện được hành vi giao cấu. Do đó, trường hợp phạm tội của Thọ phải được xác định là dừng lại ở giai đoạn PTCĐ. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, HĐXX lại không xác định như vậy mà cho rằng tội phạm đã hoàn thành để xét xử đối với hành vi của Thọ là không hợp lý.

3.2.3. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

Nghiên cứu số liệu về hình phạt được áp dụng cho các bị cáo phạm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trong 11 năm qua có thể thấy hình phạt nhiều nhất được áp dụng cho các bị cáo là tù có thời hạn với mức từ 7 năm trở xuống, tiếp đó là hình phạt tù với mức phạt từ trên 7 năm đến 15 năm tù. Mức phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm được áp dụng chủ yếu cho những bị cáo phạm các tội đối với trẻ em. Bên cạnh đó, hình phạt tù chung thân và tử hình cũng được áp dụng cho một số trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Số lượng bị cáo được hưởng án treo cũng chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số người phạm tội. Ngoài ra, một số trường hợp được áp dụng hình phạt cải tạo không tham giữ.

Quá trình áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự là quá trình diễn ra rất phức tạp và đa dạng. Nó được tiến hành qua nhiều giai đoạn khác nhau. Trong đó, quyết định hình phạt là một trong những giai đoạn cơ bản của quá trình đó. Quyết định hình phạt là một trong những biện pháp đưa luật hình sự vào cuộc sống xã hội, đồng thời góp phần vào việc thực hiện đường lối, chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta. Nghiên cứu thực tiễn quyết định hình phạt đối với các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người có ý nghĩa quan trọng trong việc góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự đối với việc điều chỉnh nhóm tội này.

Thực tế xét xử trong thời gian vừa qua đối với các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người cho thấy, khi quyết định hình phạt, tòa án luôn dựa vào các căn cứ quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 45 BLHS để đưa ra một bản án phù hợp, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được thì khi luận tội cũng như khi nhận xét để áp dụng hình phạt đối với một số bị cáo cũng có hạn chế nhất định dẫn đến việc quyết định hình phạt chưa thật sự phù hợp.

**) Trường hợp 1: áp dụng chưa đúng các tình tiết tăng nặng TNHS tại Điều 48 BLHS để quyết định hình phạt*

Khi quyết định hình phạt, một trong các căn cứ mà HĐXX phải xem xét là các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS. Tuy nhiên, qua nghiên cứu các bản án, tác giả luận án nhận thấy có những trường hợp có một số tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điều luật áp dụng trùng với một số tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại Điều 48 BLHS nhưng khi QĐHP, HĐXX lại áp dụng đồng thời cả hai tình tiết này, hay nói cách khác một tình tiết tăng nặng đã được sử dụng hai lần với hai vai trò khác nhau là không đúng theo quy định của pháp luật.

Thực tiễn có trường hợp: Giang và Thìn (là người bị hạn chế về năng lực hành vi) nhà gần nhau. Giang dụ dỗ và quan hệ sinh lý với Thìn 03 lần dẫn đến Thìn có thai và sinh một cháu trai. Bản án hình sự sơ thẩm đã xác định Giang phạm tội hiếp dâm và áp dụng điểm g khoản 2 Điều 111 và điểm h khoản 1 Điều 48 BLHS [227].

Tác giả luận án cho rằng việc HĐXX áp dụng các tình tiết tăng nặng định khung và tình tiết tăng nặng TNHS sự nêu trên là chưa hoàn toàn phù hợp. Giang đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*làm nạn nhân có thai*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 111 BLHS thì không nên áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm h khoản 1 Điều 48 BLHS là “*phạm tội đối với phụ nữ có thai*” vì khi áp dụng điểm g khoản 2 Điều 111 BLHS đã thể hiện được hành vi hiếp dâm của bị cáo là nguyên nhân dẫn đến việc nạn nhân có thai hay nói cách khác, hậu quả của việc nạn nhân có thai là kết quả trực tiếp từ việc bị cáo đã thực hiện hành vi giao cấu trái ý muốn với nạn nhân nên việc xem xét tình tiết phạm tội đối với phụ nữ có thai khi quyết định hình phạt là điều không phù hợp.

Thực tiễn có trường hợp khác: Nhân và Hằng chung sống với nhau cùng hai con riêng của Hằng, trong đó có cháu Duyên (5 tuổi). Khi Hằng vắng nhà, Nhân đã giao cấu với cháu Duyên [246]. Nhân bị xác định phạm tội hiếp dâm trẻ em theo khoản 4 Điều 112 BLHS và áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm h khoản 1 Điều 48 BLHS để quyết định hình phạt đối với Nhân.

Tác giả luận án cho rằng, việc bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng “*phạm tội đối với trẻ em*” tại điểm h khoản 1 Điều 48 BLHS để quyết định hình phạt đối với Nhân là không hợp lý bởi lẽ, theo quy định tại khoản 2 Điều 48 BLHS thì “*Những tình tiết đã là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng*”. Trong trường hợp này, rõ ràng tình tiết phạm tội đối với trẻ em đã là tình tiết định tội cho hành vi của Nhân. Nếu cháu Duyên không phải là trẻ em thì tội danh của Nhân sẽ không

phải là hiệp dâm trẻ em theo Điều 112 BLHS. Do đó việc áp dụng tình tiết “*phạm tội đối với trẻ em*” tại điểm h khoản 1 Điều 48 BLHS để quyết định hình phạt đối với Nhân là không đúng theo quy định của pháp luật.

**) Trường hợp 2, về áp dụng quy định quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của bộ luật theo Điều 47 BLHS*

Trong quá trình nghiên cứu các bản án về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự cả con người, tác giả luận án còn nhận thấy có nhiều trường hợp HĐXX áp dụng chưa đúng quy định về QĐHP nhẹ hơn quy định của bộ luật.

Thực tiễn có trường hợp: Điền thực hiện hành vi giao cấu với Chi (em họ của Điền) 03 lần tại nhà của mình. Khi giao cấu Chi 8 tuổi. Hành vi của Điền cấu thành tội hiệp dâm trẻ em theo khoản 4 Điều 112 BLHS, HĐXX áp dụng điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47 BLHS để quyết định hình phạt đối với Lê Phương Điền [181].

Tác giả luận án này cho rằng, việc HĐXX xử áp dụng Điều 47 BLHS trong trường hợp này là không phù hợp với quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 47 BLHS, điều kiện để quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của bộ luật là người phạm tội phải có từ hai tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS. Điều đó có nghĩa là nếu người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng là những tình tiết theo quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS thì cũng không được áp dụng quy định về quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật. Trong trường hợp này, Điền chỉ có một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS nhưng bản án sơ thẩm lại áp dụng Điều 47 BLHS vì bị cáo Điền có một tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 BLHS để quyết định hình phạt cho bị cáo Điền là chưa phù hợp.

**) Trường hợp 3, việc QĐHP chưa tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi*

Khi QĐHP, tòa án phải dựa vào những căn cứ QĐHP theo quy định tại Điều 45 BLHS để đưa ra một bản án phù hợp, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Tuy nhiên, qua nghiên cứu các bản án, tác giả luận án nhận thấy, có những trường hợp, hình phạt được tòa án áp dụng cho người phạm tội chưa thật sự phù hợp.

Thực tiễn có trường hợp: Trường thực hiện hành vi xâm hại tình dục với cháu Huệ là hàng xóm ba lần. Hai lần đầu tiên khi thực hiện hành vi quan hệ tình dục, Huệ chưa đủ 6 tuổi và lần thứ 3 thì Huệ đã 7 tuổi [176]. Trường bị xác định đã phạm tội hiếp dâm trẻ em theo khoản 4 Điều 112 BLHS và áp dụng thêm tình tiết tăng nặng TNHS “phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS. Tòa án xử phạt Trường 14 năm tù.

Tác giả luận án cho rằng, hình phạt 14 năm tù áp dụng đối với bị cáo Trường trong trường hợp này là chưa tương xứng với mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo. Trong trường hợp này, cháu Huệ khi bị xâm hại chưa đủ 6 tuổi. Đồng thời hành vi phạm tội của Trường có tình tiết tăng nặng tại điểm c khoản 3 Điều 112 là “phạm tội nhiều lần”. Tuy nhiên, vì Trường đã bị áp dụng theo khoản 4 Điều 112 BLHS nên việc Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS khi quyết định hình phạt là phù hợp. Tuy nhiên, khung hình phạt tại khoản 4 Điều 112 LHS quy định “*phạt tù từ 12 đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình*”. Về đường lối quyết định hình phạt đối với các trường hợp phạm tội theo khoản 4 Điều 112 BLHS, từ trước tới nay, chúng ta vẫn theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 01/1998/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BNV ngày 02 tháng 01 năm 1998 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS. Theo đó thì khi xử lý những trường hợp này cần xử phạt người phạm tội mức án càng nghiêm khắc nếu độ tuổi của người bị hại càng nhỏ; cụ thể là: Xử phạt tù 20 năm, nếu người bị hại là trẻ em từ

đủ 6 tuổi đến chưa đủ 13 tuổi; xử phạt tù chung thân hoặc tử hình, nếu người bị hại là trẻ em chưa đủ 6 tuổi. Trong trường hợp có nhiều tình tiết tăng nặng hoặc có tình tiết định khung quy định tại khoản 2, khoản 3 thì mặc dù người bị hại là trẻ em từ đủ 6 tuổi trở lên, cũng phải xử phạt tù chung thân hoặc tử hình. Do đó mức án 14 năm tù áp dụng đối với Trường phạm tội hiếp dâm cháu Huệ chưa đủ 6 tuổi lại có tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS là chưa thể hiện được sự nghiêm khắc đối với hành vi phạm tội đặc biệt nguy hiểm này.

3.2.4. Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc trong áp dụng các quy định về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

Việc áp dụng các quy định của pháp luật về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người mà chủ yếu là định tội danh và quyết định hình phạt đã có những kết quả nhất định, góp phần đảm bảo pháp luật hình sự là công cụ hữu hiệu để duy trì, ổn định xã hội. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về nhóm tội phạm này còn gặp một số khó khăn, vướng mắc nhất định. Việc xác định rõ nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc đó sẽ tạo cơ sở cho tác giả luận án xây dựng các biện pháp đảm bảo áp dụng đúng các quy định của pháp luật về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

3.2.4.1. Nguyên nhân từ quy định của pháp luật hình sự

BLHS được xác định là nguồn duy nhất của luật hình sự Việt Nam hiện nay. Mọi quy định về tội phạm và hình phạt đều được quy định trong BLHS tạo cơ sở pháp lý cho việc giải quyết đúng đắn một vụ án hình sự. Tuy nhiên, một số quy định chưa thật hợp lý của BLHS hiện hành về nhóm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là nguyên nhân dẫn đến những khó khăn, vướng mắc trong áp dụng các quy định của pháp luật về nhóm tội này.

Thứ nhất, về hành vi giao cấu: Trong BLHS hiện hành không mô tả rõ thế nào là hành vi giao cấu mà ở nước ta từ trước tới nay, trong lý luận cũng như trong thực tiễn xét xử đều thừa nhận nội hàm của hành vi giao cấu theo hướng dẫn tại Bản tổng kết số 329 của Tòa án nhân dân tối cao. Cho đến nay vẫn chưa có văn bản nào thay thế văn bản này giải thích về hành vi giao cấu. Do đó, trong thực tiễn xét xử, hành vi giao cấu vẫn được hiểu theo hướng dẫn tại văn bản này. Tuy nhiên đây là một văn bản đã ra đời từ rất lâu - từ khi Việt Nam chưa có một BLHS thống nhất áp dụng trên cả nước. Có thể khẳng định tại thời điểm ra đời, văn bản này đã góp phần đảm bảo xét xử thống nhất, qua đó góp phần bảo vệ tốt hơn nhân phẩm, danh dự của con người nói chung và nữ giới nói riêng nhưng sau một khoảng thời gian đã quá dài, khi xã hội đã có quá nhiều sự thay đổi về điều kiện kinh tế, đời sống văn hóa, giáo dục... và hành vi tình dục của con người cũng ngày một phát triển theo nhiều xu hướng khác nhau thì khái niệm về hành vi giao cấu tại Bản tổng kết số 329 đã không còn phù hợp. Quan hệ tình dục hiện nay được hiểu theo nghĩa rộng không chỉ là hành vi giao cấu thuần túy giữa nam và nữ để thực hiện chức năng sinh sản mà người ta quan hệ tình dục còn vì mục đích khoái cảm và/hoặc thể hiện tình yêu và sự thân mật [5, tr.45]. Hành vi tình dục không chỉ diễn ra ở bộ phận sinh dục mà còn có thể ở những bộ phận khác trên cơ thể như miệng, hậu môn. Thực tế ở nước ta đã từng xảy ra nhiều trường hợp người nam giới dùng vũ lực có hành vi đưa dương vật vào miệng nạn nhân, vào hậu môn nạn nhân hoặc đưa tay, đưa dụng cụ tình dục vào âm đạo, hậu môn nạn nhân nhưng lại bị xử về tội dâm ô hoặc tội làm nhục người khác trong khi về bản chất, đây thực chất là hành vi xâm hại quyền bất khả xâm phạm về tình dục của nạn nhân. Mặc dù những hành vi tình dục này không phải là hành vi giao cấu theo cách hiểu hiện nay nhưng những hành vi tình dục có thâm nhập này thực tế cũng xâm hại và gây hậu quả cho nạn nhân tương đương như hành vi giao cấu đơn thuần, thậm chí nhiều trường hợp còn nguy hiểm hơn hành vi giao cấu thông thường.

Thứ hai, về chủ thể của tội hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em, cưỡng dâm, cưỡng dâm trẻ em: Theo quy định tại các điều luật từ Điều 111 đến Điều 114 BLHS đều mô tả về chủ thể của các tội phạm này là “*người nào*”. Mặc dù quy định như vậy nhưng thực tiễn xét xử ở Việt Nam từ trước tới nay đều thống nhất thừa nhận chủ thể của tội hiếp dâm cũng như tội hiếp dâm trẻ em, tội cưỡng dâm và cưỡng dâm trẻ em là chủ thể đặc biệt, cụ thể là nam giới và nữ giới chỉ có thể là đồng phạm các tội này với vai trò là người tổ chức, người xúi giục hoặc người giúp sức. Quan điểm này xuất phát từ hướng dẫn về hành vi giao cấu nêu trên. Việc xác định chủ thể đặc biệt đối với những tội phạm này đã dẫn đến khó khăn trong việc giải quyết những vụ việc xâm hại tình dục được thực hiện giữa những người đồng tính hoặc chuyển đổi giới tính. Thực tiễn cách đây khoảng 6 năm trên địa bàn thành phố Đồng Hới tỉnh Quảng Bình có vụ việc: Ba nam thanh niên chở nhau trên xe máy về nhà nhìn thấy bên đường có một cô gái đi bộ một mình. Cả ba đã dùng sức mạnh không chế, bắt cô gái lên xe chở đến bãi đất trống rồi thay phiên nhau xâm hại. Sau đó, cô gái đã tố cáo việc mình bị xâm hại kèm vật chứng là cái bóp tiền mà một trong ba người xâm hại mình đánh rơi. Sau đó, Công an thành phố Đồng Hới đã nhanh chóng bắt giữ ba người phạm tội và họ đều thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội đúng như tố cáo của nạn nhân. Tuy nhiên, tất cả giấy tờ đều thể hiện nạn nhân của vụ hiếp dâm là nam giới. Người bị xâm hại thừa nhận mình trước đây là nam. Bốn năm trước, cô đã ra nước ngoài phẫu thuật chuyển đổi giới tính. Vụ việc đã gây rất nhiều khó khăn cho các cơ quan tố tụng thành phố Đồng Hới vì có những ý kiến không đồng thuận [293]. Điểm mấu chốt lớn nhất trong vụ án là về phía nạn nhân. Về hình thể nạn nhân là nữ nhưng tất cả thông tin trên giấy tờ của nạn nhân đều khẳng định người này là nam giới. Nạn nhân đã tiến hành chuyển đổi giới tính từ nam sang nữ nhưng pháp luật hiện hành không công nhận xác định lại giới tính đối với trường hợp

này nên nạn nhân trong vụ việc trên vẫn được xác định là nam giới. Nguyên nhân khiến các cơ quan tiến hành tố tụng loay hoay khi thụ lý vụ án này không hoàn toàn xuất phát từ phía các cơ quan đó mà nằm ở quy định của pháp luật.

Thứ ba, về dấu hiệu “xúc phạm” nghiêm trọng trong tội làm nhục người khác: Theo quy định tại Điều 121 BLHS năm 1999, hành vi khách quan của tội làm nhục người khác được xác định là hành vi “xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự” của người khác. Tuy nhiên, thế nào là xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm thì vẫn chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể. Danh dự, nhân phẩm không ai có thể đong đếm được, giá trị bao nhiêu tiền, mức độ ảnh hưởng của nó đối với người bị hại ra sao nên việc xác định trường hợp nào là xúc phạm nghiêm trọng, trường hợp nào xúc phạm chưa nghiêm trọng là vấn đề không dễ dàng xác định trong nhiều trường hợp.

Thứ tư, về quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của bộ luật theo Điều 47 BLHS: Theo quy định của BLHS hiện hành, điều kiện để tòa án có thể quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật là người phạm tội phải có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS. Như vậy, trường hợp người phạm tội tuy có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS nhưng trong đó chỉ có một tình tiết được quy định trong khoản 1 Điều 46 BLHS thì cũng không thỏa mãn điều kiện để quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật. Quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật có thể là quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật trong trường hợp điều luật có từ hai khung hình phạt trở lên và người phạm tội bị truy cứu TNHS không phải theo khung hình phạt nhẹ nhất hoặc cũng có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hoặc chuyển sang một hình khác nhẹ hơn nếu điều luật chỉ có một khung hình phạt hoặc khung hình phạt đang áp dụng là khung hình phạt nhẹ nhất. Tuy nhiên, với cách quy định hiện nay trong BLHS, nhiều khi gây ra những cách hiểu khác nhau khi áp dụng quy định này.

Khung hình phạt liên kê nhẹ hơn thông thường được quy định ở khoản ngay phía trước khung hình phạt đang áp dụng như giả sử khung hình phạt đang áp dụng quy định tại khoản 3 thì khung hình phạt liên kê nhẹ hơn quy định tại khoản 2, hoặc khung hình phạt đang áp dụng quy định tại khoản 2 thì khung hình phạt liên kê nhẹ hơn quy định tại khoản 1 của điều luật. Tuy nhiên, trong BLHS hiện nay có một số điều luật quy định không theo cách thông thường đó dẫn đến những cách hiểu không thống nhất, vì vậy việc áp dụng những quy định về quyết định hình phạt trong những trường hợp tương tự là chưa nhất quán ở nhiều địa phương. Ví dụ theo quy định tại Khoản 4 Điều 111 BLHS: *“Phạm tội hiếp dâm người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, thì bị phạt tù từ 5 năm đến 10 năm”*. Tuy nhiên khung hình phạt liên kê tại khoản 3 Điều 111 BLHS lại không phải là khung hình phạt liên kê nhẹ hơn vì khoản 3 Điều 111 quy định khung hình phạt là: *“phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc chung thân”*. Thậm chí khung hình phạt tại khoản 2 Điều 111 cũng không thể coi là khung hình phạt liên kê nhẹ hơn vì khoản 2 Điều 111 BLHS quy định *“phạt tù từ 7 năm đến 15 năm”*. Như vậy, nếu người phạm tội bị truy cứu theo khoản 4 Điều 111 BLHS và có từ hai tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS trở lên, được áp dụng các quy định tại Điều 47 BLHS thì họ sẽ được quyết định một hình phạt dưới mức tối thiểu của khung khoản 4 nhưng nằm trong “khung hình phạt liên kê nhẹ hơn” lại là khoản 1 Điều 111 BLHS.

Hoặc như trường hợp phạm tội theo khoản 4 Điều 112 BLHS. Ví dụ khi áp dụng Điều 47 BLHS đối với những bị cáo bị áp dụng theo khoản 4 Điều 112 BLHS cũng không thể coi khung hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 112 BLHS là khung hình phạt liên kê nhẹ hơn được vì khoản 4 Điều 112 BLHS quy định khung hình phạt là *“phạt tù từ 12 đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình”* trong khi khung hình phạt quy định tại khoản 3 là *“phạt tù 20*

năm, tù chung thân hoặc tử hình”. Có quan điểm cho rằng nên coi khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 112 BLHS là khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của khung hình phạt quy định tại khoản 4. Tuy nhiên, theo tác giả, nếu coi khung hình phạt tại khoản 2 Điều 112 BLHS là khung hình phạt liền kề nhẹ hơn khung hình phạt quy định tại khoản 4 thì việc áp dụng Điều 47 BLHS là không có ý nghĩa bởi lẽ, khung hình phạt tại khoản 4 Điều 112 BLHS như vừa nêu là phạt tù từ 12 đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Khi áp dụng Điều 47 BLHS có nghĩa là bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên chắc chắn bị cáo sẽ không bị áp dụng hình phạt tù chung thân hay tử hình mà chỉ bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn. Mặt khác, khi áp dụng Điều 47 thì mức hình phạt tù có thời hạn mà Tòa án muốn xem xét áp dụng cho người phạm tội là dưới mức tối thiểu của khung tức là dưới 12 năm tù nhưng khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 112 BLHS lại là phạt tù từ 12 đến 20 năm. Do đó, nếu coi khung hình phạt tại khoản 2 Điều 112 là khung hình phạt liền kề nhẹ hơn khung hình phạt quy định tại khoản 4 thì tòa án phải quyết định một hình phạt nằm trong khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 112 là từ 12 đến 20 năm thì so với khung hình phạt áp dụng tại khoản 4 Điều 112 về loại hình phạt tù có thời hạn thì không có ý nghĩa gì trong việc quyết định hình phạt thấp hơn quy định của Bộ luật. Do đó, trong thực tế, việc quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của bộ luật trong những trường hợp này rất khác nhau.

3.2.4.2. Những nguyên nhân khác có liên quan

Bên cạnh những nguyên nhân do quy định của pháp luật, những hạn chế, vướng mắc trong áp dụng các quy định về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người còn do một số nguyên nhân khác, trong đó có vấn đề giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật. Đây là hoạt động giúp làm sáng tỏ hơn các quy phạm pháp luật; thông qua việc làm rõ nội dung, ý nghĩa của các quy phạm pháp luật, giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật sẽ giúp các chủ

thể áp dụng pháp luật hiệu chính xác và thống nhất các quy định của pháp luật, qua đó nâng cao nhận thức pháp luật và ý thức pháp luật của các chủ thể, giúp họ tuân thủ, thi hành và sử dụng pháp luật một cách hợp pháp; kiềm chế và hạn chế các hành vi vi phạm pháp luật do không nhận thức đúng các quy phạm pháp luật [291].

Hiệu quả của công tác áp dụng pháp luật ảnh hưởng rất lớn vào nhận thức của những người áp dụng pháp luật. Bản chất của hoạt động áp dụng pháp luật là việc áp dụng các quy phạm pháp luật vào từng trường hợp cụ thể. Tính chất của hoạt động áp dụng pháp luật là sự sáng tạo của chủ thể áp dụng pháp luật trong quá trình vận dụng cái chung, cái tổng quát vào từng cái riêng, cái cụ thể. Yêu cầu này đòi hỏi người áp dụng pháp luật trước khi quyết định lựa chọn quy phạm pháp luật cần phải làm sáng tỏ tư tưởng và nội dung của quy phạm pháp luật đó. Để làm sáng tỏ tư tưởng và nội dung của quy phạm pháp luật đưa ra áp dụng, thì cần phải biết những văn bản hướng dẫn, giải thích pháp luật. Vì vậy, nếu không có hướng dẫn, giải thích pháp luật thì sẽ khó có thể hiểu nội dung quy phạm pháp luật được mang ra áp dụng một cách chính xác, đầy đủ, sâu sắc và toàn diện.

Trong thời gian vừa qua TANDTC đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, giải thích các quy định của pháp luật để có cách hiểu thống nhất và cụ thể về một số quy định chưa rõ ràng của BLHS. Tuy nhiên, cũng có một số quy định của BLHS chưa được hướng dẫn và giải thích rõ ràng dẫn đến những vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật. Thậm chí có những trường hợp các văn bản hướng dẫn và giải thích áp dụng pháp luật mâu thuẫn với nhau khiến sự thiếu thống nhất giữa các cơ quan áp dụng pháp luật. Ví dụ văn bản hướng dẫn về trường hợp giao cấu với trẻ em dưới 13 tuổi có quan hệ huyết thống với mình có sự không thống nhất giữa các văn bản hướng dẫn. Có văn bản xác định hành vi giao cấu với trẻ dưới 13 tuổi có quan hệ huyết

thống với mình bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội hiếp dâm trẻ em với tình tiết tăng nặng “*Có tính chất loạn luân*” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 112 BLHS [56], nhưng theo tinh thần hướng dẫn của văn bản khác thì trường hợp giao cấu với trẻ dưới 13 tuổi có quan hệ huyết thống với mình sẽ áp dụng khoản 4 Điều 112 BLHS và sử dụng tình tiết “*Có tính chất loạn luân*” làm một trong các tiêu chí để đánh giá tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội. Hay nói cách khác, tình tiết giao cấu với trẻ dưới 13 tuổi được sử dụng làm tình tiết định tội và định khung hình phạt để truy cứu người phạm tội về tội hiếp dâm trẻ em theo khoản 4 Điều 112 BLHS, còn tình tiết “*có tính chất loạn luân*” được sử dụng là một trong các căn cứ quyết định hình phạt theo Điều 45 BLHS, mà cụ thể là căn cứ để xác định tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi [265].

Như vậy, hướng dẫn áp dụng pháp luật cho cùng một trường hợp nhưng hai văn bản của cơ quan có thẩm quyền lại có những giải thích khác nhau. Rõ ràng, việc hướng dẫn áp dụng pháp luật của cơ quan có thẩm quyền có ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động áp dụng pháp luật nói chung, áp dụng các quy định của pháp luật về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người nói riêng.

Những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có các nguyên nhân từ đội ngũ cán bộ áp dụng pháp luật, từ công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật...

Các cán bộ áp dụng pháp luật là những người đại diện cho Nhà nước đưa các quy định của pháp luật vào cuộc sống. Do đó, hoạt động áp dụng pháp luật có hiệu quả hay không phụ thuộc rất lớn vào năng lực chuyên môn, trình độ của đội ngũ cán bộ áp dụng pháp luật.

Tiểu kết chương 3

Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là một trong những nhóm tội phạm có diễn biến phức tạp trong thời gian qua ở nước ta. Qua nghiên cứu thực tiễn định tội danh trong xét xử loại tội phạm này cho thấy việc xét xử các vụ án về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người nhìn chung là đúng người, đúng tội, phù hợp với các quy định của pháp luật, đảm bảo tính nghiêm minh cũng như mục đích giáo dục của trách nhiệm hình sự nói chung và hình phạt nói riêng. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được cũng còn tồn tại một số trường hợp chưa có sự thống nhất trong áp dụng pháp luật giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Một số trường hợp việc áp dụng các tình tiết tăng nặng định khung để áp dụng cho người phạm tội chưa thật phù hợp. Qua đó cho thấy một số hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn định tội danh đối với các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người mà nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại, vướng mắc đó xuất phát từ những quy định của pháp luật về nhóm tội này chưa thực sự đầy đủ. Nghiên cứu thực tiễn định tội danh trong xét xử các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người sẽ góp phần quan trọng trong việc nghiên cứu một cách tổng thể các quy định về nhóm tội này trong pháp luật hình sự Việt Nam.

Thực tiễn quyết định hình phạt trong xét xử các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là nội dung cần thiết phải làm rõ khi nghiên cứu tổng thể về nhóm tội phạm này trong pháp luật hình sự Việt Nam. Qua nghiên cứu cho thấy việc quyết định hình phạt đối với các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người nhìn chung là phù hợp với các quy định của pháp luật, đảm bảo hình phạt áp dụng tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Khi quyết định hình phạt, tòa án đã cân nhắc các căn cứ quyết định hình phạt bao gồm các quy định của BLHS, tính chất

và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS để quyết định. Tuy nhiên trong thực tiễn vẫn còn tồn tại một số vướng mắc, hạn chế trong hoạt động quyết định hình phạt như một số bản án áp dụng chưa đúng, chưa đầy đủ các tình tiết tăng nặng... Nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại nêu trên là do quy định của pháp luật hiện nay về nhóm tội này còn nhiều thiếu sót, kỹ thuật lập pháp còn hạn chế dẫn đến những cách hiểu khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng nên việc áp dụng trong thực tiễn chưa thống nhất giữa các địa phương.

CHƯƠNG 4

CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM NHÂN PHẨM, DANH DỰ CỦA CON NGƯỜI

4.1. Yêu cầu, phương hướng hoàn thiện pháp luật hình sự và các biện pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

Việc hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người cần đáp ứng những yêu cầu nhất định.

Về yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội: Trong thời gian vừa qua, nền kinh tế Việt Nam đã từng bước khôi phục và phát triển, thực hiện ba đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, đạt được chuyển biến tích cực đáng khích lệ. Kinh tế lấy lại đà tăng trưởng, khởi sắc rõ nét, từng bước hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới [296]. Tuy nhiên, mặt trái của nền kinh tế thị trường đã tác động không nhỏ đến những chuẩn mực xã hội, giá trị đạo đức truyền thống. Sự tác động tiêu cực này đã góp phần làm biến đổi suy nghĩ, lối sống và thuần phong mỹ tục trong các mối quan hệ xã hội của một bộ phận không nhỏ người Việt Nam, đồng thời tác động mạnh mẽ đến các quan hệ xã hội liên quan đến nhân phẩm, danh dự của con người, đòi hỏi pháp luật hình sự cần có sự hoàn thiện để bảo vệ các quan hệ xã hội này.

Bên cạnh đó, việc mở rộng hợp tác giao lưu kinh tế - xã hội trong phạm vi khu vực và thế giới cũng có sự tác động mạnh mẽ đến nhịp sống hiện đại, lối sống phóng khoáng, dễ dãi, thực dụng càng tạo môi trường thuận lợi cho các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người dễ dàng nảy sinh. Con người trong xã hội ít dành sự quan tâm đến nhau, nhiều người có thái độ thờ

ơ, vô cảm trước các sự việc phạm tội vì hầu hết mọi người cho rằng đó không phải việc của mình, có thể bị vạ lây nếu lên tiếng. Thậm chí bản thân nạn nhân cũng không tích cực đấu tranh với loại tội phạm này do có tâm lý e ngại, xấu hổ, sợ bị người khác dị nghị. Pháp luật hình sự tuy không phải là công cụ duy nhất nhưng là công cụ hữu hiệu trong việc bảo vệ nhân phẩm, danh dự của con người nên cần thiết phải được hoàn thiện để bảo đảm thực hiện tốt chức năng này [31, tr.133-134].

Về yêu cầu của chính sách hình sự đối với các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người: Ở mỗi giai đoạn phát triển của đất nước, chính sách hình sự được hoạch định đề ra những chủ trương mang tính chiến lược và chỉ đạo của Nhà nước trong lĩnh vực tội phạm và hình phạt nhằm xác định nhiệm vụ trọng tâm trong đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm. Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về “*Một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tư pháp trong thời gian tới*” và Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 về “*Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*”, Đảng ta đã xác định và chỉ rõ phương hướng và nhiệm vụ hàng đầu của chiến lược cải cách tư pháp là hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội, khắc phục tình trạng hình sự hóa quan hệ kinh tế, quan hệ dân sự và bỏ lọt tội phạm, quy định là tội phạm đối với những hành vi nguy hiểm cho xã hội mới xuất hiện trong quá trình phát triển kinh tế xã hội, khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế [14].

BLHS năm 1999 được Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 21/12/1999 và được Chủ tịch nước công bố ngày 4/1/2000, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2000. Sau 15 năm thi hành, BLHS năm 1999 cho thấy là công cụ pháp lý hữu hiệu để bảo vệ Nhà nước và chế độ, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, bảo đảm ổn định kinh tế, xã hội góp phần thúc đẩy

đất nước phát triển. Tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng có thể thấy BLHS năm 1999 cũng bộc lộ một số khó khăn, bất cập, chưa thể chế hóa được những quan điểm, chủ trương mới của Đảng về cải cách tư pháp, đặc biệt là Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Vì vậy, ngày 27/11/2015, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII đã thông qua BLHS 2015 để hạn chế, khắc phục những thiếu sót của BLHS năm 1999. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 109/2015/QH13 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật này, các cơ quan hữu quan đã phát hiện và phản ánh về một số sai sót kỹ thuật, một số quy định chưa hợp lý hoặc khó áp dụng trong Bộ luật. Vì vậy, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo Ủy ban Tư pháp của Quốc hội chủ trì phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Công an, TANDTC, VKSNDTC và cơ quan hữu quan khác tiến hành rà soát tổng thể các quy định của BLHS năm 2015 để phát hiện những sai sót và đề xuất phương án khắc phục nhằm bảo đảm áp dụng thống nhất BLHS năm 2015 trong thực tiễn. Ngày 29/06/2016, Quốc hội khóa XIII ban hành Nghị quyết số 144/2016/QH13 về việc lùi hiệu lực thi hành của BLHS năm 2015 cùng với 03 luật khác có liên quan¹. Vì vậy, nhu cầu hoàn thiện pháp luật hình sự đang đặt ra là vấn đề cấp bách mà cụ thể là sửa đổi BLHS năm 2015.

Việc sửa đổi, bổ sung BLHS 2015 cần đảm bảo tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội, tôn trọng và bảo đảm thực thi đầy đủ quyền con trong Hiến pháp năm 2013. Mặc TNHS được đặt ra đối với người đã có hành vi nguy hiểm cho xã hội, đi ngược lại với lợi ích của cộng đồng, lợi ích của toàn xã hội nhưng chủ thể phạm tội vẫn cần thiết được Nhà nước đảm bảo những quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Vì vậy việc đề cao tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội là điều cần được coi trọng.

¹ Bộ luật tố tụng hình sự; Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự; Luật thi hành tạm giữ, tạm giam.

Việc xuất hiện những hành vi mới nguy hiểm đáng kể cho xã hội đặt ra nhu cầu tội phạm hóa những hành vi mới. Tuy nhiên việc tội phạm hóa này cần đảm bảo không thực hiện một cách tùy tiện, phải làm rõ được những nội dung cần thiết, căn bản để xác định có thể tội phạm hóa được và có cần thiết phải tội phạm hóa đối với những hành vi đó hay không.

Bên cạnh đó, cân quan tâm hoàn thiện kỹ thuật lập pháp hình sự theo hướng nâng cao tính minh bạch, khả thi và bảo đảm tính dự báo của pháp luật hình sự.

4.2. Các biện pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

Trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người cũng như phân tích nguyên nhân dẫn đến những khó khăn, vướng mức trong thực tiễn áp dụng pháp luật, tác giả luận án này đưa ra một số biện pháp góp phần bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật về nhóm tội này.

4.2.1. Hoàn thiện pháp luật hình sự

Để đảm bảo việc áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người có hiệu quả thì việc hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự có liên quan là vấn đề thiết yếu bởi lẽ, đây là những cơ sở pháp lý đảm bảo việc áp dụng pháp luật được thống nhất và có căn cứ. Qua thực tiễn hơn 14 năm thi hành, có thể thấy BLHS năm 1999 đã quy định một cách tương đối có hệ thống, toàn diện các nguyên tắc, chế định chung của chính sách hình sự, đã hình sự hóa được nhiều hành vi nguy hiểm cao cho xã hội và xác định hệ thống hình phạt tương đối toàn diện, khoa học, thực sự là công cụ pháp lý quan trọng góp phần tích cực vào việc đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm [290]. Tuy nhiên, những quy định của BLHS hiện hành cũng bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập. Nhiều quy định chưa có tính

khả thi, lạc hậu, không còn phù hợp. Một số vấn đề mới phát sinh trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xu thế hội nhập quốc tế chưa được kịp thời điều chỉnh, kỹ thuật văn bản còn hạn chế... Để khắc phục những hạn chế nêu trên, ngày 27 tháng 11 năm 2015, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII đã thông qua BLHS 2015. Trong BLHS năm 2015, nhiều quy định được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với sự thay đổi của điều kiện kinh tế, xã hội, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ có hiệu quả các quyền con người, quyền cơ bản của công dân, trong đó, các quy định về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người cũng có một số thay đổi nhất định. Các tội phạm này được quy định tại Chương XIV trong BLHS năm 2015, bao gồm: từ Điều 141 đến Điều 147, từ Điều 150 đến Điều 156 BLHS.

4.2.1.1. Một số vấn đề đã được hoàn thiện trong Bộ luật hình sự năm 2015 về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

Trên cơ sở đánh giá về những điểm mới, tiến bộ mà BLHS năm 2015 đã đạt được so với BLHS năm 1999 về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người, tác giả có một số nhận xét sau:

Thứ nhất, một số thuật ngữ được thay đổi cho phù hợp với tên gọi và quy định trong một số luật chuyên ngành như thuật ngữ “trẻ em” được đổi thành “người dưới 16 tuổi”. Theo đó, Tội hiếp dâm trẻ em (Điều 112 BLHS 1999) được đổi tên thành Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi (Điều 142 BLHS 2015), Tội cưỡng dâm trẻ em (Điều 114 BLHS 1999) được đổi tên thành Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 144 BLHS 2015), Tội giao cấu với trẻ em (Điều 115 BLHS 1999) được đổi tên thành Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 145 BLHS 2015) và Tội dâm ô đối với trẻ em (Điều 116 BLHS 1999) được đổi tên thành Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi (Điều 146 BLHS 2015).

Thứ hai, một số điều luật trước đây quy định nhiều tội danh thì nay được tách ra thành nhiều điều luật quy định về các tội phạm độc lập nhằm đảm bảo nguyên tắc phân hóa TNHS cũng như thể hiện sự rõ ràng trong kỹ thuật lập pháp, như Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em (Điều 120 BLHS năm 1999) được tách thành ba điều luật với ba tội danh, bao gồm: Tội mua bán người dưới 16 tuổi (Điều 151 BLHS năm 2015), Tội đánh tráo người dưới 01 tuổi (Điều 152 BLHS năm 2015) và Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi (Điều 153 BLHS năm 2015).

Thứ ba, BLHS năm 2015 cũng bổ sung hai tội danh mới trong nhóm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người bao gồm: Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người (Điều 154 BLHS) và Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm (Điều 147 BLHS).

Thứ tư, một số dấu hiệu định tội của nhóm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trong BLHS năm 2015 có sự sửa đổi cho phù hợp với điều kiện thực tiễn. Cụ thể:

Về hành vi khách quan của tội phạm: Hành vi khách quan của một số tội trong nhóm tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người có sự thay đổi so với các quy định của các tội danh tương ứng trong BLHS năm 1999.

Một là, đối với hành vi khách quan của các tội xâm phạm tình dục. Theo quy định của BLHS hiện hành (BLHS năm 1999), đối với các tội xâm phạm tình dục đều có chung dấu hiệu hành vi giao cấu với nạn nhân (trừ Tội dâm ô đối với trẻ em theo Điều 116 BLHS 1999). Mặc dù trong BLHS hiện hành không mô tả rõ thế nào là hành vi giao cấu nhưng ở nước ta từ trước tới nay, trong lý luận cũng như trong thực tiễn xét xử đều thừa nhận nội hàm của hành vi giao cấu theo hướng dẫn tại Bản tổng kết số 329. Như đã phân tích ở mục 3.1.1.1 thì khái niệm về hành vi giao cấu tại Bản tổng kết số 329 đã không còn phù hợp. BLHS năm 2015 không thay đổi nội hàm của hành vi

giao cấu nhưng sửa lại theo hướng bổ sung “*giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác*” [49, tr.99] trong dấu hiệu định tội của các tội hiếp dâm, tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi, tội cưỡng dâm, tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi. Theo đó, người phạm tội không chỉ thực hiện hành vi giao cấu với nạn nhân theo cách hiểu thông thường hiện nay mà trong trường hợp, nếu người phạm tội thực hiện các hành vi quan hệ tình dục khác như hành vi đưa dương vật vào miệng nạn nhân, vào hậu môn nạn nhân hoặc đưa tay, đưa dụng cụ tình dục vào âm đạo, hậu môn nạn nhân... bằng một trong các thủ đoạn phạm tội đã được quy định thì với quy định mới này, chúng ta có cơ sở pháp lý để truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội về một trong các tội phạm tình dục theo đúng tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi.

Hai là, về hành vi khách quan của Tội mua bán người (Điều 150 BLHS 2015) và Tội mua bán người dưới 16 tuổi (Điều 151 BLHS 2015). Theo quy định của BLHS năm 1999, hành vi khách quan của Tội mua bán người (Điều 119 BLHS 1999) và Tội mua bán trẻ em (Điều 120 BLHS 1999) được xác định là hành vi “*mua bán người*” và hành vi “*mua bán trẻ em*”. Điều luật không mô tả rõ thế nào là hành vi mua bán. Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại Điều 1 và Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP ngày 23 tháng 07 năm 2013 hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi mua bán người; mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em thì hành vi mua bán người và mua bán trẻ em được hiểu là hành vi dùng tiền, tài sản hoặc các lợi ích vật chất khác để trao đổi người (từ đủ 16 tuổi trở lên đối với Tội mua bán người và dưới 16 tuổi đối với Tội mua bán trẻ em) như một loại hàng hóa; cụ thể là một trong bốn hành vi sau đây: i. Bán người cho người khác, không phụ thuộc vào mục đích của

người mua; ii. Mua người để bán lại cho người khác, không phân biệt bán lại cho ai và mục đích của người mua sau này như thế nào; iii. Dùng người như là tài sản để trao đổi, thanh toán; và Mua người để bóc lột, cưỡng bức lao động hoặc vì các mục đích trái pháp luật khác [57]. Tuy nhiên, quy định này là chưa thật tương thích với những quy định của Công ước quốc tế về tội buôn bán người. Cụ thể, theo quy định của BLHS 1999, chỉ người thực hiện hành vi mua bán người theo khái niệm nêu trên được gọi là người thực hành, còn những người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức cho người thực hiện một trong các hành vi mua bán người nêu trên sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự với vai trò tương ứng trong vụ đồng phạm, ví dụ hành vi tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người khác để thực hiện hành vi mua bán người... Tuy nhiên, những hành vi này theo quy định của Công ước Quốc tế bị xác định là hành vi của người thực hành [25].

Để đảm bảo sự tương thích với Công ước quốc tế về tội buôn bán người, BLHS 2015 đã sửa đổi theo hướng mô tả cụ thể các dạng hành vi của tội mua bán người bao gồm:

- Hành vi chuyển giao hoặc tiếp nhận người để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác;
- Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác;
- Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người khác để thực hiện các hành vi nêu trên.

Ngoài ra, điều luật cũng bổ sung thêm dấu hiệu thủ đoạn phạm tội “dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc bằng thủ đoạn khác” trong cấu thành tội phạm. Hành vi khách quan của tội mua bán người dưới 16 tuổi cũng được sửa đổi tương tự.

Ba là, đối với một số tội phạm mới, BLHS 2015 bổ sung hai tội mới trong nhóm tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm (Điều 147 BLHS) và Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người (Điều 154 BLHS). Theo đó, hành vi khách quan của Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm được xác định là hành vi lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc người dưới 16 tuổi trình diễn khiêu dâm hoặc trực tiếp chứng kiến việc trình diễn khiêu dâm dưới mọi hình thức. Hành vi khách quan của Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người được xác định là hành vi mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người khác. Bên cạnh đó, BLHS 2015 cũng mô tả cụ thể hơn hành vi khách quan của Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi (Điều 153 BLHS 2015). Theo đó hành vi chiếm đoạt người dưới 16 tuổi được hiểu là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác chiếm giữ hoặc giao cho người khác chiếm giữ người dưới 16 tuổi.

Về chủ thể của tội phạm: Nếu nhìn theo câu chữ trong quy định của BLHS năm 2015 sẽ không thấy sự thay đổi về quy định chủ thể trong các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người. Tuy nhiên, tác giả quan tâm đến chủ thể của một số tội xâm phạm tình dục là tội hiếp dâm, hiếp dâm người dưới 16 tuổi, cưỡng dâm và cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi so với quy định của BLHS năm 1999. Bởi lẽ theo quy định của cả hai BLHS này thì chủ thể của các tội phạm này đều được nhà làm luật sử dụng thuật ngữ “*người nào*”. Tuy nhiên, dù quy định trong BLHS như vậy nhưng thực tiễn xét xử ở Việt Nam từ trước tới nay đều thống nhất thừa nhận chủ thể của tội hiếp dâm cũng như tội hiếp dâm trẻ em, tội cưỡng dâm và cưỡng dâm trẻ em là chủ thể đặc biệt, cụ thể là nam giới và nữ giới chỉ có thể là đồng phạm các tội này với vai trò là người tổ chức, người xúi giục hoặc người giúp sức. BLHS năm 2015 tuy vẫn giữ nguyên dấu hiệu “*người nào*” trong các

điều luật quy định về tội hiếp dâm, hiếp dâm người dưới 16 tuổi, cưỡng dâm, cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi nhưng với việc bổ sung dấu hiệu “*hành vi quan hệ tình dục khác*” trong các điều luật này sẽ phân nào giải quyết được nguyên nhân của việc thừa nhận chủ thể đặc biệt là nam giới đối với những tội phạm này từ trước tới nay. Tuy nhiên, thiết nghĩ các cơ quan có thẩm quyền cần quy định cụ thể hơn về chủ thể của các loại tội phạm này vì ở Việt Nam một thời gian dài, mặc dù điều luật quy định là “*người nào*” nhưng chúng ta vẫn thừa nhận áp dụng xét xử trong thực tiễn chủ thể đặc biệt là nam giới nên cần có hướng dẫn cụ thể hơn.

Ngoài ra, BLHS 2015 cũng quy định cụ thể hơn dấu hiệu chủ thể của một số tội phạm như Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 145 BLHS) và Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi (Điều 146 BLHS), dấu hiệu chủ thể “*Người nào đã thành niên*” được quy định cụ thể hơn là “*Người nào đủ 18 tuổi trở lên*”.

Thứ năm, về tình tiết tăng nặng định khung, bên cạnh những thay đổi về tình tiết định tội thì nhóm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người cũng có những quy định mới để xác định khung hình phạt áp dụng.

Một là, về trường hợp hiếp dâm người dưới 13 tuổi: Theo quy định của BLHS hiện hành, hành vi giao cấu với trẻ em dưới 13 tuổi được quy định tại khoản 4 Điều 112 BLHS 1999 với nội dung: “*Mọi trường hợp giao cấu với trẻ em chưa đủ 13 tuổi là phạm tội hiếp dâm trẻ em và người phạm tội bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình*”. Theo đó, mọi trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi giao cấu với trẻ em dưới 13 tuổi thì họ phải chịu trách nhiệm hình sự về Tội hiếp dâm trẻ em theo khung hình phạt quy định tại Khoản 4 Điều 112 BLHS 1999 là “*phạt tù từ mười hai đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình*”. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 142 BLHS 2015 thì đã có sự thay đổi. Theo đó, hành vi giao cấu với

người dưới 13 tuổi không còn bị xác định theo khung hình phạt tại Khoản 4 của điều luật như hiện nay mà được chuyển lên khung hình phạt tại Khoản 1. Cụ thể, Khoản 1 Điều 142 BLHS 2015 có quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi trái với ý muốn của họ;

b) Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người dưới 13 tuổi”.

Như vậy, với quy định này, hành vi hiếp dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi và hành vi giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người dưới 13 tuổi được áp dụng khung hình phạt như nhau là *“phạt tù từ 07 năm đến 15 năm”*.

Hai là, một số tình tiết định khung tăng nặng quy định trong Tội mua bán người và Tội mua bán trẻ em theo BLHS 1999 như để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác... được chuyển thành yếu tố định tội.

Ngoài ra, đối với Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người (Điều 154 BLHS 2015), tác giả cho rằng tình tiết tăng nặng “vì mục đích thương mại” quy định tại điểm b khoản 2 là chưa hợp lý, bởi lẽ tình tiết này chỉ phù hợp làm tình tiết tăng nặng đối với hành vi chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người, còn đối với hành vi mua bán mô hoặc bộ phận cơ thể người thì không hợp lý vì bản thân hành vi mua bán đã thể hiện mục đích thương mại.

Ba là, về một số tình tiết tăng nặng định khung khác: So với quy định về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trong BLHS 1999, BLHS 2015 đã sửa đổi và bổ sung một số tình tiết tăng nặng định khung trong cấu thành tội phạm tăng nặng của một số điều luật.

- Tình tiết “*phạm tội nhiều lần*” và “*đối với nhiều người*” quy định tại các điều luật đều được sửa đổi theo hướng quy định cụ thể và rõ ràng hơn. Theo đó, hai tình tiết này hầu như được sửa đổi thành “*phạm tội 02 lần trở lên*” và “*đối với 02 người trở lên*” (trừ Điều 150 và Điều 151 BLHS). Về mặt nội dung thì việc sửa đổi này không làm thay đổi quy định hiện hành nhưng việc quy định rõ theo hướng mới này sẽ đảm bảo các quy định của BLHS được hiểu rõ ràng và cụ thể, thống nhất hơn. Tuy nhiên, riêng trong Tội cưỡng dâm (Điều 143 BLHS 2015), nhà làm luật quy định hai tình tiết này với tên gọi “*cưỡng dâm 02 lần trở lên*” và “*cưỡng dâm 02 người trở lên*”. Tác giả cho rằng hai tình tiết này trong Tội cưỡng dâm nên sửa lại cho thống nhất với các điều luật khác. Không chỉ sửa đổi lại thuật ngữ cho hai tình tiết này mà trong BLHS 2015, nhà làm luật đã đảm bảo tính thống nhất và tính tương thích khi đưa hai tình tiết “*phạm tội 02 lần trở lên*” và “*đối với 02 người trở lên*” cùng về khoản 2 của tất cả các điều luật.

- BLHS năm 2015 bổ sung thêm tình tiết “*gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân từ 11% đến 45%*” và tình tiết “*gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân 46% trở lên*” vào các cấu thành tội phạm tăng nặng của các điều luật (trừ Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi). Đây là tình tiết mới lần đầu được đưa vào quy định của BLHS. Đối với hai tình tiết này đòi hỏi hậu quả bắt buộc là làm cho nạn nhân bị tâm thần hoặc có những biểu hiện hành vi không ổn định, diễn biến tâm lý bất thường với tỷ lệ nhất định từ 11% trở lên và việc xác định tỷ lệ % phải do cơ quan giám định pháp y kết luận.

- BLHS năm 2015 bổ sung tình tiết “*phạm tội đối với người dưới 10 tuổi*” vào khoản 3 Điều 142 quy định về Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi với khung hình phạt là “*phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình*”. Với quy định mới này, nhà làm luật đã phân hóa trách nhiệm hình sự đối với các trường hợp giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác đối với người dưới 13 tuổi thành hai mức khác nhau. Một là đối với đối tượng tác động là người dưới 10 tuổi, hai là đối với đối tượng tác động là người từ đủ 10 tuổi đến dưới 13 tuổi.

- Đối với Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi, nhà làm luật đã sửa đổi một số tình tiết định khung tăng nặng trong Điều 146 BLHS 2015. Cụ thể, các tình tiết “*gây hậu quả nghiêm trọng*”, “*gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng*” quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 116 BLHS 1999 đã bị xóa bỏ, thay vào đó là những tình tiết khác như “*gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân từ 11% đến 45%*”, “*gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân 46% trở lên*”, “*làm nạn nhân tự sát*”. Việc sửa đổi này là hoàn toàn phù hợp, đảm bảo thống nhất và tương thích giữa các điều luật. Mặt khác, việc quy định các tình tiết như gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hay đặc biệt nghiêm trọng trong BLHS hiện hành dẫn đến khó hiểu hoặc hiểu không thống nhất. Do đó ảnh hưởng đến hiệu quả của việc áp dụng các quy định này trong thực tiễn.

- BLHS năm 2015 bổ sung thêm tình tiết “*sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội*” vào khoản 2 Điều 155 quy định về Tội làm nhục người khác. Quy định này là phù hợp, đảm bảo sự thay đổi của tình hình tội phạm trong thời gian vừa qua đối với loại hành vi phạm tội này. Việc công nghệ thông tin phát triển đã khiến các mạng máy tính, mạng viễn thông và các phương tiện điện tử trở thành công cụ hữu hiệu trong việc đưa ra những thông tin nhằm xúc phạm nhân phẩm, danh dự của

người khác. Đặc biệt, với đặc điểm riêng của những phương tiện này khiến các thông tin được phát tán nhanh chóng với phạm vi rộng càng khiến nhân phẩm, danh dự của nạn nhân bị tổn thương nghiêm trọng do những thông tin được truyền tải gây ra.

4.2.1.2. Những nội dung cần tiếp tục hoàn thiện trong Bộ luật hình sự 2015 về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

Mặc dù BLHS năm 2015 đã được sửa đổi một cách toàn diện các vấn đề còn hạn chế và bất cập trong BLHS năm 1999, trong đó có các sửa đổi liên quan đến các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người. Tuy nhiên, tác giả luận án nhận thấy BLHS năm 2015 vẫn còn một số quy định cần tiếp tục hoàn thiện hơn để tạo hành lang pháp lý vững chắc trong việc giải quyết các vụ án xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

Thứ nhất, về việc xác định hành vi giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác: BLHS năm 2015 đã bổ sung thêm một dạng hành vi mới trong CTTP của một số tội phạm về tình dục để khắc phục những hạn chế do việc chỉ quy định hành vi giao cấu trong CTTP của những tội phạm này trong BLHS 1999. Tuy nhiên, nhà làm luật không quy định các hành vi quan hệ tình dục khác là gì, bao gồm những hành vi nào để phân biệt rõ hơn với các hành vi của tội dâm ô. Theo tác giả, thay vì quy định “*giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác*” nhà làm luật chỉ cần quy định “*thực hiện hành vi quan hệ tình dục*” và sẽ giải thích thế nào là hành vi quan hệ tình dục trong văn bản hướng dẫn vì giao cấu cũng là một dạng của hành vi quan hệ tình dục.

Thứ hai, về dấu hiệu trái ý muốn: Theo quy định của BLHS hiện hành, một dấu hiệu định tội trong các tội hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em là dấu hiệu “*trái với ý muốn của nạn nhân*”. Quy định này là tương tự trong BLHS 2015. Tuy nhiên, việc quy định dấu hiệu này sẽ chuyển sự tập trung vào thái độ của

nạn nhân hơn là hành động của người phạm tội [58]. Để định tội danh trong những trường hợp này cần chứng minh dấu hiệu trái ý muốn của nạn nhân. Việc chứng minh này có thể sẽ làm ảnh hưởng, tổn thương đến tâm lý nạn nhân. Thiết nghĩ, thay vì dấu hiệu “*trái với ý muốn của nạn nhân*” nhà làm luật có thể chuyển thành dấu hiệu “*không có sự đồng ý của nạn nhân*” thì sẽ phù hợp hơn. Thứ nhất, về phía người phạm tội, thay vì chứng minh những tình tiết nào thể hiện việc thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái với ý muốn của nạn nhân thì chỉ cần chứng minh những dấu hiệu, biểu hiện nào của nạn nhân khiến người phạm tội cho rằng họ đồng ý thực hiện hành vi quan hệ tình dục. Thứ hai, xét về phía người là nạn nhân, thay vì phải khiến họ thuật lại diễn biến của vụ việc để thể hiện rằng nạn nhân đã biểu lộ thái độ trái ý muốn của mình thì nay sẽ hướng tới hành vi phạm tội và người phạm tội thể hiện ở việc khiến người phạm tội phải thuật lại diễn biến của vụ việc để nói rõ chi tiết khiến họ cho rằng việc thực hiện hành vi quan hệ tình dục có sự đồng ý của nạn nhân. Sự thay đổi này sẽ khiến người là nạn nhân của các vụ việc hiếp dâm tránh bị tổn thương thêm lần nữa trong quá trình điều tra tội phạm.

Thứ ba, về vấn đề tuổi của nạn nhân trong tội giao cấu với trẻ em (Điều 115 BLHS). Theo quy định tại Điều 115 BLHS thì nạn nhân của tội giao cấu với trẻ em là từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi. Mặc dù hành vi giao cấu trong tội giao cấu với trẻ em là thuận tình, tức là có sự đồng ý của trẻ nhưng hành vi giao cấu thuận tình này vẫn bị coi là tội phạm nhằm mục đích bảo vệ sự phát triển toàn diện của trẻ em, khi mà các em còn chưa phát triển đầy đủ về tâm sinh lý để quyết định hành vi tình dục của mình. Tuy nhiên, qua nghiên cứu một số bản án về loại tội phạm này, tác giả nhận thấy hầu hết các trường hợp người phạm tội là người yêu, người chồng sắp cưới hoặc thậm chí là người chồng sau này của nạn nhân. Xuất phát từ tình yêu nên cả hai đã cùng nhau thực hiện hành vi quan hệ tình dục mà hoàn toàn không có sự ép buộc hay sử

dụng thủ đoạn nào khác. Nhiều trường hợp do thiếu hiểu biết, không ý thức được hành vi của mình là phạm tội. Rõ ràng quy định về tội giao cấu với trẻ em là cần thiết, tuy nhiên thực tế cho thấy độ tuổi bắt đầu có hành vi quan hệ tình dục ở Việt Nam đang có xu hướng giảm. Theo công bố của tiến sỹ Nguyễn Thiện Trường - Phó chủ tịch Hội kế hoạch hóa gia đình Việt Nam thì tuổi quan hệ tình dục lần đầu của thanh niên Việt Nam ngày càng trẻ hóa. Năm 2010, tuổi quan hệ tình dục lần đầu của thanh niên Việt Nam đã giảm gần hai tuổi so với năm 2005 [5, tr.54].

Dưới góc độ giải phẫu học, các nhà khoa học đã chứng minh rằng tuổi dậy thì ở nữ giới hiện nay là từ 9 đến 14 tuổi, ở nam giới là từ 12 đến 15 tuổi. Tức là ở lứa tuổi này, cơ thể đã phát triển đầy đủ về mặt sinh học nói chung và về tình dục nói riêng, các cơ quan sinh dục đã phát triển đầy đủ. Do đó, ở lứa tuổi này, ham muốn tình dục là hoàn toàn tự nhiên, mang tính bản năng thông thường và việc quan hệ tình dục vào thời kỳ này xét trên góc độ sinh lý là bình thường. Theo thạc sỹ, bác sỹ sản khoa Hoàng Hà, bệnh viện Bạch Mai thì về cơ bản, rất khó để xác định thời điểm nào là phù hợp cho việc quan hệ tình dục lần đầu tiên vì mỗi cá nhân phát triển rất khác nhau. Thông thường, một người khi đến tuổi dậy thì là có khả năng quan hệ tình dục cũng như có khả năng làm mẹ đối với nữ. Đặc biệt hiện nay, với chế độ dinh dưỡng và điều kiện sống tốt hơn, sự phát triển về cơ thể cũng như thời kỳ dậy thì của các em cũng sớm hơn trước đây [5, tr.56].

Mặt khác, quá trình phát triển tâm lý cũng có quan hệ chặt chẽ với điều kiện kinh tế xã hội, văn hóa. Nhiều người cho rằng hiện nay thanh thiếu niên có sự nhận thức về quan hệ tình dục sớm hơn trước. Theo tiến sỹ tâm lý Lê Hương thì lứa tuổi 15 - 16 tuổi là giai đoạn phát triển của tuổi thanh niên đồng thời, tương ứng với sự phát triển về sinh lý, đây cũng là thời kỳ ham muốn tình dục hình thành và trở nên rõ nét [5, tr.56]. Do đó, tác giả cho rằng

việc quy định độ tuổi của nạn nhân trong tội giao cấu với trẻ em từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi trong giai đoạn hiện nay là chưa thật sự phù hợp. Vì vậy có rất nhiều vụ án về tội giao cấu với trẻ em mà nạn nhân là trẻ em nữ từ đủ 15 đến dưới 16 tuổi có quan hệ tình cảm trai gái với người phạm tội nhưng vì gia đình tố cáo nên chấp nhận nhìn người yêu vướng vào vòng lao lý và chờ đợi trong nhiều năm để được kết hôn khi người yêu mãn hạn tù. Thậm chí có những trường hợp hai người đã là vợ chồng nhưng có xích mích trong quan hệ gia đình nên gia đình vợ đã làm đơn tố cáo con rể thực hiện hành vi giao cấu với con gái mình khi chưa đủ 16 tuổi, để rồi trong phút tức giận không làm chủ được bản thân thì giờ quay lại cuộc sống thường ngày, người vợ vừa một mình nuôi con, vừa thăm nuôi chồng trong trại cải tạo đã làm ảnh hưởng đến hạnh phúc lứa đôi và sự phát triển toàn diện của con trẻ. Thiết nghĩ, hình phạt áp dụng trong những trường hợp này không phát huy được hết tính hướng thiện, không bảo vệ tối đa được quyền và lợi ích hợp pháp của công dân mà nhiều khi còn làm xáo trộn cuộc sống và đe dọa hạnh phúc của gia đình họ. Người chồng từng bị gia đình vợ tố cáo và phải vướng vào vòng lao lý có lẽ nào khi mãn hạn tù trở về lại có thể sống hạnh phúc, yên vui bên vợ con và mọi người trong gia đình như chưa từng có chuyện gì xảy ra?

Thứ tư, cần tội phạm hóa đối với hành vi quấy rối tình dục. Hành vi này hiện nay diễn ra tương đối phổ biến, nó có thể xảy ra ở nơi làm việc, trường học, đường phố, phương tiện giao thông và các nơi công cộng khác. Nó có thể bao gồm sự trêu ghẹo, các cuộc gọi đe dọa hay tục tĩu và quấy rối trên mạng. Nhiều trường hợp hành vi quấy rối diễn ra liên tục trong một khoảng thời gian dài ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của người bị quấy rối, thậm chí làm họ suy sụp tinh thần và sợ hãi. Hiện nay hành vi quấy rối tình dục không được quy định trong các QPPL hình sự mà mới chỉ đề cập rất ngắn gọn trong một quy định của Bộ luật lao động. Theo đó Điều 8 Bộ luật lao động quy định

cấm quấy rối tình dục ở nơi làm việc. Nếu xảy ra việc quấy rối tình dục ở nơi làm việc thì theo Điều 37 Bộ luật lao động, đây sẽ được coi là một trong các căn cứ để đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động [58].

Thứ năm, theo quy định tại Điều 47 BLHS, điều kiện để tòa án có thể quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật là người phạm tội phải có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS. Như vậy, trường hợp người phạm tội tuy có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS nhưng trong đó chỉ có một tình tiết được quy định trong khoản 1 Điều 46 BLHS thì cũng không thỏa mãn điều kiện để quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật. Quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật có thể là quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật trong trường hợp điều luật có từ hai khung hình phạt trở lên và người phạm tội bị truy cứu TNHS không phải theo khung hình phạt nhẹ nhất hoặc cũng có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hoặc chuyển sang một hình khác nhẹ hơn nếu điều luật chỉ có một khung hình phạt hoặc khung hình phạt đang áp dụng là khung hình phạt nhẹ nhất. Tuy nhiên, với cách quy định hiện nay trong BLHS, nhiều khi gây ra những cách hiểu khác nhau khi áp dụng quy định này.

Khung hình phạt liền kề nhẹ hơn thông thường được quy định ở khoản ngay phía trước khung hình phạt đang áp dụng như giả sử khung hình phạt đang áp dụng quy định tại khoản 3 thì khung hình phạt liền kề nhẹ hơn quy định tại khoản 2, hoặc khung hình phạt đang áp dụng quy định tại khoản 2 thì khung hình phạt liền kề nhẹ hơn quy định tại khoản 1 của điều luật. Tuy nhiên, trong BLHS hiện nay có một số điều luật quy định không theo cách thông thường đó dẫn đến những cách hiểu không thống nhất, vì vậy việc áp dụng những quy định về quyết định hình phạt trong những trường hợp tương

tự là chưa nhất quán ở nhiều địa phương. Ví dụ theo quy định tại Khoản 4 Điều 111 BLHS: “*Phạm tội hiếp dâm người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, thì bị phạt tù từ 5 năm đến 10 năm*”. Tuy nhiên khung hình phạt liên kề tại khoản 3 Điều 111 BLHS lại không phải là khung hình phạt liên kề nhẹ hơn vì khoản 3 Điều 111 quy định khung hình phạt là: “*phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc chung thân*”. Thậm chí khung hình phạt tại khoản 2 Điều 111 cũng không thể coi là khung hình phạt liên kề nhẹ hơn vì khoản 2 Điều 111 BLHS quy định “*phạt tù từ 7 năm đến 15 năm*”. Như vậy, nếu người phạm tội bị truy cứu theo khoản 4 Điều 111 BLHS và có từ hai tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS trở lên, được áp dụng các quy định tại Điều 47 BLHS thì họ sẽ được quyết định một hình phạt dưới mức tối thiểu của khung khoản 4 nhưng nằm trong “khung hình phạt liên kề nhẹ hơn” lại là khoản 1 Điều 111 BLHS. Do đó, tác giả luận án cho rằng, trường hợp phạm tội hiếp dâm người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên được xác định là trường hợp phạm tội thuộc CTTP tăng nặng thứ nhất của tội hiếp dâm.

4.2.2. Hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự

Để đảm bảo áp dụng có hiệu quả các quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người cần chú trọng đến hoạt động hướng dẫn áp dụng pháp luật. Nhiều quy định của BLHS năm 1999 và một số các quy định mới trong BLHS 2015 cũng chưa thật rõ ràng có thể dẫn tới những cách hiểu khác nhau. Do đó, tác giả cho rằng các cơ quan có thẩm quyền cần sớm tiến hành xây dựng các văn bản hướng dẫn, giải thích rõ hơn những quy định này. Cụ thể:

Thứ nhất, về chủ thể của các tội hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em, cưỡng dâm, cưỡng dâm trẻ em theo BLHS năm 1999 (tội hiếp dâm, hiếp dâm người dưới 16 tuổi, cưỡng dâm, cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi

theo BLHS năm 2015): Như đã phân tích ở trên, mặc dù chủ thể của những tội phạm này được mô tả trong luật là “người nào” và việc thay đổi dấu hiệu hành vi khách quan của những tội phạm này trong BLHS 2015 sẽ làm thay đổi phạm vi chủ thể của tội phạm, nhưng do thực tiễn xét xử ở nước ta từ trước đến nay vẫn thừa nhận đây là những tội phạm có chủ thể đặc biệt về dấu hiệu giới tính, do đó cần có văn bản hướng dẫn và giải thích rõ theo quy định hiện hành thì chủ thể của những tội phạm này là chủ thể thường, có thể là bất kỳ người nào nếu thực hiện hành vi khách quan của tội phạm để có sự thống nhất trong thực tiễn áp dụng.

Thứ hai, về hành vi khách quan của một số tội phạm về tình dục (tội hiếp dâm; hiếp dâm người dưới 16 tuổi; cưỡng dâm; cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi theo BLHS 2015) đều có quy định hành vi giao cấu và các hành vi quan hệ tình dục khác. Như đã phân tích ở trên, để thống nhất cách hiểu trong thực tiễn áp dụng, các cơ quan có thẩm quyền cần giải thích rõ thế nào là hành vi quan hệ tình dục. Theo đó thực hiện hành vi quan hệ tình dục được hiểu bao gồm các dạng hành vi sau:

1. Hành vi cạy sát trực tiếp bộ phận sinh dục của mình vào bộ phận sinh dục của người khác;
2. Hành vi đưa bộ phận sinh dục của mình vào miệng hoặc hậu môn của người khác;
3. Hành vi đưa một bộ phận trên cơ thể của mình (ngoài bộ phận sinh dục) hoặc bất cứ cái gì thâm nhập qua đường tình dục vào bộ phận sinh dục hoặc hậu môn của người khác.

Thứ ba, về tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi theo Điều 146 BLHS 2015, nhà làm luật chỉ mô tả hành vi dâm ô đối với người dưới 16 tuổi. Do đó, tương tự như các trường hợp nêu trên, thiết nghĩ các cơ quan có thẩm

quyền cần hướng dẫn và giải thích rõ hơn hành vi dâm ô là gì để có cơ sở thống nhất trong xét xử loại tội phạm này, tránh nhầm lẫn với các tội phạm về tình dục khác.

Thứ tư, về tội làm nhục người khác theo Điều 155 BLHS, điều kiện để truy cứu TNHS đối với người phạm tội là dấu hiệu xúc phạm “*ngghiêm trọng*” nhân phẩm, danh dự của người khác. Tuy nhiên, dấu hiệu này chưa được giải thích rõ ràng dẫn đến nhiều trường hợp xác định ranh giới giữa tội phạm và vi phạm pháp luật khác chưa thống nhất. Do đó, cơ quan có thẩm quyền cần hướng dẫn và giải thích rõ hơn về dấu hiệu này.

4.2.3. Tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự

Để đảm bảo áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người có hiệu quả thì công tác tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự cần được đẩy mạnh. Cuộc sống nói chung và tình hình tội phạm nói riêng luôn luôn thay đổi với những diễn biến phức tạp, do đó pháp luật hình sự đôi khi chưa thể dự liệu được hết tất cả các trường hợp phạm tội riêng biệt. Do đó việc thường xuyên tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự sẽ kịp thời đưa ra những phương hướng, đường lối xét xử những trường hợp phạm tội đặc biệt có nhiều cách hiểu và hướng giải quyết chưa thống nhất.

Định kỳ, các TAND các cấp nên tổng kết những vụ việc đã xét xử ở tòa mình có những vướng mắc, khó khăn gì báo cáo cấp có thẩm quyền để đúc rút kinh nghiệm, hướng dẫn chung thống nhất trong tất cả các tòa. Đối với những vụ án phức tạp có nhiều quan điểm khác nhau, chưa thống nhất trong cách hiểu cũng như hướng giải quyết thì TAND tối cao cần có hướng dẫn thống nhất áp dụng trong các tòa để đảm bảo xét xử công bằng, đúng người, đúng tội thống nhất ở mọi địa phương.

Đối với các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người cần tăng cường công tác thường xuyên tổng kết, đánh giá việc áp dụng pháp luật trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người dưới nhiều hình thức khác nhau như thông qua các hội nghị, hội thảo, các chuyên đề, tham luận nghiên cứu khoa học, từ đó đưa ra những ý kiến, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền quy định bổ sung, sửa đổi những quy định trong luật hình sự nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

4.2.4. Nâng cao năng lực của các cán bộ áp dụng pháp luật hình sự

Để góp phần bảo đảm áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người có hiệu quả thì nâng cao năng lực của các cán bộ áp dụng pháp luật hình sự là một nội dung thiết yếu. Các cấp có thẩm quyền cần thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo - bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ trong các cơ quan tiến hành tố tụng để giúp nâng cao trách nhiệm, trình độ.

Đối với cơ quan điều tra: Thông thường đây là cơ quan đầu tiên trong việc tiếp nhận cũng như giải quyết các vấn đề liên quan đến vụ án hình sự. Như đã phân tích ở trên, các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là những hành vi không những gây thiệt hại cho thân thể, sức khỏe người bị hại mà hơn hết đó là những tổn thương về tinh thần, nhưng thiệt hại cho danh dự, nhân phẩm của nạn nhân. Nhiều trường hợp dù bị xâm hại nhưng nạn nhân hoặc người nhà nạn nhân tìm giải pháp im lặng để tránh những xáo trộn trong cuộc sống hàng ngày cũng như để tránh những thông tin cá nhân đến dư luận xã hội. Vì vậy, việc điều tra, thu thập chứng cứ về hành vi phạm tội của loại tội phạm này nhiều trường hợp đòi hỏi sự tinh tế, nhạy bén nhất định, nếu không sẽ không đủ căn cứ để truy cứu TNHS đối với người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật dẫn đến bỏ lọt tội phạm cũng như không bảo vệ được những quyền, lợi ích hợp pháp của công dân. Do đó, điều

tra viên cần trang bị hành trang tri thức đầy đủ không chỉ về lí luận luật hình sự mà còn cần thường xuyên trau dồi kỹ năng, nghiệp vụ để phục vụ công tác điều tra trong đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm.

Bên cạnh đó, Công an các cấp cần phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương, tăng cường sự phối hợp với các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội; chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền chỉ đạo các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa xã hội theo chức năng, nhiệm vụ của mình, đồng thời tích cực thực hiện các nhiệm vụ đã được phân công trách nhiệm trong chương trình phối hợp hành động theo các Nghị quyết, Kế hoạch liên tịch giữa Công an với các ngành đoàn thể trong phong trào quần chúng bảo vệ An ninh Tổ quốc [7, tr.85]. Cơ quan Công an các cấp cũng cần tăng cường phối hợp với các ngành có liên quan trong việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về quyền con người, nâng cao ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, tôn trọng nhân phẩm, danh dự của con người của các tầng lớp nhân dân, làm chuyển biến nhận thức của mỗi người về trách nhiệm công dân đối với nhiệm vụ phòng, chống tội phạm và giữ gìn an ninh trật tự.

Đối với Viện kiểm sát: Với chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp, thực hành quyền công tố trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, Viện kiểm sát nhân dân có vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả phòng ngừa và đấu tranh chống tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người. Để phát huy vai trò này, ngành Kiểm sát các cấp cần làm tốt công tác quản lý, xử lý thông tin về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người, đưa công tác này vào kế hoạch phối hợp liên ngành giữa Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Viện kiểm sát, Tòa án. Các cơ quan này phải thông tin kịp thời về các hành vi vi phạm cũng như tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người cho Viện kiểm sát. Viện kiểm sát các cấp cần chú trọng kiểm sát hoạt

động điều tra các vụ án về tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người, với phương châm chống làm oan người vô tội, chống bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, kiểm sát ngay từ đầu các vụ án gây dư luận xấu. Cùng với việc đẩy nhanh tiến độ giải quyết án trong thời hạn luật định. Để thực hiện tốt nhiệm vụ trên, Viện kiểm sát các cấp cần chú trọng công tác xây dựng ngành trong sạch, vững mạnh, từng bước kiện toàn củng cố tổ chức, rèn luyện, giáo dục phẩm chất đạo đức người cán bộ kiểm sát. Tiếp tục xây dựng và thực hiện nề nếp làm việc phù hợp, trong đó chú ý chỉ đạo việc kiểm sát đối với hoạt động điều tra, xét xử các vụ án về tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người được nhanh, chính xác, đúng pháp luật [7, tr.87]. Bên cạnh đó, để nâng cao chất lượng truy tố, kiểm sát hoạt động tư pháp và thực hành quyền công tố, mỗi kiểm sát viên cần tập trung vào chuyên môn, thường xuyên trau dồi nâng cao trình độ để có những lập luận phù hợp, những căn cứ xác đáng khi truy tố cũng như thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác của mình.

Đối với Tòa án, việc áp dụng pháp luật đúng đắn trong công tác xét xử các vụ án phạm tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người là vấn đề rất quan trọng. Có xét xử đúng mới có điều kiện phát huy tính giáo dục, phòng ngừa của biện pháp xử lý và mới có thể chỉ ra được nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm để có kiến nghị xác đáng. Mỗi thẩm phán và hội thẩm nhân dân không chỉ trang bị cho mình những tri thức đầy đủ về lý luận luật hình sự mà cần thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật hình sự mới để kịp thời nắm được những thông tin phù hợp, phục vụ công tác xét xử mà đặc biệt là hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt. Tòa án các cấp cần thường xuyên tổ chức cho thẩm phán và hội thẩm nhân dân nghiên cứu các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước, nhằm quán triệt yêu cầu, nhiệm vụ đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm trong tình hình mới; nghiên cứu các Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp

dụng thống nhất pháp luật trong công tác xét xử... để bảo đảm cho việc xét xử các vụ án phạm tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người được nghiêm chỉnh và đúng pháp luật.

Mặt khác, để đội ngũ cán bộ áp dụng pháp luật hình sự yên tâm công tác, tập trung thời gian trau dồi kiến thức, chuyên môn, đảm bảo áp dụng pháp luật nghiêm minh, công bằng khách quan thì việc xây dựng một chính sách khen thưởng, bồi dưỡng đối với cán bộ công tác trong ngành cùng những chế độ lương thưởng và các chế độ phụ cấp khác cần được đảm bảo.

4.2.5. Các giải pháp khác

Các giải pháp về tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ quyền tôn trọng nhân phẩm, danh dự con người cần được coi trọng. Tất cả những hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền con người và tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người, chỉ thật sự có ý nghĩa tích cực, tác động lành mạnh đến ý thức và hành vi tuân thủ pháp luật của người dân khi họ thấy được các quyết định đúng đắn, nghiêm minh, công bằng trong việc áp dụng các điều luật cụ thể để giải quyết các hành vi xâm phạm nhân phẩm và danh dự của người khác cụ thể. Bản thân các quy phạm pháp luật, các quyết định của các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền trong lĩnh vực quyền con người đã chứa đựng yếu tố giáo dục rất lớn và là phương tiện truyền tải nội dung giáo dục pháp luật trực tiếp nhất.

Thứ nhất, đẩy mạnh hơn nữa công tác thông tin, tuyên truyền nội dung các văn bản pháp luật như: Luật hình sự, Luật bình đẳng giới, Luật hôn nhân và gia đình, Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em... nhằm nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân về bạo lực tình dục, về quyền con người, quyền nhân thân. Việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật này phải có kế hoạch, chương trình ngắn hạn, dài hạn cụ thể, trong đó chú trọng đến việc lồng ghép nội dung truyền thông phòng, chống xâm hại tình dục phụ nữ và trẻ em gái;

hành vi miệt thị, xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác vào trong sinh hoạt của thôn, ấp, tổ dân phố; trong sinh hoạt ngoại khóa của các cấp học và sinh hoạt chuyên đề của các tổ chức, đoàn thể các cấp. Ngoài ra, vấn đề truyền thông đối với gia đình, xã hội trong việc bảo vệ con cái trong độ tuổi trẻ em cũng cần được xem trọng. Hệ thống truyền thông cần phổ biến sâu rộng hơn nữa về quyền con người để mọi người nhận thức được tầm quan trọng và nhìn nhận việc bảo đảm, bảo vệ quyền con người ở mức độ cao hơn. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh việc thực hiện phong trào xây dựng gia đình văn hóa, nếp sống văn minh trong cộng đồng dân cư để tạo phong trào xây dựng lối sống lành mạnh, làm khơi dậy và phát huy những giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc, gắn kết tinh thần đoàn kết và tình người trong khu dân cư. Trên cơ sở phổ biến pháp luật, các cấp có thẩm quyền cần đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục ý thức cảnh giác, phát hiện sớm, tự phòng ngừa các hành vi xâm phạm nhân phẩm, danh dự và hỗ trợ tư vấn pháp lý khi cần thiết; giúp người dân hiểu khi bị xâm hại nhân phẩm, danh dự nạn nhân và gia đình phải trình báo ngay cho cơ quan Công an để được hỗ trợ tư vấn, giải quyết tránh để lọt tội phạm và bảo đảm những quyền, lợi ích cơ bản của mình.

Thứ hai, cần có biện pháp để nâng cao trách nhiệm của cha mẹ trong việc quản lý, giáo dục con em mình. Mặc dù các em đang ở tuổi đi học, đang được sự chăm sóc, quản lý, giáo dục thường xuyên, chặt chẽ của gia đình trong việc học hành cũng như sinh hoạt, nhưng do cha mẹ còn thiếu trách nhiệm nên không quản lý được các em, đã để các em bị kẻ xấu lợi dụng, xâm hại, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của các em. Vì vậy, gia đình cần quản lý con cái chặt chẽ hơn, theo sát sự thay đổi trong hành vi và những biểu hiện khác lạ của con em mình.

Thứ ba, nâng cáo hiệu quả mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự về các tội xâm phạm

nhân phẩm, danh dự của con người. Trên cơ sở các quy định của pháp luật, Tòa án các cấp tăng cường sự phối hợp với Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát và các cơ quan hữu quan khác để thu thập đầy đủ chứng cứ, hoàn thiện hồ sơ vụ án; thường xuyên trao đổi, thống nhất nhận thức về các quy định của pháp luật cũng như những vấn đề còn có ý kiến khác nhau về đánh giá các tình tiết khách quan của vụ án, nhằm đảm bảo xét xử, giải quyết các vụ án về xâm hại nhân phẩm, danh dự đúng pháp luật.

Bên cạnh đó, Cơ quan có thẩm quyền phải xét xử nghiêm minh, đúng pháp luật các tội phạm xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người, đẩy mạnh và làm tốt công tác tổ chức các phiên tòa xét xử lưu động đối với các vụ án này để thông qua đó phổ biến pháp luật đến mọi người.

Việc tuyên truyền, giáo dục và phổ biến pháp luật phải đi kèm với các biện pháp cụ thể, thiết thực để bồi dưỡng kiến thức pháp luật về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người cho các cán bộ và nhân dân, các cơ quan, đoàn thể.

Tiểu kết chương 4

Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là một trong những chế định thể hiện chính sách hình sự của Nhà nước trong việc bảo vệ quyền con người cũng như các quyền cơ bản của công dân. Để đảm bảo áp dụng hiệu quả các quy định của pháp luật về nhóm tội này trong thực tiễn đòi hỏi cần có những sửa đổi các quy định của pháp luật hình sự cho phù hợp cũng như các giải pháp khác như ban hành các văn bản hướng dẫn để giải thích rõ hơn và thống nhất các quy định của pháp luật, tăng cường công tác tổng kết thực tiễn xét xử để đưa ra những kinh nghiệm trong thực tiễn xét xử cũng như thống nhất đường lối áp dụng một số trường hợp đặc biệt, chưa có sự thống nhất trong cách hiểu và áp dụng. Bên cạnh đó, cần nâng cao chất lượng của đội ngũ áp dụng pháp luật không chỉ về chuyên môn mà còn về đạo đức nghề nghiệp. Ngoài ra, công tác tuyên truyền giáo dục về pháp luật cho người dân cũng cần được đẩy mạnh để góp phần nâng cao ý thức pháp luật cho người dân. Qua đó góp phần hiệu quả vào công tác chống và phòng ngừa tội phạm.

KẾT LUẬN

Các tội phạm xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là một trong những nhóm tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, có hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, do người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý, xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người. Loại tội phạm này không chỉ xâm hại đến sự phát triển bình thường, lành mạnh của con người mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tâm, sinh lý của người bị hại về lâu dài, làm tổn thương tinh thần người bị hại cũng như gia đình của họ. Bên cạnh đó, hành vi này còn có tác động xấu đến môi trường xung quanh, nhiều vụ án gây phẫn nộ, gây bức xúc, nhức nhối trong dư luận. Tính chất của các vụ án về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người ngày càng gia tăng về mức độ nghiêm trọng, báo động về sự xuống cấp đạo đức của một bộ phận người dân, ảnh hưởng lớn đến trật tự văn hóa - xã hội trong cộng đồng.

Trong thời gian qua, việc đấu tranh phòng chống của các cấp đối với loại tội phạm này ngày càng được nâng cao song vẫn không tránh khỏi những khó khăn khi thực tiễn áp dụng pháp luật còn gặp nhiều vướng mắc. Nguyên nhân của những vướng mắc đó chủ yếu do sự thiếu sót trong các quy định của pháp luật hình sự về nhóm tội này. Nhiều quy định chưa thật sự rõ ràng dẫn đến những cách hiểu khác nhau ở chính các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, việc áp dụng và giải quyết nhiều vụ việc tương tự nhau thiếu tính thống nhất. Bên cạnh đó, cũng còn một số quy định của pháp luật chưa thật sự phù hợp với sự thay đổi của đời sống xã hội. BLHS 2015 được ban hành đã phần nào khắc phục được những hạn chế đó. Tuy nhiên, BLHS 2015 cũng chưa hoàn toàn loại bỏ được những thiếu sót trong các quy định của pháp luật. Một số quy định cần có hướng dẫn và giải thích cụ thể hơn đảm bảo áp dụng thống nhất trong thực tiễn.

Trong phạm vi luận án, tác giả đã nghiên cứu những vấn đề lý luận về nhóm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người cũng như nghiên cứu một số bản án về nhóm tội này để đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về nhóm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người. Trên cơ sở đó, luận án đã đưa ra một số kiến nghị góp phần bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về nhóm tội này trong thực tiễn như: kiến nghị về hoàn thiện pháp luật hình sự, kiến nghị về hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự, kiến nghị về tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự và một số giải pháp khác về nâng cao trình độ, năng lực của các cán bộ áp dụng pháp luật cũng như nâng cao công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong cộng đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 Ban Bí thư Trung ương Đảng, *Chỉ thị số 09-TC/TW ngày 01/12/2011 về tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới.*
- 2 Ban biên tập Tạp chí Tòa án nhân dân (2014), *Nam giới có thể là người bị hại trong tội hiếp dâm*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 14, Hà Nội.
- 3 Phạm Văn Báu (2010), *Những bất cập và phương hướng hoàn thiện quy định về một số tội xâm phạm nhân phẩm của con người trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999*, Tạp chí Luật học, số 1, Hà Nội.
- 4 Mai Bộ (2012), *Phân biệt tội chống người thi hành công vụ với các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 12, Hà Nội.
- 5 Trần Thùy Chi (2011), *Tội giao cấu với trẻ em theo quy định của Bộ luật hình sự hiện hành*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
- 6 Phí Văn Chung (2010), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội có tổ chức theo luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội.
- 7 Nguyễn Đình Cường (2015), *Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người theo luật hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk)*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa luật Đại học Quốc gia Hà Nội.
- 8 Lê Đăng Doanh (2000), *Một số điểm mới trong chương các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người trong Bộ luật hình sự năm 1999*, Tạp chí Luật học, số 4, Hà Nội.

- 9 Đại học Luật Hà Nội (2011), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Tập 1*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
- 10 Đại học Luật Hà Nội (2012), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Tập 2*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
- 11 Đại học Luật Hà Nội (2010), *Bộ luật hình sự Thụy Điển*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
- 12 Đại học Luật Hà Nội (2011), *Bộ luật hình sự Liên bang Nga*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
- 13 Đại học Luật Hà Nội (2011), *Bộ luật hình sự Cộng hòa liên bang Đức*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
- 14 Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 26/05/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
- 15 Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*.
- 16 Đỗ Đức Hồng Hà (2010), *Hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người*, Tạp chí lập pháp, số 8, Hà Nội.
- 17 Hoàng Thị Thanh Hà (2015), *Các tội xâm hại tình dục theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam*, Luận văn thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội.
- 18 Lê Việt Hà (2009), *Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ luật học, Khoa Luật - Trường Đại học quốc gia, Hà Nội.

- 19 Trịnh Thị Thu Hà (2010), *Nhóm nam mại dâm đồng giới và những nguy cơ xã hội*, Luận văn thạc sỹ chuyên ngành xã hội học, Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội.
- 20 Dương Thu Hải (2016), *Tội mua bán người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Lạng Sơn*, Luận văn thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội.
- 21 Phạm Hồng Hải (2003), *Các quy định của pháp luật về hoạt động phòng chống tội phạm xâm hại trẻ em - Thực trạng và phương hướng hoàn thiện*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật.
- 22 Nguyễn Văn Hiến (2014), *Quyền con người trong Hiến pháp 2013 - Quan điểm mới cách tiếp cận mới và các quy định mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 23 Nguyễn Ngọc Hòa (2001), *Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người - So sánh giữa Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật hình sự năm 1985*, Tạp chí Luật học, số 1, Hà Nội.
- 24 Phạm Mạnh Hùng (2002), *Hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về các tội phạm xâm hại tình dục trẻ em*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 12.
- 25 Phạm Quang Huy (2016), *Tội dâm ô với trẻ em: một số thực trạng và giải pháp pháp lý*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 13.
- 26 Đoàn Ngọc Huyền (2014), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về tội mua bán người trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ luật học, Khoa Luật Đại học Quốc Gia Hà Nội.
- 27 Nguyễn Minh Hương (2014), *Các tội xâm hại tình dục trẻ em trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ luật học, Khoa Luật Đại học Quốc Gia Hà Nội.

- 28 Trịnh Thị Thu Hương (2004), *Các tội xâm phạm tình dục trẻ em trong Luật hình sự Việt Nam và đấu tranh phòng chống loại tội phạm này*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
- 29 Nguyễn Hiền Khanh (2004), *Về tội hiếp dâm theo quy định tại Điều 111 Bộ luật hình sự*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 2, Hà Nội.
- 30 Trần Hà Bảo Khuyên (2015), *Về quy định đối với các tội hiếp dâm - hiếp dâm trẻ em*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 11.
- 31 Nguyễn Thị Lan (2016), *Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình theo luật hình sự Việt Nam*, luận án tiến sĩ luật học, Hà Nội.
- 32 Lê Xuân Lục (2013), *Sự cần thiết của việc sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự hiện hành liên quan đến hành vi mua bán mô, bộ phận cơ thể người*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 9, Hà Nội.
- 33 Hoàng Quảng Lục (2014), *Truy cứu trách nhiệm hình sự tội hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em - Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 15.
- 34 Trần Văn Luyện (2000), *Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- 35 Trần Văn Luyện (2001), *Những điểm mới cơ bản về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người trong Bộ luật hình sự năm 1999*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 3, Hà Nội.
- 36 Nguyễn Tuyết Mai (2001), *“Bàn thêm về tội loạn luân”*, Tạp chí Luật học, số 2, Hà Nội.
- 37 Dương Tuyết Miên (2015), *Bình luận các tội phạm về tình dục trong chương các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự con người trong dự thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi)*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số chuyên đề sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự.

- 38 Đặng Xuân Nam (2009), *Trao đổi về tội hiếp dâm theo Điều 111 Bộ luật hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, số 07.
- 39 Bùi Thị Hằng Nga (2016), *Tội hiếp dâm và hiếp dâm trẻ em theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Nam Định*, Luận văn thạc sỹ luật học, Học viện Khoa học xã hội.
- 40 Phạm Văn Nhó (2010), *Một số ý kiến trao đổi về tội giao cấu với trẻ em*, Tạp chí Kiểm sát, số 19.
- 41 Nghị định thư về việc ngăn ngừa, trấn áp và trừng trị tội phạm buôn người, đặc biệt là buôn bán phụ nữ và trẻ em, kèm theo Công ước của Liên hợp quốc chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, Điều 3.
- 42 Cao Thị Oanh (2012), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- 43 Cao Thị Oanh (2012), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- 44 Nguyễn Văn Quân (2015), *Tội hiếp dâm trong luật hình sự Pháp và khái niệm “hiếp dâm” trong pháp luật Việt Nam*, Tạp chí Kiểm sát, số 18.
- 45 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1985), *Bộ luật hình sự*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
- 46 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1991), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
- 47 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1992), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
- 48 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1997), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
- 49 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2000), *Bộ luật hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- 50 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), *Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 51 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật hình sự năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 52 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 53 Bùi Thị Quyên (2012), *Bàn về một số dấu hiệu pháp lý của tội hiếp dâm*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 23.
- 54 Bùi Thị Quyên (2013), *Tội hiếp dâm - So sánh giữa Bộ luật hình sự Việt Nam và Bộ luật hình sự một số nước*, Luận văn thạc sỹ luật học, Đại học Luật Hà Nội.
- 55 Cao Hữu Sáng (2015), *Các tội hiếp dâm theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ luật học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.
- 56 Công Tâm (2012), *Luật bỏ ngõ hành vi hiếp dâm bé trai*, Báo Pháp luật Việt Nam, số ra ngày 19/11/2012.
- 57 Trần Quang Thái (2011), *Trẻ em hiếp dâm trẻ em - Trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và sự không hợp lý trong quy định tại khoản 4 Điều 112 Bộ luật hình sự*, Tạp chí tòa án nhân dân, số 17, Hà Nội.
- 58 Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT/BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC ngày 25 tháng 09 năm 2001 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XV “Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân gia đình” của BLHS năm 1999.
- 59 Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP ngày 23 tháng 07 năm 2013 hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi mua bán người; mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em.

- 60 Đào lệ Thu và Eileen Skinnider (2014), Báo cáo *Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự và phân tích pháp luật về bạo lực đối với phụ nữ Việt Nam* trong Hội thảo “Những vấn đề cần nghiên cứu đối với cải cách lập pháp”.
- 61 Lê Quang Tiến (2015), *Bàn về tội hiếp dâm trẻ em theo Điều 112 Bộ luật hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, số 18.
- 62 Trần Quang Tiệp (2003), *Lịch sử Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- 63 Tòa án nhân dân huyện Ân Thi - Tỉnh Hưng Yên, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2014/HSST ngày 13/11/2014*.
- 64 Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ - Tỉnh Đồng Nai, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2013/HSST ngày 02/08/2013*.
- 65 Tòa án nhân dân huyện Chợ mới - Tỉnh Bắc Kạn, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2015/HSST ngày 14/04/2015*.
- 66 Tòa án nhân dân huyện Củ Chi - Thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2012/HSST ngày 30/03/2013*.
- 67 Tòa án nhân dân huyện Củ Chi - Thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 141/2013/HSST ngày 22/08/2013*.
- 68 Tòa án nhân dân huyện Củ Chi - Thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 143/2013/HSST ngày 23/08/2013*.
- 69 Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông - Tỉnh Điện Biên, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2014/HSST ngày 26/11/2014*.
- 70 Tòa án nhân dân huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 89/2014/HSST ngày 10/06/2014*.
- 71 Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu - Tỉnh Nam Định, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2013/HSST ngày 17/04/2013*.

- 72 Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân - Tỉnh Bạc Liêu, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2015/HSST ngày 25/06/2015.*
- 73 Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - Tỉnh Kiên Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2008/HSST ngày 24/10/2008.*
- 74 Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - Tỉnh Kiên Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2010/HSST ngày 22/01/2010.*
- 75 Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - Tỉnh Kiên Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2012/HSST ngày 14/08/2012.*
- 76 Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - Tỉnh Kiên Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 47/2012/HSST ngày 01/10/2012.*
- 77 Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - Tỉnh Kiên Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2013/HSST ngày 07/10/2013.*
- 78 Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - Tỉnh Kiên Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 47/2013/HSST ngày 26/12/2013.*
- 79 Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - Tỉnh Kiên Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2014/HSST ngày 02/07/2014.*
- 80 Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - Tỉnh Kiên Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2014/HSST ngày 25/09/2014.*
- 81 Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - Tỉnh Kiên Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2014/HSST ngày 24/12/2014.*
- 82 Tòa án nhân dân huyện Long Thành - Tỉnh Đồng Nai, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 155/2013/HSST ngày 24/09/2013.*
- 83 Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh - Tỉnh Phú Yên, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2013/HSST ngày 15/01/2013.*
- 84 Tòa án nhân dân huyện Tam Đường - Tỉnh Lai Châu, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2009/HSST ngày 15/01/2009.*

- 85 Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu - Tỉnh Sơn La, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 93/2013/HSST ngày 12/08/2013.*
- 86 Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên - Thành phố Hải Phòng, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2011/HSST ngày 25/02/2011.*
- 87 Tòa án nhân dân huyện Tiên Hải - Tỉnh Thái Bình, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2014/HSST ngày 22/07/2014.*
- 88 Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom - Tỉnh Đồng Nai, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2015/HSST ngày 19/03/2015.*
- 89 Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức - Tỉnh Đắk Nông, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 66/2014/HSST ngày 28/11/2014.*
- 90 Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường - Tỉnh Vĩnh Phúc, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 67/2014/HSST ngày 16/09/2014.*
- 91 Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường - Tỉnh Nam Định, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2009/HSST ngày 22/10/2009.*
- 92 Tòa án nhân dân quận Bình Tân - Thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 180/2012/HSST ngày 25/06/2012.*
- 93 Tòa án nhân dân quận Dương Kinh - Thành phố Hải Phòng, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2015/HSST ngày 29/09/2015.*
- 94 Tòa án nhân dân quận Gò Vấp - Thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 184/2015/HSST ngày 10/08/2015.*
- 95 Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 47/2014/HSST ngày 01/07/2014.*
- 96 Tòa án nhân dân quận Ô Môn - Thành phố Cần Thơ, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2014/HSST ngày 31/07/2014.*
- 97 Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 89/2015/HSST ngày 05/02/2015.*

- 98 Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 337/2016/HSST ngày 06/06/2016.*
- 99 Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 95/2006/HSST ngày 19/09/2006.*
- 100 Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2013/HSST ngày 28/06/2013.*
- 101 Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2013/HSST ngày 27/09/2013.*
- 102 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 72/2009/HSST ngày 29/12/2009.*
- 103 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 94/2010/HSST ngày 15/01/2010.*
- 104 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 354/2010/HSST ngày 07/09/2010.*
- 105 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 342/2012/HSST ngày 27/07/2012.*
- 106 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 119/2014/HSST ngày 15/08/2014.*
- 107 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 141/2014/HSST ngày 18/09/2014.*
- 108 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 173/2014/HSST ngày 12/12/2014.*
- 109 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 76/2005/HSST ngày 17/01/2005.*
- 110 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 1514/2005/HSST ngày 29/09/2005.*

- 111 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 1648/2005/HSST ngày 17/11/2005.*
- 112 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 160/2006/HSST ngày 20/02/2006.*
- 113 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 178/2006/HSST ngày 23/10/2006.*
- 114 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 535/2006/HSST ngày 26/04/2006.*
- 115 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 938/2006/HSST ngày 18/07/2006.*
- 116 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 1014/2006/HSST ngày 27/07/2006.*
- 117 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 323/2007/HSST ngày 12/04/2007.*
- 118 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 620/2007/HSST ngày 26/06/2007.*
- 119 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 726/2007/HSST ngày 26/07/2007.*
- 120 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 905/2007/HSST ngày 21/09/2007.*
- 121 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 639/2008/HSST ngày 18/08/2008.*
- 122 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 1537/2009/HSST ngày 25/06/2008.*
- 123 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 1553/2009/HSST ngày 26/06/2009.*

- 124 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 500/2009/HSST ngày 12/03/2009.*
- 125 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 660/2009/HSST ngày 25/03/2009.*
- 126 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 204/2011/HSST ngày 19/07/2011.*
- 127 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 210/2011/HSST ngày 25/07/2011.*
- 128 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 180/2012/HSST ngày 25/06/2012.*
- 129 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 253/2012/HSST ngày 03/08/2012.*
- 130 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 407/2012/HSST ngày 20/12/2012.*
- 131 Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 148/2011/HSST ngày 06/07/2011.*
- 132 Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 150/2011/HSST ngày 07/07/2011.*
- 133 Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 186/2011/HSST ngày 24/08/2011.*
- 134 Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2012/HSST ngày 24/02/2012.*
- 135 Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 204/2012/HSST ngày 06/09/2012.*
- 136 Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 248/2012/HSST ngày 25/10/2012.*

- 137 Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 289/2012/HSST ngày 04/12/2012.*
- 138 Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2013/HSST ngày 05/03/2013.*
- 139 Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 148/2013/HSST ngày 27/05/2013.*
- 140 Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 399/2013/HSST ngày 17/12/2013.*
- 141 Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 415/2013/HSST ngày 27/12/2013.*
- 142 Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 65/2014/HSST ngày 27/03/2014.*
- 143 Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 90/2014/HSST ngày 07/05/2014.*
- 144 Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 151/2014/HSST ngày 30/06/2014.*
- 145 Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 157/2014/HSST ngày 14/07/2014.*
- 146 Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 179/2014/HSST ngày 05/08/2014.*
- 147 Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 250/2014/HSST ngày 24/09/2014.*
- 148 Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 120/2013/HSST ngày 04/09/2013.*
- 149 Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An - Tỉnh Bình Dương, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 531/2014/HSST ngày 19/12/2014.*

- 150 Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên - Tỉnh Kiên Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2010/HSST ngày 23/11/2010.*
- 151 Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên - Tỉnh Kiên Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2010/HSST ngày 29/01/2010.*
- 152 Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên - Tỉnh Kiên Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2006/HSST ngày 12/05/2006.*
- 153 Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2006/HSST ngày 30/10/2006.*
- 154 Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 86/2007/HSST ngày 09/07/2007.*
- 155 Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 129/2007/HSST ngày 30/10/2007.*
- 156 Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 139/2007/HSST ngày 30/11/2007.*
- 157 Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2008/HSST ngày 19/03/2008.*
- 158 Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2008/HSST ngày 17/06/2008.*
- 159 Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2008/HSST ngày 20/08/2008.*
- 160 Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2008/HSST ngày 07/10/2008.*
- 161 Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2009/HSST ngày 30/09/2009.*
- 162 Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 54/2009/HSST ngày 23/10/2009.*

- 163 Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2002/HSST ngày 24/04/2002.*
- 164 Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2010/HSST ngày 23/06/2010.*
- 165 Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2011/HSST ngày 10/06/2011.*
- 166 Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2007/HSST ngày 19/06/2007.*
- 167 Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2010/HSST ngày 27/01/2010.*
- 168 Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2010/HSST ngày 29/10/2010.*
- 169 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 255/2006/HSST ngày 06/12/2006.*
- 170 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2011/HSST ngày 29/06/2011.*
- 171 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2008/HSST ngày 07/04/2008.*
- 172 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2009/HSST ngày 01/09/2009.*
- 173 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 122/2006/HSST ngày 28/07/2006.*
- 174 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 202/2006/HSST ngày 25/12/2006.*
- 175 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2008/HSST ngày 20/05/2008.*

- 176 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 95/2005/HSST ngày 27/05/2007.*
- 177 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 98/2007/HSST ngày 18/06/2007.*
- 178 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 125/2007/HSST ngày 28/08/2007.*
- 179 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 136/2007/HSST ngày 21/09/2007.*
- 180 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2008/HSST ngày 21/04/2008.*
- 181 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2008/HSST ngày 21/04/2008.*
- 182 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 70/2009/HSST ngày 23/09/2009.*
- 183 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 81/2009/HSST ngày 18/11/2009.*
- 184 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2010/HSST ngày 29/10/2010.*
- 185 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2011/HSST ngày 18/07/2011.*
- 186 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2011/HSST ngày 29/07/2011.*
- 187 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2012/HSST ngày 21/08/2012.*
- 188 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2012/HSST ngày 27/08/2012.*

- 189 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 99/2008/HSST ngày 23/04/2008.*
- 190 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 70/2010/HSST ngày 21/09/2010.*
- 191 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2012/HSST ngày 18/06/2012.*
- 192 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2013/HSST ngày 15/04/2013.*
- 193 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2006/HSST ngày 31/03/2006.*
- 194 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2009/HSST ngày 14/01/2009.*
- 195 Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2010/HSST ngày 14/01/2010.*
- 196 Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2012/HSST ngày 13/01/2012.*
- 197 Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2005/HSST ngày 06/12/2005.*
- 198 Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2006/HSST ngày 26/09/2006.*
- 199 Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2009/HSST ngày 24/03/2009.*
- 200 Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2009/HSST ngày 17/09/2009.*
- 201 Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2012/HSST ngày 09/02/2012.*

- 202 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 169/2005/HSST ngày 21/11/2005.*
- 203 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 132/2007/HSST ngày 06/08/2007.*
- 204 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 103/2009/HSST ngày 10/09/2009.*
- 205 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 122/2009/HSST ngày 29/10/2009.*
- 206 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 98/2010/HSST ngày 16/11/2010.*
- 207 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 100/2010/HSST ngày 17/11/2010.*
- 208 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2011/HSST ngày 28/07/2011.*
- 209 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2012/HSST ngày 10/08/2012.*
- 210 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2012/HSST ngày 14/08/2012.*
- 211 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2014/HSST ngày 02/07/2014.*
- 212 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2013/HSST ngày 13/03/2013.*
- 213 Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2012/HSST ngày 16/02/2012.*
- 214 Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2012/HSST ngày 28/02/2012.*

- 215 Tòa án nhân dân tỉnh Long An, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 164/2005/HSST ngày 23/12/2005.*
- 216 Tòa án nhân dân tỉnh Long An, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2006/HSST ngày 17/01/2006.*
- 217 Tòa án nhân dân tỉnh Long An, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2006/HSST ngày 05/05/2006.*
- 218 Tòa án nhân dân tỉnh Long An, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2008/HSST ngày 06/05/2008.*
- 219 Tòa án nhân dân tỉnh Long An, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2008/HSST ngày 15/05/2008.*
- 220 Tòa án nhân dân tỉnh Long An, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 66/2008/HSST ngày 04/09/2008.*
- 221 Tòa án nhân dân tỉnh Long An, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2012/HSST ngày 17/07/2012.*
- 222 Tòa án nhân dân tỉnh Long An, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2012/HSST ngày 07/08/2012.*
- 223 Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2011/HSST ngày 15/11/2011.*
- 224 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2009/HSST ngày 23/04/2009.*
- 225 Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2007/HSST ngày 15/06/2007.*
- 226 Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2010/HSST ngày 23/08/2010.*
- 227 Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2010/HSST ngày 03/12/2010.*

- 228 Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 108/2005/HSST ngày 22/02/2005.*
- 229 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 226/2005/HSST ngày 22/12/2005.*
- 230 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2008/HSST ngày 13 và 14/03/2008.*
- 231 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 96/2009/HSST ngày 30/12/2009.*
- 232 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2010/HSST ngày 05/02/2010.*
- 233 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2010/HSST ngày 23/03/2010.*
- 234 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2010/HSST ngày 22/06/2010.*
- 235 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2010/HSST ngày 19/07/2010.*
- 236 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2010/HSST ngày 22/10/2010.*
- 237 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2010/HSST ngày 17/11/2010.*
- 238 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 61/2010/HSST ngày 06/12/2010.*
- 239 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2011/HSST ngày 29/03/2011.*
- 240 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2011/HSST ngày 29/06/2011*

- 241 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2011/HSST ngày 18/07/2011.*
- 242 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2011/HSST ngày 10/08/2011.*
- 243 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 74/2011/HSST ngày 28/11/2011.*
- 244 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 80/2011/HSST ngày 28/12/2011.*
- 245 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2012/HSST ngày 27/04/2012.*
- 246 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2012/HSST ngày 17/07/2012.*
- 247 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2012/HSST ngày 25/07/2012.*
- 248 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2012/HSST ngày 17/08/2012.*
- 249 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2013/HSST ngày 06/03/2013.*
- 250 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2013/HSST ngày 18/03/2013.*
- 251 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2013/HSST ngày 10/04/2013.*
- 252 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2013/HSST ngày 10/05/2013.*
- 253 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2013/HSST ngày 28/05/2013.*

- 254 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2013/HSST ngày 17/06/2013.*
- 255 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 80/2013/HSST ngày 05/12/2013.*
- 256 Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2008/HSST ngày 07/08/2008.*
- 257 Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 57/2008/HSST ngày 07/05/2008.*
- 258 Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2012/HSST ngày 01/08/2012.*
- 259 Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2006/HSST ngày 28/04/2006.*
- 260 Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2008/HSST ngày 17/03/2008.*
- 261 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 66/2009/HSST ngày 16/12/2009.*
- 262 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2007/HSST ngày 02/01/2007.*
- 263 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, *Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2009/HSST ngày 26/08/2009.*
- 264 Tòa án nhân dân tối cao, *Báo cáo tổng kết công tác năm 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015.*
- 265 Tòa án nhân dân tối cao (1975), *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự - tập I, Hà Nội.*
- 266 Tòa án nhân dân tối cao (1978), *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự - tập II, Hà Nội.*

- 267 Tòa án nhân dân tối cao (2002), *Công văn số 173/2002/KHXX ngày 25/12/2002 về việc áp dụng pháp luật khi xét xử tội hiếp dâm trẻ em chưa đủ 13 tuổi.*
- 268 Trần Quốc Văn (2011), *Cần sửa đổi các Điều 115 và Điều 116 Bộ luật hình sự hiện hành*, Tạp chí Kiểm sát, số 09.
- 269 Võ Khánh Vinh (2001), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
- 270 Võ Khánh Vinh (2002), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
- 271 Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 272 Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 273 Võ Khánh Vinh (2011), *Quyền con người*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 274 Võ Khánh Vinh (2010), *Quyền con người tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học - Tập 1*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 275 Võ Khánh Vinh (2010), *Quyền con người tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học - Tập 2*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 276 Võ Khánh Vinh (2011), *Cơ chế bảo đảm và bảo vệ quyền con người*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 277 Võ Khánh Vinh (2012), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn của nhóm quyền mới xuất hiện trong quá trình phát triển*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 278 Võ Khánh Vinh (2013), *Lý luận chung về định tội danh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

- 279 Võ Khánh Vinh (2011), *Xã hội học pháp luật - Những vấn đề cơ bản*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 280 ‘A wall of words’: Redefining the offence of rape in South African law”, Lillian Artz và Helene Combrinck đăng trên tạp chí Acta Jurica năm 2003, tr.72 - tr.91.
- 281 “Child rape: facets of a heinous crime” trên <http://www.ncbi.nlm.nih.gov>
- 282 “Death Penalty and Child Rape: An Eighth Amendment Analysis”, Elizabeth Gray, đăng trên tạp chí Luật học của Trường luật thuộc Trường đại học tổng hợp Saint Louis bang Missouri Hoa kỳ, năm 1998.
- 283 “From Victim to Offender: How Child Sexual Abuse Victims Become Offenders”, Freda Briggs, Nxb. Allen & Unwin, Australia, 1995 (192 trang).
- 284 “Human trafficking in Finland”, Sari Latomaa đăng trên tạp chí Intercultural Hum.Rts.L.Rev.229 năm 2014.
- 285 “Preventing Child Sexual Abuse: Evidence, Policy and Practice”, Stephen Smallbone, Bill Markshall, Richard Wortley, Nxb. Willan Publishing (UK) năm 2008.
- 286 “The dynamics of rape in modern indian society” đăng trên <http://www.juridicaljournal.univagora.ro>
- 287 “The evolving jurisprudence of the crime of rape in international criminal law”, Phillip Weiner, Boston college international and comparative law review.
- 288 “The importance of reporting rape”, Christian Diesen đăng trên tạp chí Phoenix Law Review số 4 năm 2013 (tr. 933 - tr.962) ở Thụy Điển.
- 289 “Re - Examination of Rape and Its Growing Jurisprudence under International Law”, Babalola Abegunde đăng trên Tạp chí Chính trị và Luật, số 4 năm 2013 của Nigeria.

- 290 <http://text.123doc.org/document/283268-de-bao-ve-quyen-nhan-than-danh-du-nhan-pham-uy-tin-cua-cong-dan-nha-nuoc.htm>
- 291 <https://chuyenvanlqd.wordpress.com/2012/01/07/danh-d%E1%BB%B1-va-nhan-ph%E1%BA%A9m/>
- 292 http://www.saigonminhluat.com/index.php?option=com_content&view=article&id=2917:nguyen-tc-nhan-o-trong-quyt-nh-hinh-pht&catid=334:hinh-s-to-tung-hinh-s&Itemid=519
- 293 <http://nhandan.com.vn/phapluat/thoi-su-phap-luat/item/22607802-tong-ket-thi-hanh-bo-luat-hinh-su-1999.htmlb>, truy cập ngày 18/07/2016.
- 294 <https://thongtinphapluatdansu.com/2008/10/12/1821/>
- 295 <http://phapluattp.vn/20100824122757371p1063c1016/hiep-dam-nguoi-chuyen-doi-gioi-tinh-co-bi-toi.htm>
- 296 <http://cafef.vn/vi-mo-dau-tu/buoc-phat-trien-moi-cua-kinh-te-viet-nam-20151224142506879.chn>

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC
CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Vũ Hải Anh (2015), *Một số vướng mắc trong xét xử trường hợp phạm tội hiếp dâm trẻ em chưa đủ 13 tuổi có tính chất loạn luân*, Tạp chí Nghề luật, số 1, tr. 43-47.
2. Vũ Hải Anh (2016), *Một số điểm mới của Bộ luật hình sự năm 2015 về nhóm các tội phạm tình dục*, Tạp chí Nghề luật, số 3, tr. 32-36.
3. Vũ Hải Anh (2016), *Một số vấn đề lý luận quy định về tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*, Tạp chí Kiểm sát, số 17, tr. 30-34.
4. Vũ Hải Anh (2016), *Những điểm mới về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người theo Bộ luật hình sự năm 2015*, Tạp chí Luật học, số đặc biệt về Bộ luật hình sự năm 2015, tháng 6, tr. 3-8

PHỤ LỤC 1. DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1: Số vụ án và số bị cáo bị xét xử sơ thẩm về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trong cả nước từ năm 2005 - 2015

Năm	Số vụ	Số bị cáo
2005	1.440	1.839
2006	1.552	1.971
2007	1.629	2.078
2008	1.586	2.029
2009	1.551	2.070
2010	1.481	1.886
2011	946	1.228
2012	1.819	2.307
2013	2.168	2.642
2014	2.367	2.895
2015	2.076	2.454
Tổng	18.615	23.399
Trung bình 1 năm	1.692,3	2.127,2

(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 2: Số vụ án và số bị cáo bị xét xử sơ thẩm về tội hiếp dâm trong cả nước từ năm 2005 - 2015

Năm	Số vụ	Số bị cáo
2005	334	509
2006	336	498
2007	364	518
2008	322	468

2009	322	511
2010	272	416
2011	190	284
2012	285	416
2013	332	430
2014	328	450
2015	233	304
Tổng	3.318	4.804
Trung bình 1 năm	301,6	436,7

(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 3: Số vụ án và số bị cáo bị xét xử sơ thẩm về tội hiếp dâm trẻ em trong cả nước từ năm 2005 - 2015

Năm	Số vụ	Số bị cáo
2005	538	624
2006	576	626
2007	617	705
2008	595	677
2009	488	559
2010	483	562
2011	250	276
2012	558	651
2013	656	751
2014	661	789
2015	526	590
Tổng	5.948	6.810
Trung bình 1 năm	540,7	619,1

(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 4: Số vụ án và số bị cáo bị xét xử sơ thẩm về tội cưỡng dâm trong cả nước từ năm 2005 - 2015

Năm	Số vụ	Số bị cáo
2005	18	35
2006	9	17
2007	8	11
2008	5	5
2009	4	4
2010	7	19
2011	16	25
2012	4	17
2013	7	7
2014	11	18
2015	14	14
Tổng	103	172
Trung bình 1 năm	9,4	15,6

(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 5: Số vụ án và số bị cáo bị xét xử sơ thẩm về tội cưỡng dâm trẻ em trong cả nước từ năm 2005 - 2015

Năm	Số vụ	Số bị cáo
2005	3	3
2006	1	2
2007	4	4
2008	4	6
2009	3	4
2010	2	3
2011	23	35
2012	5	5
2013	2	2
2014	4	4
2015	4	4
Tổng	55	72
Trung bình 1 năm	5	6,5

(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 6: Số vụ án và số bị cáo bị xét xử sơ thẩm về tội giao cấu với trẻ em trong cả nước từ năm 2005 - 2015

Năm	Số vụ	Số bị cáo
2005	265	290
2006	270	292
2007	285	303
2008	287	305
2009	364	378
2010	390	411

2011	243	254
2012	596	613
2013	694	733
2014	841	865
2015	852	876
Tổng	5.087	5.320
Trung bình 1 năm	462,5	483,6

(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 7: Số vụ án và số bị cáo bị xét xử sơ thẩm về tội dâm ô đối với trẻ em trong cả nước từ năm 2005 - 2015

Năm	Số vụ	Số bị cáo
2005	107	109
2006	144	144
2007	127	130
2008	128	131
2009	131	132
2010	148	157
2011	79	79
2012	144	145
2013	206	208
2014	253	255
2015	207	208
Tổng	1.674	1.698
Trung bình 1 năm	152,2	154,4

(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 8: Số vụ án và số bị cáo bị xét xử sơ thẩm về tội mua bán người trong cả nước từ năm 2005 - 2015

Năm	Số vụ	Số bị cáo
2005	65	112
2006	111	219
2007	140	276
2008	149	283
2009	126	262
2010	116	207
2011	85	150
2012	146	307
2013	151	295
2014	149	306
2015	138	276
Tổng	1.376	2.693
Trung bình 1 năm	125,1	244,8

(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 9: Số vụ án và số bị cáo bị xét xử sơ thẩm về tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em trong cả nước từ năm 2005 - 2015

Năm	Số vụ	Số bị cáo
2005	31	58
2006	34	59
2007	38	63
2008	48	83
2009	57	138
2010	37	67

2011	35	68
2012	39	79
2013	63	125
2014	67	114
2015	62	120
Tổng	511	974
Trung bình 1 năm	45,5	88,5

(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 10: Số vụ án và số bị cáo bị xét xử sơ thẩm về tội làm nhục người khác trong cả nước từ năm 2005 - 2015

Năm	Số vụ	Số bị cáo
2005	62	78
2006	54	93
2007	39	61
2008	39	62
2009	48	68
2010	20	35
2011	23	54
2012	40	70
2013	49	82
2014	41	73
2015	35	56
Tổng	450	732
Trung bình 1 năm	40,9	66,5

(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 11: Số vụ án và số bị cáo bị xét xử sơ thẩm về tội vu khống trong cả nước từ năm 2005 - 2015

Năm	Số vụ	Số bị cáo
2005	17	21
2006	17	21
2007	7	7
2008	9	9
2009	8	14
2010	6	9
2011	2	3
2012	2	4
2013	8	9
2014	12	21
2015	5	6
Tổng	93	124
Trung bình 1 năm	8,5	11,3

(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 12: So sánh số vụ án, bị cáo phạm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người với nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người từ năm 2005 - 2015

Năm	Số vụ án			Số bị cáo		
	Các tội NP, DD (1)	Nhóm tội TM,SK,NP,DD (2)	Tỷ lệ (1) so với (2)	Các tội NP, DD (3)	Nhóm tội TM,SK,NP,DD (4)	Tỷ lệ (3) so với (4)
2005	1.440	7.754	18,57%	1.839	11.315	16,25%
2006	1.552	8.696	7,85%	1.971	13.003	15,16%
2007	1.629	8.854	18,40%	2.078	13.260	15,67%
2008	1.586	8.694	18,24%	2.029	13.352	15,20%
2009	1.551	9.001	17,23%	2.070	13.853	14,94%
2010	1.481	8.731	16,96%	1.886	13.830	13,64%
2011	946	5.703	16,59%	1.228	9.089	13,51%
2012	1.819	10.585	17,18%	2.307	17.517	13,17%
2013	2.168	10.732	20,2%	2.642	17.178	15,38%
2014	2.367	10.400	22,76%	2.895	16.425	17,63%
2015	2.076	8.975	23,13%	2.454	13.633	18%
Tổng	18.615	98.125	18,97%	23.399	152.455	15,35%

(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 13: So sánh số vụ án, bị cáo phạm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người với tội phạm nói chung từ năm 2005 - 2015

Năm	Số vụ án			Số bị cáo		
	Các tội NP, DD (1)	Tội phạm nói chung (2)	Tỷ lệ (1) so với (2)	Các tội NP, DD (3)	Tội phạm nói chung (4)	Tỷ lệ (3) so với (4)
2005	1.440	49.140	2,93%	1.839	77.974	2,36%
2006	1.552	55.841	2,78%	1.971	89.839	2,19%
2007	1.629	55.299	2,95%	2.078	92.260	2,25%
2008	1.586	58.449	2,71%	2.029	98.741	2,05%
2009	1.551	60.433	2,57%	2.070	102.577	2,02%
2010	1.481	52.595	2,82%	1.886	88.147	2,14%
2011	946	58.007	1,63%	1.228	100.174	1,23%
2012	1.819	64.696	2,81%	2.307	116.439	1,98%
2013	2.168	65.930	3,29%	2.642	123.200	2,14%
2014	2.367	65.683	3,6%	2.895	118.048	2,45%
2015	2.076	59.206	3,5%	2.454	105.050	2,34%
Tổng	18.615	645.279	2,89%	23.399	1.112.449	2,1%

(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

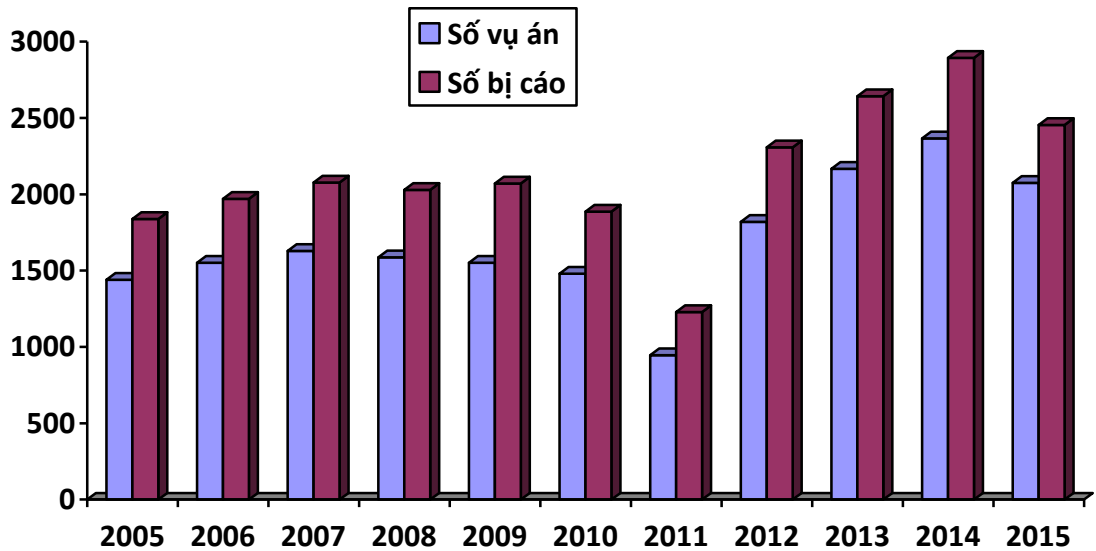
Bảng 14: Mức độ tăng giảm số vụ án, số bị cáo phạm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người từng năm so với năm 2005

Năm	Số vụ án	Mức độ tăng giảm vụ án hàng năm (%)	Số bị cáo	Mức độ tăng giảm bị cáo hàng năm (%)
2005	1.440	100%	1.839	100%
2006	1.552	107,8% (tăng 7,8%)	1.971	107,2% (tăng 7,2%)
2007	1.629	113,1% (tăng 13,1%)	2.078	113,0% (tăng 13%)
2008	1.586	110,1% (tăng 10,1%)	2.029	110,3% (tăng 10,3%)
2009	1.551	107,7% (tăng 7,7%)	2.070	112,6% (tăng 12,6%)
2010	1.481	102,8% (tăng 2,8%)	1.886	102,6% (tăng 2,6%)
2011	946	65,7 (giảm 34,3%)	1.228	66,8 (giảm 33,2%)
2012	1.819	126,3 (tăng 26,3%)	2.307	125,5 (tăng 25,5%)
2013	2.168	150,6 (tăng 50,6%)	2.642	143,7 (tăng 43,7%)
2014	2.367	164,4 (tăng 64,4%)	2.895	157,4 (tăng 57,4%)
2015	2.076	144,2 (tăng 44,2%)	2.454	133,3 (tăng 33,3%)

(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

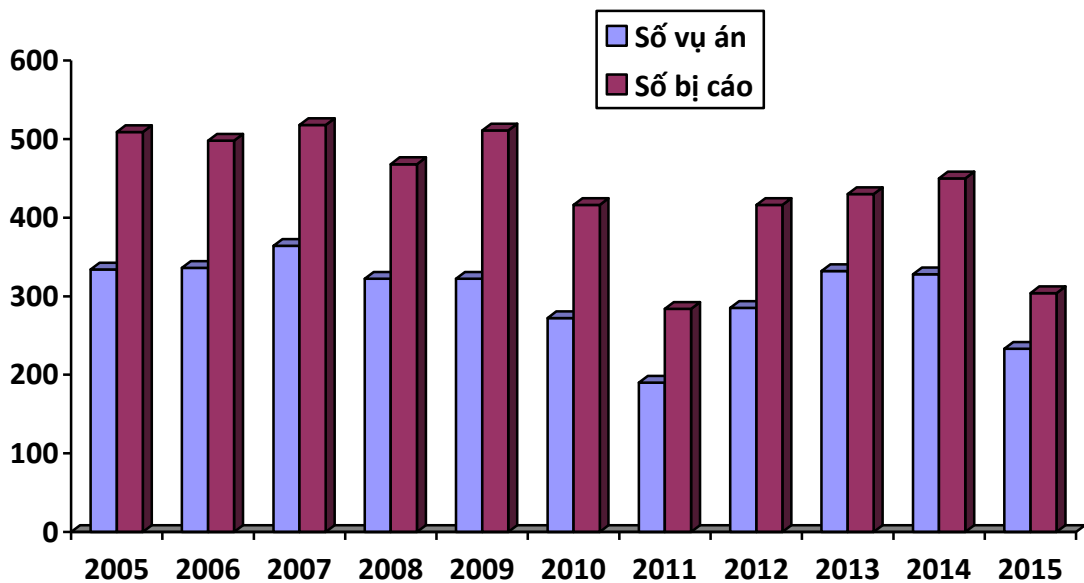
PHỤ LỤC 2. DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Số vụ án và số bị cáo bị xét xử sơ thẩm về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trong cả nước từ năm 2005 - 2015



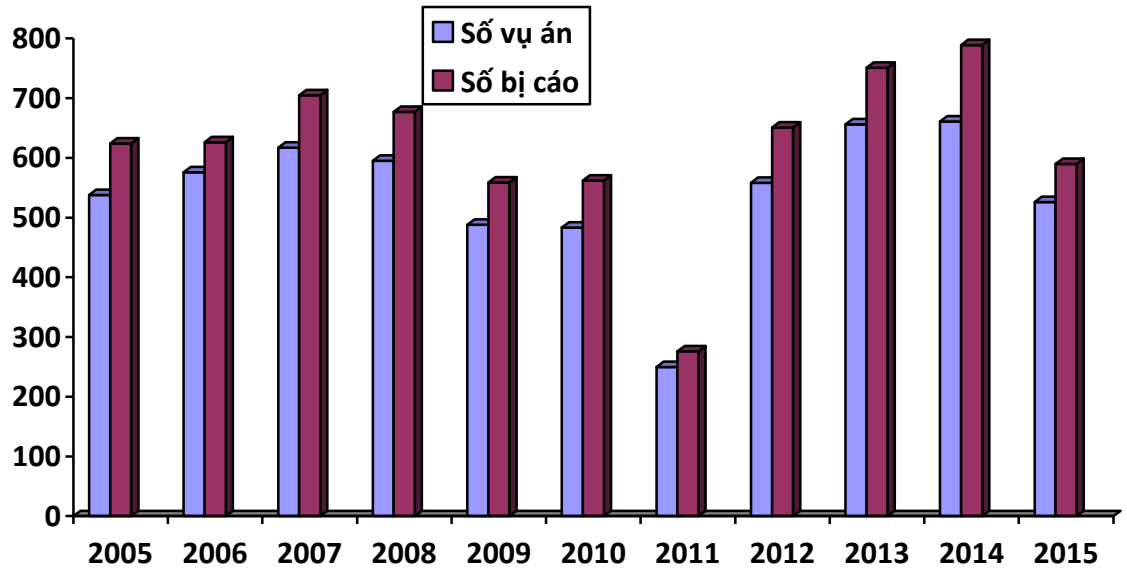
(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Biểu đồ 2: Số vụ án và số bị cáo bị xét xử sơ thẩm về tội hiếp dâm trong cả nước từ năm 2005 - 2015



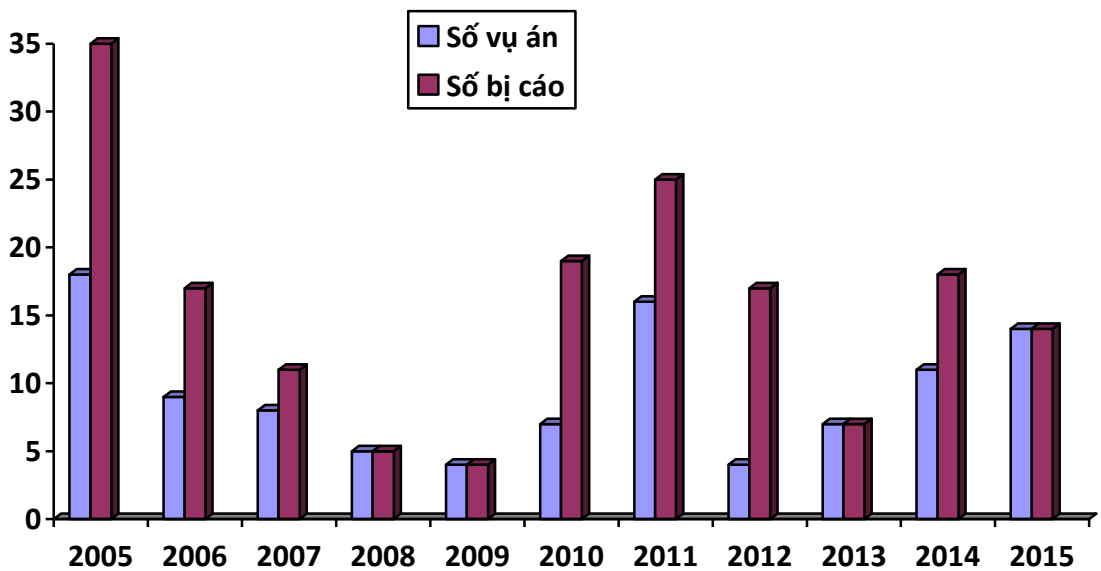
(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Biểu đồ 3: Số vụ án và số bị cáo bị xét xử sơ thẩm về tội hiếp dâm trẻ em trong cả nước từ năm 2005 - 2015



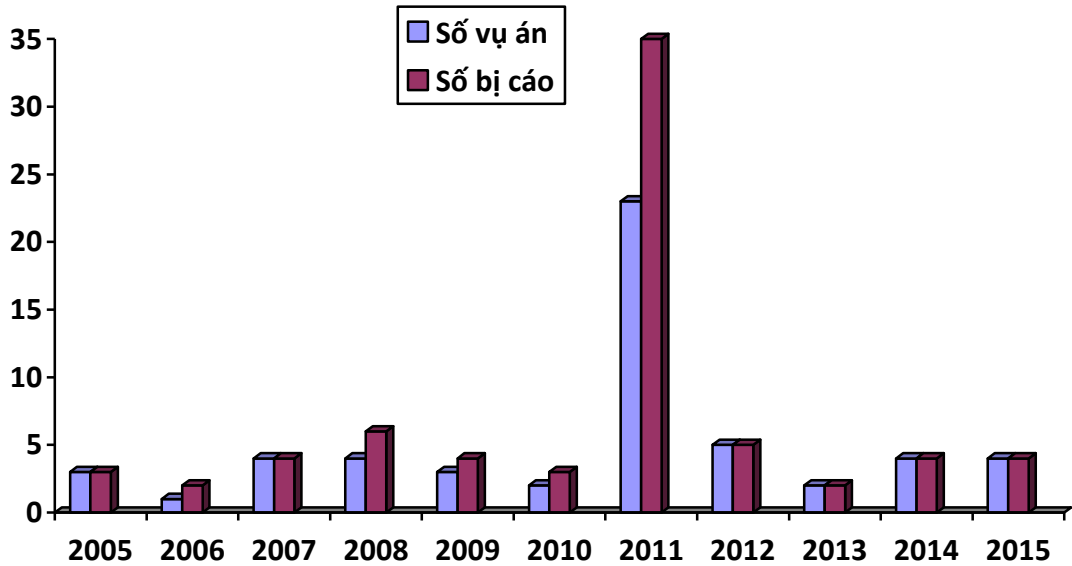
(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Biểu đồ 4: Số vụ án và số bị cáo bị xét xử sơ thẩm về tội cưỡng dâm trong cả nước từ năm 2005 - 2015



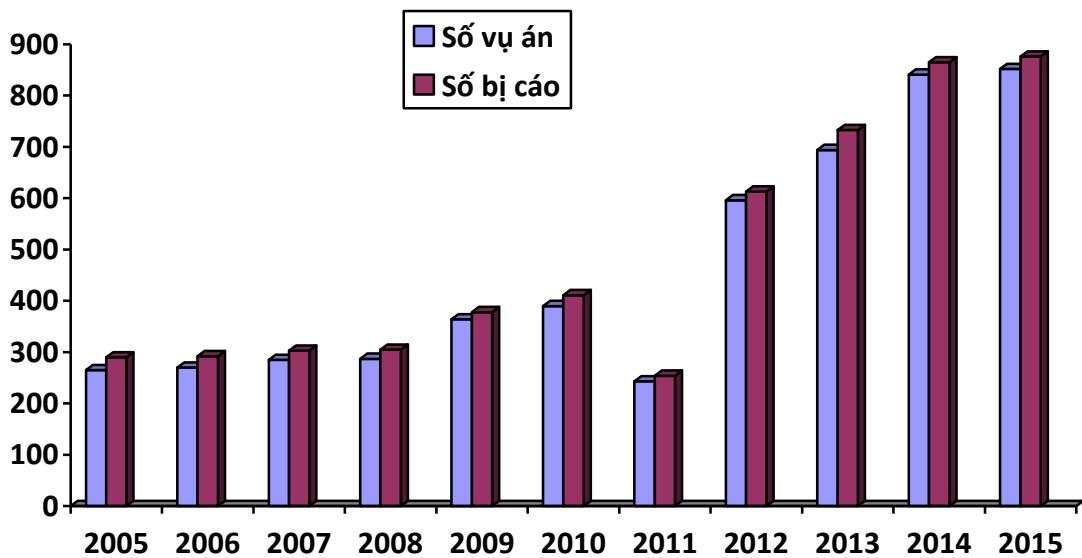
(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Biểu đồ 5: Số vụ án và số bị cáo bị xét xử sơ thẩm về tội cưỡng dâm trẻ em trong cả nước từ năm 2005 - 2015



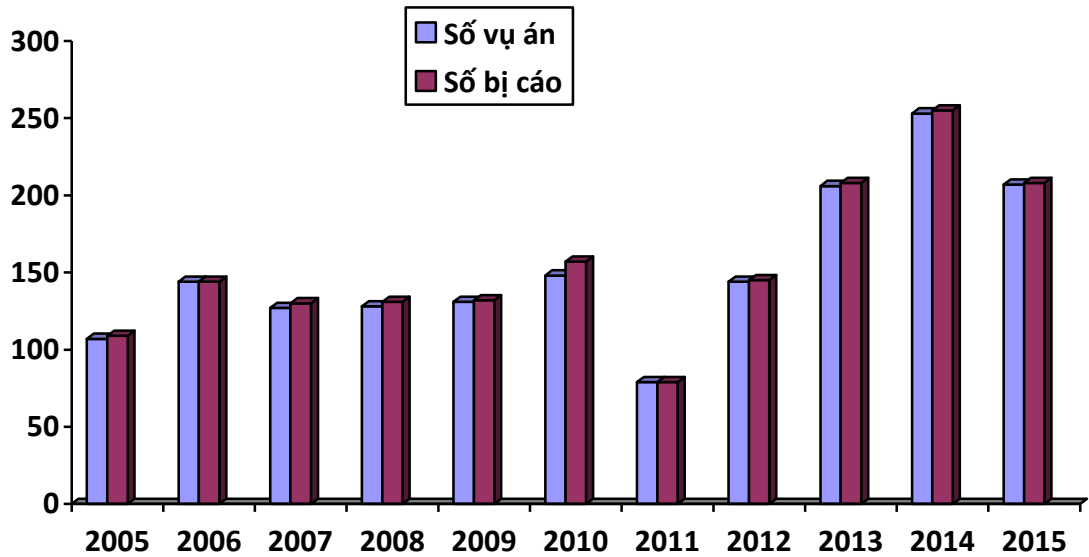
(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Biểu đồ 6: Số vụ án và số bị cáo bị xét xử sơ thẩm về tội giao cấu với trẻ em trong cả nước từ năm 2005 - 2015



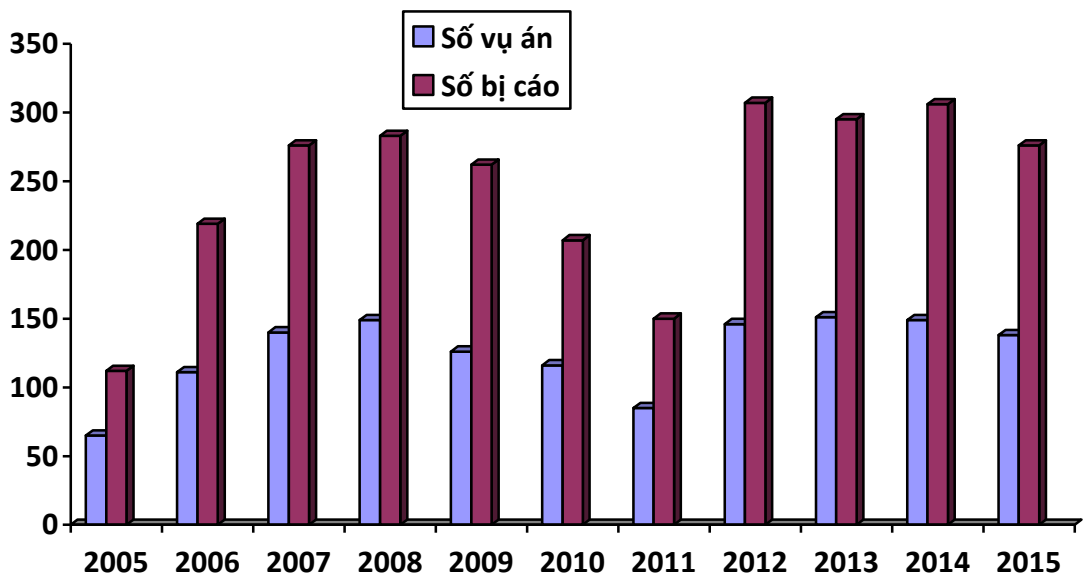
(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Biểu đồ 7: Số vụ án và số bị cáo bị xét xử sơ thẩm về tội dâm ô đối với trẻ em trong cả nước từ năm 2005 - 2015



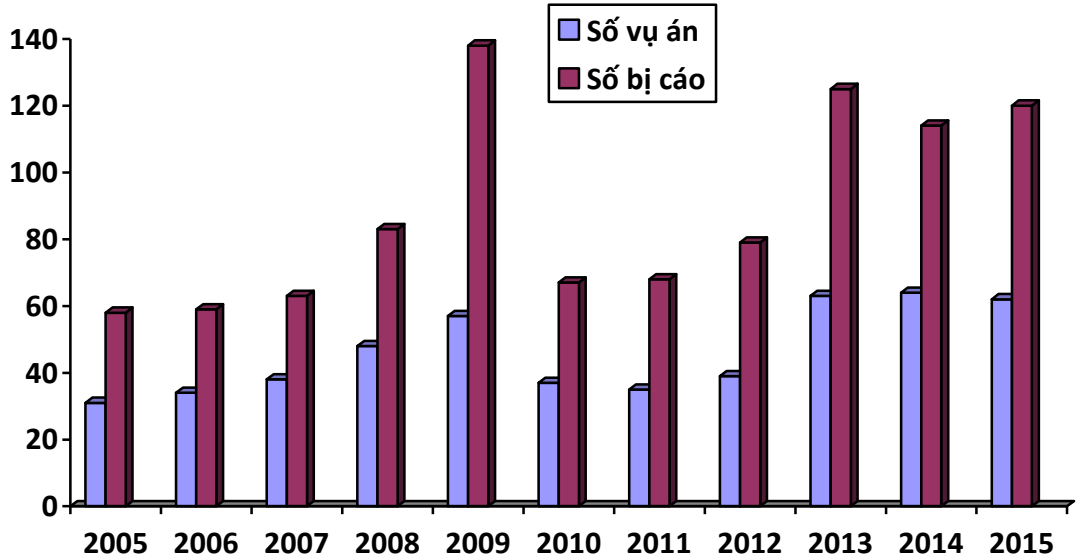
(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Biểu đồ 8: Số vụ án và số bị cáo bị xét xử sơ thẩm về tội mua bán người trong cả nước từ năm 2005 - 2015



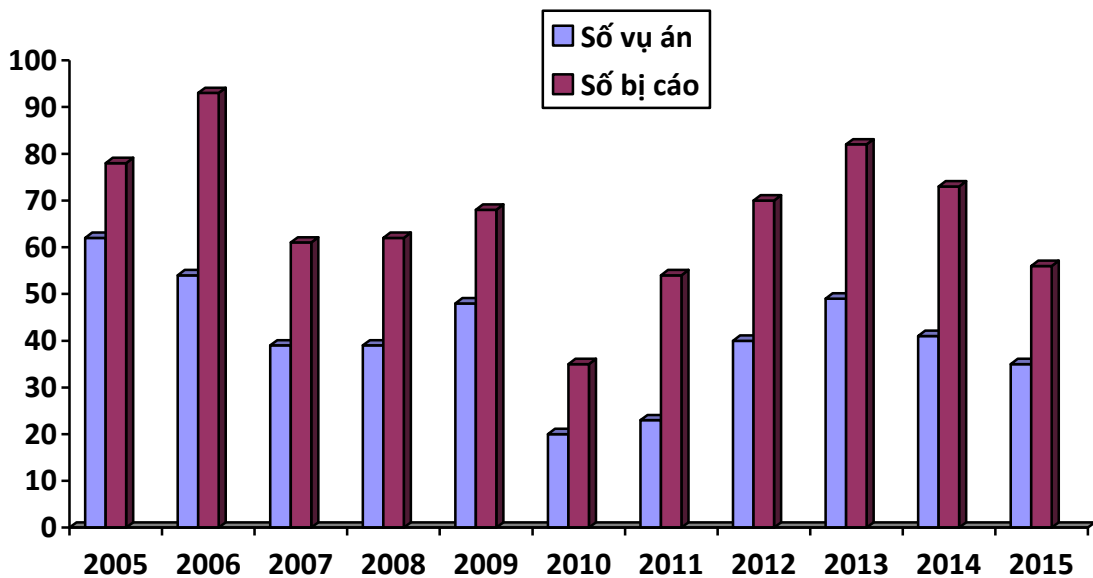
(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Biểu đồ 9: Số vụ án và số bị cáo bị xét xử sơ thẩm về tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em trong cả nước từ năm 2005 - 2015



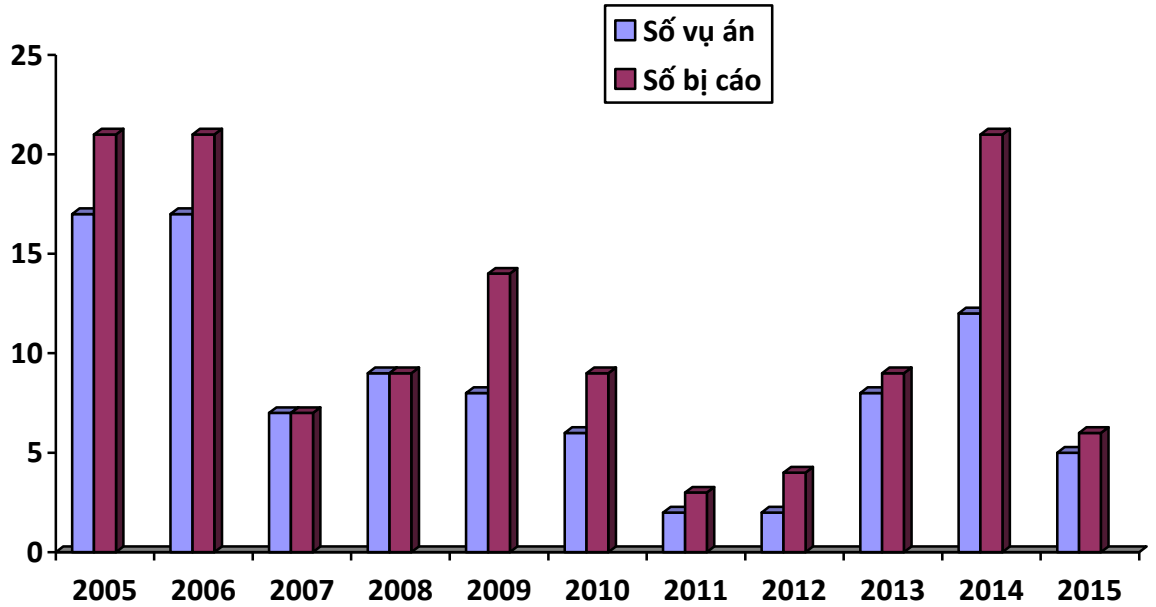
(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Biểu đồ 10: Số vụ án và số bị cáo bị xét xử sơ thẩm về tội làm nhục người khác trong cả nước từ năm 2005 - 2015



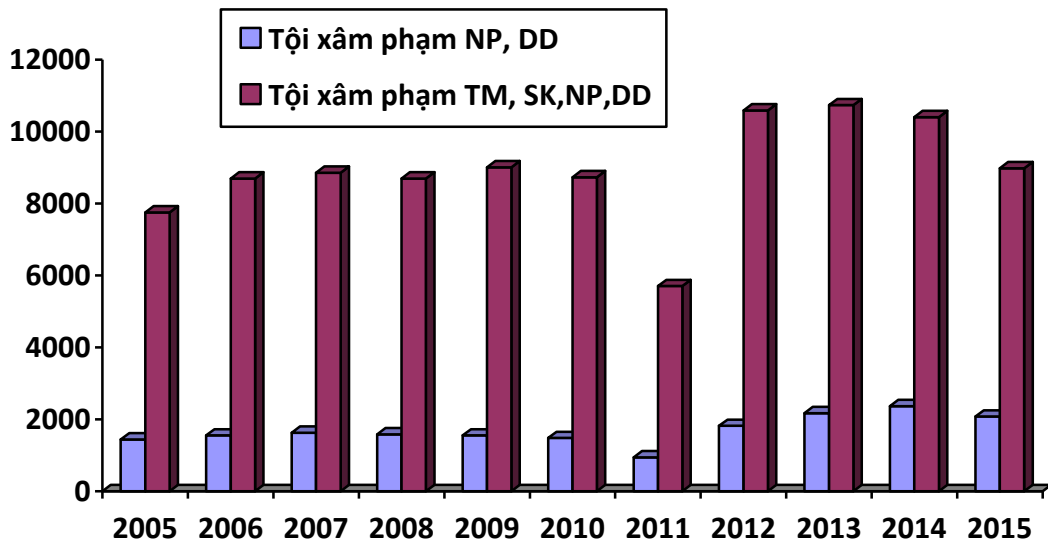
(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Biểu đồ 11: Số vụ án và số bị cáo bị xét xử sơ thẩm về tội vu khống trong cả nước từ năm 2005 - 2015



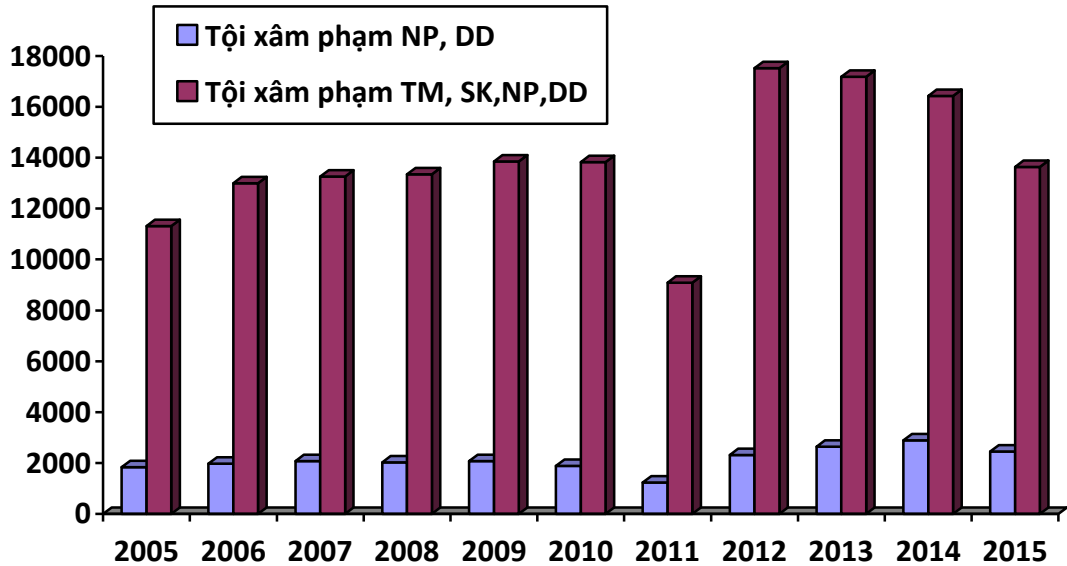
(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Biểu đồ 12: So sánh số vụ án phạm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người với nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người từ năm 2005 - 2015



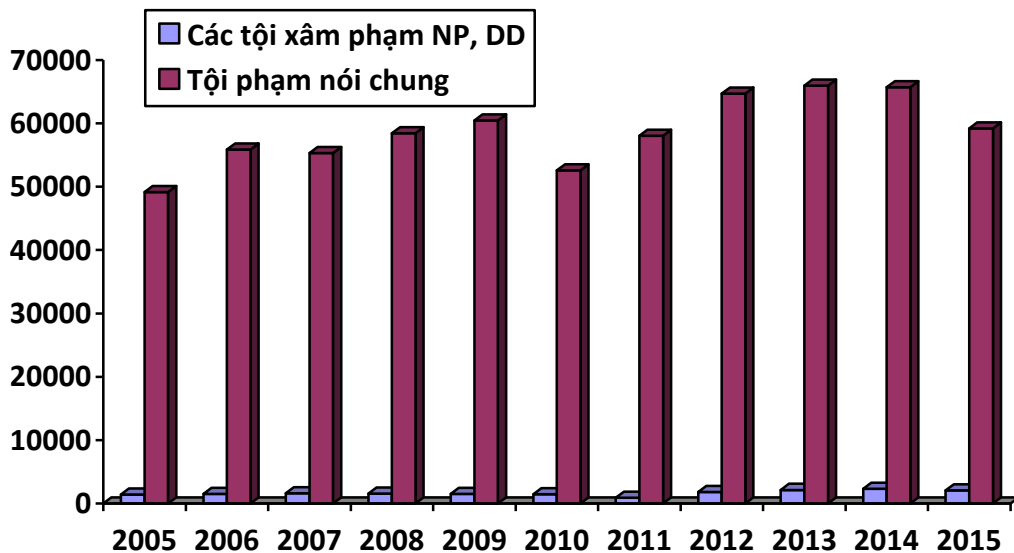
(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Biểu đồ 13: So sánh số bị cáo phạm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người với nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người từ năm 2005 - 2015



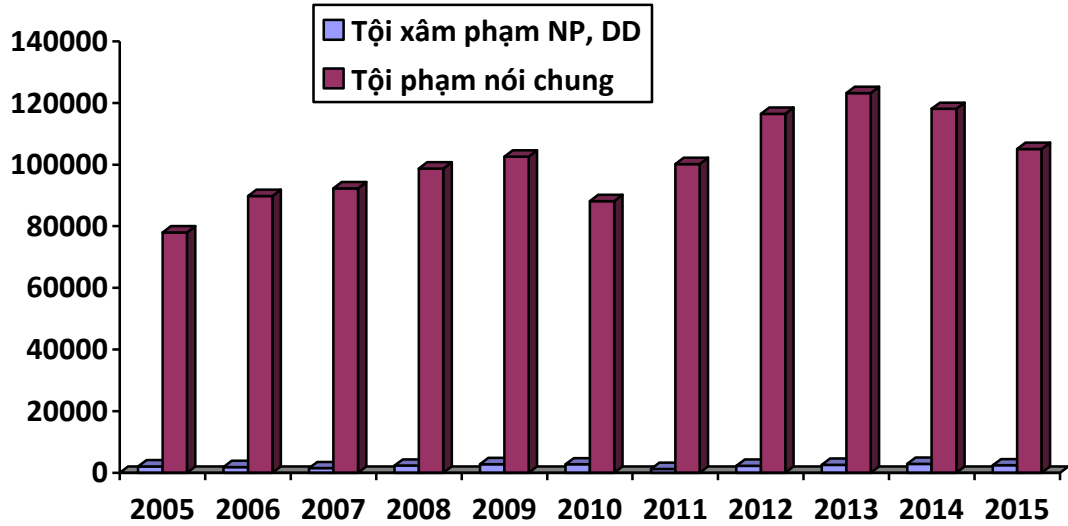
(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Biểu đồ 14: So sánh số vụ án phạm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người với tội phạm nói chung từ năm 2005 - 2015



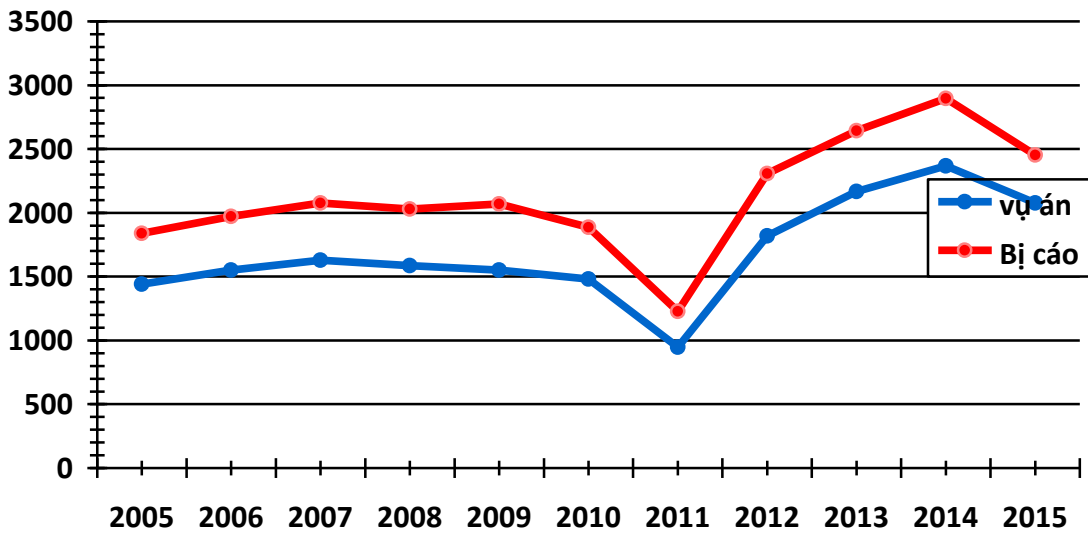
(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Biểu đồ 15: So sánh số bị cáo phạm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người với tội phạm nói chung từ năm 2005 - 2015



(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)

Biểu đồ 16: Mức độ tăng giảm số vụ án, số bị cáo phạm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người từ năm 2005 - 2015



(Nguồn: Vụ Thống kê - Tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao)